

*Thư - Giảng*  
NGUYỄN-DUY-CÂN

VĂN - MINH

ĐÔNG-PHƯƠNG

*VÀ*

TÂY-PHƯƠNG

*CAO-LUẬN*

1957

# VĂN MINH ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG

Tác giả: Thu Giang Nguyễn Duy Cần  
1957

---

Nguồn: bản scan của Chanquangtu  
Đánh máy và chuyển ebook (11/10): tuanz  
Tạo lại eBook (31/12/15): QuocSan.

“Frappe, mais écoute!”—*Thémistocle*

“Đánh thì đánh, nhưng hãy nghe tôi nói đã!”

---

“Celui qui frappe avec l’épee, périrs par l’épee”—*Evangile*

“Kẻ nào giết người bằng gươm, sẽ chết bằng gươm”.

---

“La Vérité est la Synthèse des 2 pôles, mais non pas l’affirmation de l’un au détriment de l’autre. L’Orient métaphysique est dans la même illusion que l’Occident scientifique”—*Carlo Suarès*

La Fin D’un Grand Mythe

“Chân lý là sự tổng hợp của hai đối cực, chứ không phải sự đề cao cái này để phủ nhận cái kia. Đông phương Đạo học cũng như Tây phương Khoa học cũng đều cùng sống trong ảo tưởng như nhau”

---

“Chỉ biết có cái hại, mà chẳng biết đến cái lợi của cái hại ấy, cũng như chỉ biết có cái lợi, mà chẳng biết đến cái hại của cái lợi ấy, đó là chưa biết đến chỗ thật biết vậy”.

---

Thu Giang

## **MỤC LỤC:**

### **TIỂU DẪN**

#### **PHẦN I**

- §I: Hướng nội và hướng ngoại
- §II: Nội tâm và ngoại tướng
- §III: Vô danh và hữu danh
- §IV: Bản thể và Sắc tướng
- §V: Nhu nhược và Cương cường
- §VI: Quan niệm về hạnh phúc
- §VII: Bình tĩnh và náo động
- §VIII: Trầm mặc và hoạt động
- §IX: Đạo thành công
- §X: Đạo học và Khoa học
- §XI: Quan niệm về bậc vĩ nhân
- §XII: Phẩm và Lượng
- §XIII: Bình đẳng và Dân chủ
- §XIV: Quan niệm về Giáo dục
- §XV: Quan niệm về Học hỏi
- §XVI: Óc khuyến dụ
- §XVII: Óc phê bình và biện bác
- §XVIII: Óc tổng quan

#### **PHẦN II**

- §I: Tổng hợp
- §II: Tổng hợp thế nào?
- §III: Thay lời kết luận

#### **PHỤ LỤC**

1. Luật Âm Dương hướng nội hướng ngoại trong nhân loại
2. Tư tưởng của các danh sĩ quốc tế đối với vấn đề Đông phương và Tây phương

## TIỂU DẪN

Bàn đến văn minh Đông phương và Tây phương là một điều to tát quá. Lượng sức mình thiếu học, không dám đèo bồng làm một việc quá sức mình, nên đã lâu rồi vẫn suy nghĩ âm thầm trong cô tịch.

Nhưng đợi mãi, không thấy ai chịu đá động đến, mà tình thế hỗn loạn hiện thời càng ngày càng tăng, không thể nào im lặng được nữa, nên mới có sự đánh bạo viết tập cáo luận này, thật là một sự liều lĩnh vô cùng.

Nhà tư tưởng trứ danh Đức Karl Jaspers có nói: “Triết lý là cái nghệ thuật đặt vấn đề hơn là trả lời những vấn đề đã đặt ra đó”. Bởi vậy, đọc bản cáo luận này, các bạn nên để ý đến những vấn đề nó đã nêu ra hơn là những giải pháp nó đã đề nghị với các bạn.

Chúng tôi vẫn biết sẽ có nhiều bạn thiếu niên sẽ bất mãn và bất bình, vì chúng tôi không biết chịu theo thành kiến và lòng hiếu ó của các bạn, chúng tôi sẵn sàng chịu tất cả rìu búa của các bạn nếu cần, và thiết tha yêu cầu các bạn hãy nghe chúng tôi trình bày hết ý nghĩ của chúng tôi trước khi liệng nó vào sọt giấy.

“Thì cứ đánh tôi đi, nhưng hãy nghe tôi nói đã!”

Văn minh hiện thời đang ở trong một tình thế hỗn loạn không thể nói: tất cả những giá trị đều bị đảo lộn. Lòng người đã đến mức hoang mang vô tận; người ta không còn biết mình muốn cái gì nữa cả. Vấn đề văn minh Đông phương và Tây phương đã đến thời kỳ quyết liệt, không phải chỉ quyết liệt trên mặt trận với bom đạn tơi bời, mà quyết liệt nhất là trên mặt trận văn hóa. Vậy bàn đến những đặc tính của hai nền văn minh căn bản này của nhân loại, kiểm soát lại những bảng giá trị của đôi bên, “tồn hữu dư, bổ bất túc”, tìm lấy một giải quyết chung cho nhau, dù là tạm thời cũng vậy, tưởng đó là vấn đề tối đại khẩn thiết của thời buổi này vậy.

Viết thiên cáo luận này, chúng tôi có 3 điều thắc mắc.

Thắc mắc thứ nhất là vấn đề danh từ. Danh có chánh thì ngôn mới thuận. Nhưng làm gì chánh danh được khi mà ta bắt buộc phải dùng danh từ của giới nhị nguyên để chỉ một việc có một tánh cách toàn diện như danh từ văn minh. Ta nên nhớ, danh từ chỉ có một giá trị tương đối mà thôi.

Chúng tôi còn nhớ dạo nào trên báo chí nước nhà (có lẽ bấy giờ là khoảng những năm đầu đại chiến thứ 2) có những cuộc bút chiến chung quanh vấn đề văn minh Đông phương và Tây phương. Rốt cuộc không đâu vào đâu cả. Là vì vấn đề định nghĩa danh từ không được minh bạch và dứt khoát.

Bởi vậy kẻ nói Tây phương là vật chất, thì bị kẻ khác bác và cho rằng nó cũng có tinh thần. Đúng thế. Sự thật thì trong đời có danh từ gì là danh từ tuyệt đối, nghĩa là có sự vật gì là tuyệt đối đâu. Hễ nói đến tinh thần là có hàm vật chất, nói đến vật chất là có hàm tinh thần. Không có sự vật nào trong đời mà không có hàm chứa cái mâu thuẫn của nó nơi trong. Hiểu trắng là trắng mà đen là đen, âm là âm mà dương là dương một cách hình thức và có một bề thôi là hiểu sai cả cái chân tướng của mọi sự vật trong đời rồi vậy.

Câu tục ngữ Tây phương: “Mỗi tấm mề đay đều có cái bề trái của nó”<sup>[1]</sup>, đã biểu diễn một chân lý đơn sơ nhất của sự vật trên đời.

Bởi vậy, khi chúng tôi phân tích cái đặc điểm của văn minh tinh thần Đông Tây chúng ta nên hiểu với cái nghĩa tương đối của danh từ thôi, nghĩa là khi chúng tôi bảo văn minh Tây phương thuộc về vật chất là chúng tôi muốn bảo khuynh hướng chung của nền văn minh ấy thiên về phần vật chất hơn. Cũng như khi chúng tôi bảo văn minh Đông phương thuộc về tinh thần là chúng tôi muốn bảo khuynh hướng chung của nền văn minh ấy thiên về phần tinh thần hơn.

Khi bàn đến văn minh Tây phương, chúng tôi muốn nói đến văn minh Tây phương cơ giới hiện đại, chứ không phải muốn chỉ cái xã hội văn minh thời trung cổ. Văn minh phẩm truyền thống của Tây phương dứt ngay từ thế kỷ thứ 18, cuối thế kỷ thứ 17 và đã được văn minh cơ giới thay thế. Đến ngày nay thì cơ hồ văn minh Tây phương chỉ còn là một thứ văn minh cơ giới, một thứ văn minh Mỹ châu. Vậy, muốn tránh sự ngộ nhận, xin các bạn, khi nghe bàn đến văn minh Tây phương, nên hiểu rằng đây là muốn ám chỉ cái văn minh hiện thời của Tây phương mà thôi. Còn văn minh Đông phương là cái văn minh còn được truyền thống tuy đã bị Tây phương hóa ít nhiều Đó là thắc mắc thứ hai.

---

Lại nữa, cũng có kẻ sẽ bảo là thiên vị khi nói đến văn minh đông phương mà chỉ bàn đến cái hay mà không chỉ cái dở của nó; cũng

như khi bàn đến văn minh tây phương mà chỉ nói cái dở, không bàn đến những cái hay của nó. Thật ra, nào đâu phải vì tấm lòng thiên lệch, mà là vì cái dở của đông phương đâu cần phải vạch ra nữa, nếu nó không có chỗ dở thì sao lại bị người ta chỉ trích mỉa mai. Có điều những cái hay của nó lại cũng bị người ta hữu tâm hay vô ý xuyên tạc và khinh khi, nên bắt đắ dĩ nhắc lại mà thôi. Còn cái hay của Tây phương mà không đụng đến cũng nào đâu vì lòng oán ghét bất công. Nếu văn minh tây phương không có chỗ hay chỗ quý thì sao được người sùng thương mê say. Bởi vậy, nói đến cái hay của nó là thừa, mà bàn đến cái dở của nó mới là có ích.

Thái quá cũng như bất cập đều là dở cả. Có chỉ trích chẳng là chỉ trích sự quá độ, sự mất quân bình của mỗi thứ văn minh.

Phê bình là một thái độ phụ thuộc, mà tìm hiểu mới thật là bản ý của chúng tôi trong thiên khảo luận này.

Đó là điều thắc mắc thứ ba.

---

Đề cao văn minh thuần túy của Đông phương sao khỏi có kẻ sẽ chê là bảo thủ lỗi thời<sup>[2]</sup>.

Người ta phần đông ngày nay thường bảo: hễ là người thức giả phải có óc cách mạng mới hợp thời. Nên hễ bàn đến cách mạng thì người ta thường nghĩ đến sự phá hoại và phá hoại triệt để, cắt đứt quá khứ để mà kiến thiết tương lai.

Nghĩ thế thật là sai lầm.

Con người trong thời gian, là một cái gì liên tục, không thể bao giờ gián đoạn được. Theo nhà tâm lý học trứ danh C. Jung thì nơi đáy lòng của mỗi người đều có một cái Bản ngã riêng và một cái Bản ngã chung, gọi là siêu ngã (surmoi). Cái bản ngã chung ấy là sự kết tinh của những tư tưởng, tình cảm, tôn giáo, luân lý, phong tục, tập quán, giáo dục v.v của mấy ngàn đời kết tinh lại. Nó chi phối cái bản ngã ta trong mỗi hành vi tư tưởng của ta hằng ngày, chỉ có điều là ta vô tâm mà không dè dó thôi. Phủ nhận nó là một điều không thể được. Cái bản ngã ấy tức là cái “hồn dân tộc”, đâu phải nhất đán mà trừ khử được. Một người vong bản đến bậc nào cũng vẫn còn mang nơi lòng cái dấu vết của cái tâm hồn chung ấy. Sức mạnh của một quốc gia hay một dân tộc là nơi chỗ kết tinh ấy được bền chắc cùng không mà thôi. Việt Nam chúng ta sở dĩ chịu đựng mọi thử thách

của những văn hóa ngoại xâm cũng nhờ cái hồn dân tộc ta, cái siêu ngã ấy của ta cứng rắn vô cùng. Nhưng cái sức cứng rắn ấy không nên thái quá đến mất cả sự mềm dẻo của nó. Không cứng rắn thì “hồn dân tộc” không cố thủ lâu dài, mà không mềm dẻo nó không thể thích ứng kịp theo sự thay đổi của hoàn cảnh tiến hóa. Cái tính quá mềm dẻo, dễ uốn nắn của quốc hồn, khiến cho dân chúng trong nước hay xua nhau về những cuộc cách mạng liên miên. Mỗi một cái gì mới lạ thì ùa nhau mà theo, không phân biệt phải quấy, tốt xấu. Theo họ, ai không như họ là thoái hóa, lạc hậu. Cách mạng như thế là cách mạng không sáng suốt, cách mạng một cách mù quáng điên cuồng.

Trái lại quá kiên cố cứng rắn cũng dẫn vào con đường lụn bại. Cái gì của mình dầu dờ cách nào cũng xem là hơn người, bo bo gìn giữ, trân trọng phi thường. Hễ cái gì thuộc về quốc sử thì lợm lặt giữ gìn, xấu cũng không hay, dở cũng không biết Đó là bảo thủ không sáng suốt.

Những giống sinh vật trên đời, cũng như tất cả những dân tộc trên thế giới, phải bị tiêu diệt nếu quá kiên cố trong một quá khứ rất lâu đời đến hết còn thể nào thích ứng được với những điều kiện mới của cuộc sinh tồn, cũng như nó phải bị tiêu diệt, nếu nó cứ cách mạng liên miên một cách không sáng suốt.

Những dân tộc nào khéo giữ được cái thế quân bình giữa hai tính mâu thuẫn ấy, tính kiên cố và mềm dẻo, dân tộc ấy mới có thể mong tồn tại được trên thế gian này.

Thật vậy, phàm mỗi sinh vật đều có 2 tính mâu thuẫn nhưng thăng bằng chi phối, là Động và Tĩnh. Tĩnh là Âm, mà động là Dương. Âm thì thu lại, Dương thì tán ra. Trong sự thở hút, đó cũng là đạo âm dương. Hút vô là âm, âm có tính cố thủ lại những cái gì mình đã thọ được. Thở ra là Dương, Dương có tính ly tán, nhả ra những gì mình không cần giữ lại. Trong sự ăn uống và bài tiết cũng là đạo âm dương đó. Ăn uống là để đem vào cho mình những chất cần dùng cho cơ thể. Nhưng nếu đem vô, mà không cố thủ lại để biến sanh huyết khí, thì cơ thể ấy phải bị tiêu hủy; trái lại, nếu chỉ cố thủ mãi đến không bài tiết được, để thọ lãnh cái mới khác vào mình thì cái nạn diệt vong cũng thấy liền trước mắt.

Nước Việt Nam trong buổi giao thời và kiến thiết này nếu muốn tồn tại cũng phải khéo gìn giữ thế quân bình giữa hai khuynh hướng tự nhiên ấy: bảo thủ một cách sáng suốt và cách mạng một cách sáng suốt. Những kẻ có sứ mạng bảo tồn văn hóa mà quên để ý đến những điều kiện mâu thuẫn mà thăng bằng ấy, phải chịu trách nhiệm nặng nề đối với sự tồn vong của cả một dân tộc.

Bảo tồn những gì là tinh túy của Đông phương, cái học về tâm linh của nó là bảo thủ sáng suốt; còn đả phá những gì mục nát bằng cách dùng đến khoa học và phương pháp tổ chức của Tây phương để mưu cho đời sống vật chất được đầy đủ, đó là cách mạng sáng suốt, để thực hiện câu này của Jucénal: “Mens sana in corpore sano (một tâm hồn trong sạch trong một thân thể tráng kiện). Có được một thân thể tráng kiện là công trình của Tây phương vậy<sup>[3]</sup>.

Nói đến người Đông phương và người Tây phương, không phải chỉ nói sự phân biệt giữa những vị trí địa dư mà thực ra, như sau này tôi sẽ nói rành rẽ hơn là muốn chỉ về sự phân biệt giữa hai tánh khí: hướng nội và hướng ngoại. Hướng nội và hướng ngoại là danh từ của C. G. Jung, nhà tâm lý học danh tiếng nhất, và sâu sắc nhất hiện thời, dùng để ám chỉ những hạng người sống thiên về tâm linh và những hạng người sống thiên về bên ngoài. Cho nên nói đến lý tưởng của người Đông phương và người Tây phương, kỳ thực là nói đến lý tưởng của 2 hạng người ấy trong nhân loại. Bất cứ là người Đông phương hay người Tây phương không phải đều là hướng nội hay hướng ngoại, mà thực ra ngay ở Đông phương cũng có Đông phương hướng nội và Đông phương hướng ngoại, và ngay ở Tây phương cũng có Tây phương hướng nội và Tây phương hướng ngoại. Sự chống chọi nhau của Đông phương và Tây phương vì thế thành ra là sự chống chọi của hai hạng hướng nội và hướng ngoại mà thôi. Bởi vậy, nói đến tinh thần Đông phương thuần túy hướng nội, thì ngay ở Đông phương cũng có kẻ Đông phương hướng ngoại chống báng và phỉ mạ không tiếc lời, như phái Nho gia đối với phái Lão gia và Phật gia. Một anh Cô hồng Minh hay Hồ Thích không bao giờ có thể không hằn học với cái học của Phật Lão ở Á Đông. Thế mà, trái lại, ngay ở Tây phương thuần túy hướng ngoại cũng có những kẻ Tây phương hướng nội rất thích cái học thuần túy của Đông phương hướng nội và ca tụng không ngớt lời.



Trái lại, đối với Tây phương thuần túy hướng ngoại của họ, lắm người Tây phương hướng nội, họ hẳn học không tiếc lời. Trong một cuộc điều tra của báo Cahiers du Mois tổ chức vào khoảng 1925 dò hỏi ý kiến các danh sĩ Tây phương về vấn đề Tây phương và Đông phương, bà Alice Louis Barthou đã trả lời như thế này: “Về phần tôi, thời giản dị lắm. Tôi rất ó Tây phương. Nó tượng trưng một cái gì mù mờ, lạnh lẽo, xám nhạt, máy móc, cái khoa học giết người, những cái xưởng máy với những xấu xa của nó, sự đắc thắng của ồn ào, chen lấn và bỉ ổi. Chính đấy là cái vật chất chủ nghĩa, cái thực dụng chủ nghĩa, sự náo động vô ích vân vân và vân vân tôi bỏ qua những cái còn tệ hơn nữa. Đông phương trái lại là sự bình thản, sự hòa bình, sự đẹp đẽ, màu sắc, huyền bí, duyên dáng, ánh sáng, sự vui vẻ, đời sống êm đềm và mơ mộng; nghĩa là tất cả cái gì trái lại với cái văn minh đáng ghét và kỳ quái ấy. Nếu tôi được tự do hành động, tôi sẽ cho xây một cái vạn lý trường thành kiểu Trung Hoa giữa hai khối Đông phương và Tây phương để phòng cho cái này (Tây phương) đừng đầu độc được cái kia; tôi sẽ cho chặt đầu những người tà giáo ấy đi, rồi tôi sẽ sống nơi mà ta có thể trông thấy sáng suốt và cũng là nơi mà ta không thấy bóng người Âu châu nữa. Vậy đó!”<sup>[4]</sup>

Phần đông các danh sĩ khác với giọng bình tĩnh hơn cũng đều nhìn nhận Đông phương cao hơn Tây phương về tinh thần, còn Tây phương cao hơn Đông phương về vật chất.

Trong lúc ấy, ngay ở Đông phương cũng có những người Đông phương hướng ngoại mê say cái học trực vật của Tây phương, cuối đầu chạy theo Tây phương vật chất với một tâm hồn cuồng nhiệt của một tín đồ mới. Chính Marcel E. Cahen nói: “Đông phương quan sát chúng ta và bởi chúng ta đã dùng vũ lực ngược đãi họ, họ vào trường của ta để học (cái phép dùng vũ lực ấy). Những thế hệ thanh niên của Đông phương bắt chước chúng ta. Nhưng với hăng hái của một tín đồ mới, họ đem sự bạo động và có khi lại đem sự thờ phụng vật chất mà thuyết giáo nữa.”<sup>[5]</sup>

Bởi vậy, văn minh tây phương mà gặp những hạng người đông phương hướng ngoại là gặp được cuộc đất thuận tiện nhất cho sự phát triển của nó. Huống chi gặp phải Đông phương bị “tâm cảm tự ty” vì bị vũ lực tây phương điểm nhục, muốn cậy lấy vũ lực của Tây

phương để rửa hận! Tôi còn nhớ câu nói này của một người Nhật trả lời cho một người Tây phương trách người Nhật không biết ân ân hóa của họ: “Chúng tôi sống hạnh phúc, sống hạnh phúc với một đời sống thú vị, thật thà và quê mùa. Nhưng các anh mang khí cụ giết người đến giờ thủ đoạn bạo tàn mà điểm nhục chúng tôi. Thì chúng tôi bắt đắ dĩ cũng mượn lại những thứ khí cụ giết người của các anh để trả cái thù ấy và cấm các anh bén mảng đến quê hương chúng tôi nữa Ngoài ra chúng tôi còn gì phải học với anh nữa đâu”.

---

Ngoài vấn đề tánh khí, vấn đề tự ái và tự vệ của Đông phương, lại cũng còn một vấn đề khác khiến cho Đông phương dễ bị tây phương hóa là vấn đề thể hệ. Tôi muốn nói thể hệ thanh niên mới, thanh niên mà đế quốc Tây phương dụng tâm làm cho vong bản để dễ bề đồng hóa. Tuổi trẻ, theo nhà tâm lý học C. G. Jung, là tuổi khuynh về hướng ngoại, thích náo động, thích dùng bạo lực<sup>[6]</sup> mà cho tiếp xúc ngay với lối văn minh chuộng sự khoa trương, dùng bạo lực, náo động nghĩa là thuần hướng ngoại như văn minh tây phương thì còn gì hợp bằng, còn gì sung sướng bằng và cũng không có gì khiến cho lòng mình tủi nhục bằng khi nghĩ đến chính cái văn minh ấy đã làm cho người mạnh mà mình thì nô lệ. Từ sự khâm phục đến phục tùng, rồi đến sự khinh rẻ cái văn minh cổ hữu của mình chỉ có một bước mà thôi. Bởi vậy, bàn đến sự phục hồi cái học cổ điển của Đông phương với bọn thanh niên tân học mà khỏi bị họ mắng cho là có phước lớn rồi.

Tuy vậy, tuổi ấy là tuổi thích hoạt động, thích cách mạng Họ có những khả năng vật chất dồi dào hơn tuổi lão thành, nhưng về kinh nghiệm việc đời thì họ thiếu hẳn. Cái sở trường mà cũng vừa là sở đoản của đôi bên phải được bù sót cho nhau, thì con đường tiến thủ của nhân loại khả quan biết chừng nào!

Văn minh của Tây phương với khả năng hoạt động của nó không khác nào sức mạnh căn cốt của thanh niên, mà văn minh của Đông phương với khả năng trầm tư mặc tưởng và đạo đức của nó không khác nào kinh nghiệm của lão thành, tuy bản chất khác nhau mà vẫn cần thiết cho nhau luôn. Cách ngôn tây phương có câu: “Phải chi thanh niên được giàu kinh nghiệm, phải chi kẻ già cả được giàu sức lực!”<sup>[7]</sup>

Sự tranh chấp giữa văn minh tây phương và văn minh đông phương ngày nay, thực ra cũng là sự tranh chấp giữa hai thế hệ.

“Trẻ khôn qua, già lú lại”, đây là tin tưởng của thanh niên tân học ngày nay. Hermann de Keyserling bàn đến sự tranh chấp của hai thế hệ có thuật một câu chuyện ngộ nghĩnh này: “Một mục sư kia nói với đứa con trai 15 tuổi của ông: từ 15 đến 20 tuổi, cha cho con có quyền tin tưởng con thông minh hơn cha; từ 20 đến 25 tuổi, cha cũng cho con có quyền tin tưởng con thông minh bằng cha, nhưng từ 25 đến 30 tuổi thì cha bắt buộc con phải nhìn nhận cha thông minh hơn con một cách tuyệt đối vậy”. Tâm lý thông thường của tuổi trẻ là thế.

Hợp lại 3 yếu tố như đã kể trên, vấn đề tánh khí, vấn đề tự ái và tự vệ, vấn đề thế hệ, khiến ta thấy Đông phương sớm muộn gì cũng đi vào con đường tây phương hóa nốt. Mà đi đến đó là đi đến con đường tự sát vậy.

Dầu sao, ta cũng phải nhìn nhận trong ba yếu tố trên đây, yếu tố thuộc về vấn đề tự ái và nhất là tự vệ là vấn đề nan giải nhất. Và ở đây ta cũng phải nhìn nhận tân thanh niên của chúng ta cũng có cái lý của họ trong sự chạy theo văn minh cơ giới của Tây phương. Dù là người Đông phương của chúng ta, người thích Hòa bình nhất, cũng không thể dừng được khi thấy mình muốn sống an ổn mà người ta không cho, bọn côn đồ vẫn đứng ngay ngoài ngõ hăm dọa Thì chỉ còn có một cách là tự võ trang để tự vệ trước đã Rồi thì việc gì thì việc gì, tới đâu hay đó. Trong khi mà đế quốc Tây phương đang đe dọa đủ mọi phương diện nền tự do của ta, ta làm gì không nghĩ đến sự tự vệ. Làm thế, ta lại bị hãm vào một cái vòng lẩn quẩn của anh nhà quê và miếng phó-mách của nhà ngụ ngôn La Fontaine: Anh nhà quê nọ thấy con chuột vào tủ gặm miếng phó-mách của anh, anh bèn bắt con mèo nhà bỏ vào để trị con chuột, tức là dùng cái kế “dĩ độc khử độc”. Nhưng anh quên chặn lại cho kịp, sau khi ăn con chuột thì mèo ta quay lại chộp miếng phó-mách của anh ta mà ăn hết. Văn minh tinh thần cổ truyền của Đông phương không khác nào miếng phó-mách ngon lành quý báu của ta. Con chuột là đế quốc Tây phương, mà con mèo là khoa học của Tây phương, nó cũng có tánh chất hủy hoại văn minh tinh thần cổ hữu của ta như con chuột kia vậy. Cái thảm kịch ngày nay của các nước

trong vùng Đông phương ngày nay bị đế quốc Tây phương xâm chiếm lẫn nhau.

Để kết luận tôi xin thuật lại cuộc Tây phương hóa của Nhật bản trong những thế hệ vừa qua, mà tâm sự của họ cũng là tâm sự chung của những nước Đông phương tây phương hóa ngày nay vậy.

Nước Nhật trước kia là một nước văn hiến. Dân chúng an cư lạc nghiệp, thiên hạ thái bình, sống theo một nề nếp liêm sĩ, khôn ngoan và an phận. Và phải đợi đến năm 1853, một chiếc thuyền buồm của Mỹ, cập bến trên một cù lao trong dãy hòn đảo Kouriles. Thủy thủ muốn lên bờ, nhưng dân bản xứ không cho.

Vị lãnh tụ trên đảo ấy, tuy nhẽ nhận mà cương quyết, không cho những người da trắng ấy lên bờ. Những người này cho đó là nhục, trở về xứ, họ yêu cầu chánh phủ can thiệp để rửa nhục. Một hạm đội ra đi, kéo buồm chỉ ngay nước Nhật. Đến vịnh Kago-Shima, họ đổ bộ ở Kiou-Siou. Vị lãnh quân Parry đến than phiền với vị lãnh chúa về cái nhục hôm nọ, ở cách đây có trên hai trăm năm chục ngàn thước. Nhưng vị lãnh chúa ấy lại trả lời: “Anh than phiền đã mất một chiếc tàu, cách đây không biết bao xa? Anh cũng thấy cái vẻ mặt buồn bã của tôi cùng chia buồn với anh chứ. Nhưng anh muốn tôi phải làm sao bây giờ? Nếu anh có những tên thủy thủ vụng về không biết điều khiển thuyền trên mặt bể, thà là chúng anh ở nhà còn hơn. Có lẽ anh không vu cho tôi cái tội làm chìm thuyền của anh chứ? Không? Vậy thì phải làm sao bây giờ?... Những dân trong đảo không cho chúng anh lên bờ? Họ làm đúng với luật lệ trong nước vì chiếu chỉ của hoàng đế cấm không cho người ngoại quốc bước chân lên đất Nhật. Vậy phải tuân luật nước. Phần tôi, chắc chắn tôi không bao giờ bước chân lên nước của anh, tôi hứa chắc với một lời hứa danh dự. Vậy thì, tôi có làm gì thiệt hại đến anh mà phải bồi thường. Còn anh cho đó là nhục, thì đây là một việc to tát rồi đấy, chúng tôi cũng nhìn nhận như thế. Nếu quả anh cho đó là nhục, thì anh giết chúng tôi đi. Giả sử mà anh không thể làm được thì anh tự sát đi. Thôi anh cho phép tôi từ biệt anh, vì chúng ta đã nói chuyện cũng đã lâu rồi.” Vị lãnh quân Mỹ bỏ ra về. Nhưng khi anh lên tàu xong, anh bèn cho mở trọng pháo bắn tan nát thị trấn Lago-Shima.

Ở đời cãi nhau bằng miệng, chứ mấy đời mà cãi nhau với hòng súng đồng. Nhứt là khi mình không có những hòng súng đồng để trả lời lại. Vị lãnh chúa ở Kago-Shima hiểu rất rõ lẽ ấy, ông bèn yêu cầu ngưng chiến, xin lỗi theo sự bắt buộc của lãnh quân Parry, rồi liền đó rút gươm tự tử. Thì đó, là rồi đời của vị lãnh chúa, nhưng còn dân chúng Nhật, họ cũng xem danh dự là điều quan trọng nhất của đời người. Họ vừa “nuốt nhục”, nhưng chưa biết làm sao “trả nhục”. Họ bèn hạ cái chế độ “lỗi thời” ấy, và lập một chánh phủ khác lên một chánh phủ cách mạng triệt để đồ hệt theo Âu Châu cơ khí.

Sự vật đi rất mau.

Câu chuyện ở Kago-Shima là thuộc về khoảng 1854. Cuộc đại cải cách nước Nhật bắt đầu năm 1868. Cuộc đại cách mạng ấy đâu phải là một cuộc đại cách mạng của một xứ lạc hậu muốn học đòi văn minh của một xứ đại văn minh. Sự thật, trước năm 1854, nước Nhật đã là một nước văn minh rất cao, có lẽ còn cao hơn văn minh tây phương lúc bấy giờ nhiều. Họ khôn ngoan, họ thông minh lắm, mà có lẽ họ còn hạnh phúc hơn nữa. Nhưng có điều là họ yếu hơn về vật chất.

Nước Nhật vẫn biết rõ lắm, biết rõ tất cả sự nguy hiểm của họ sắp phải chịu sau này khi buộc mình phải từ bỏ con đường truyền thống của họ để bắt chước theo văn minh đế quốc tây phương, bắt chước người da trắng. Nhưng họ cũng biết rằng nếu muốn sống tự do cần phải có sức mạnh. Mà họ trọng tự do nhất, nên đứng trước một vấn đề khó xử này (cas de conscience) họ đã nuốt lệ mà hi sinh cái học truyền thống cho cái chương trình vong bản của họ. Thật vậy để đi đến một kết quả bấp bênh mà phải lật đổ tất cả công trình của tổ tiên và từ bỏ cái truyền thống, một cái truyền thống văn minh ngàn lần siêu việt và tinh vi hơn thì thật là cả một cái gì liều lĩnh. Nước Nhật không ngần ngại gì cả. Họ đã quả quyết hy sinh.

Nhưng sự “ngờ vực” cứ ám ảnh mãi tâm hồn họ, họ mãi lo âu Một võ quan Nhật, trước trận Tsoushima thắc mắc hỏi một người bạn:

- Chúng ta đã dùng đến võ khí của Tây phương. Chúng ta đã dùng binh pháp của Tây phương. Chúng ta đã bắt chước cả thói tục của Tây phương nữa. Và rồi đây chúng ta sắp gặp nhau với họ ngoài mặt trận. Mai này, nếu chúng ta thất trận thì thế giới sẽ phê bình chúng ta như thế nào?

Một sĩ quan khác liền trả lời không chút ngần ngại gì cả:

- Nếu chúng ta thua trận, thì thế giới sẽ bảo chúng ta là đồ khỉ. <sup>[8]</sup>

May thay, trận ấy Nhật thắng. Rồi cái thắng trận này đến cái thắng trận kia đã đưa Nhật lên địa vị một cường quốc ngang hàng với các nước tiên tiến nhất của Tây phương. Sức mạnh làm cho con người thành ra ngạo nghễ. Nhật mong dùng cường lực dẫm bàn chân mình trên địa đồ các nước khác, làm bá chủ vùng Đại Đông Á, theo chân các đế quốc Tây phương. Rồi một hôm, tiếng bom nguyên tử ở Hiroshima làm tan tành mộng đế quốc. Như một người vừa bị tử thương lẫn lộn trên vũng máu Nhật quốc hiện đã trải qua một cơn khủng hoảng đau thương nhất trong lịch sử.

---

Há không phải đó là điều mà các nước Đông phương bị tây phương hóa như chúng ta nên thành tâm suy gẫm hay sao!

Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN

Đà Lạt ngày 29-1-56

## PHẦN THỨ NHẤT

### NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA VĂN MINH ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG

Bàn đến văn minh Đông phương và Tây phương hiện thời đâu phải chỉ còn là một vấn đề nghiên cứu để nghiên cứu, mà là một vấn đề cấp bách cho chúng ta cả thảy ở một tình thế mất còn. Hiện tình chúng ta đang sống trong một hoàn cảnh hoang mang phi thường, nhứt là sau tiếng bom nguyên tử ở Hiroshima. Hàng thức giả chưa chết say trong cuồng vọng của nền Văn Minh Tiến bộ vật chất đã bàng hoàng lo ngại cho số phận chung của cả nhân loại.

Romain Rolland đã lên tiếng: “Sau cuộc tai biến thảm khốc của cái trận thế giới chiến tranh nhục nhã ấy nó đã đánh dấu sự phá sản của nền văn minh Châu Âu. Châu Âu hiển nhiên không còn đủ sức để tự cứu chữa mình nữa. Tư tưởng của họ phải cần đến tư tưởng Châu Á, cũng như tư tưởng của Châu Á có lợi mà tựa vào nó vậy. Đây là 2 bộ phận của một khối óc chung Nhân loại. Nếu một bộ phận mà bị tê liệt, thì toàn thể cũng suy đồi. Vậy, phải cố gắng mà lập lại sự hợp nhứt và sự phát triển lành mạnh của 2 bộ phận ấy.”<sup>[9]</sup>

G. Monod-Herzen cũng nhận thấy sự khẩn bách của vấn đề này: “Sự tổng hợp Đông phương và Tây phương, nền tảng của sự thuần nhất loài người là một vấn đề sinh tử, có lẽ là vấn đề khẩn thiết nhứt của thời buổi này.”<sup>[10]</sup>

Như thế thử tìm những đặc tính của hai nền Văn minh ấy là cố gắng để hiểu nhau và để yêu thương nhau, nghĩa là để cùng mưu cho nhau Hòa bình và Hạnh phúc thực sự. “Bài học về Đông phương giúp cho người Tây phương hiểu rõ mình hơn, cũng như bài học của Tây phương giúp cho người Đông phương hiểu rõ mình hơn”.<sup>[11]</sup>

---

Tôi rất tán thành câu nói này của R. Kipling: “Đông phương là Đông phương mà Tây phương là Tây phương”. Nghĩa là 2 khối văn minh ấy có mỗi đặc tính khác nhau, rất trái ngược nhau. Nhưng đến khi ông Kipling bảo: “Họ không bao giờ gặp nhau” thì tôi hoàn toàn không đồng ý. Tôi muốn nói lại: “Họ chỉ sẽ gặp nhau nơi cái *thế* quân bình của đôi bên.”

---

Trước hết chúng ta nên nhớ: phân biệt Đông phương và Tây phương là chỉ những trạng thái tinh thần đặc biệt, những cách phán đoán suy nghĩ đặc biệt, những quan niệm về Vũ Trụ và Nhân sinh của đôi bên, chứ không phải lấy sự phân ranh xẻ giới về phân địa lý mà nói. Theo Jean Herbert, để tiện việc khảo cứu ta cũng có thể tạm chia những dân tộc tiền phong đại biểu cho những khối tư tưởng biệt lập ấy. Trong khối tiền phong cho Văn minh Đông phương ta có thể sắp Ấn Độ đứng đầu, kế là Trung Hoa, Nhật Bản và Hồi Hồi. Còn nhóm tiền phong cho khối tư tưởng Tây Phương, ta có thể sắp Hợp chúng quốc Huê Kỳ đứng đầu và kế đó là các dân tộc da trắng Châu Âu và Châu Mỹ.



## Chương I: Hướng nội và hướng ngoại

Người Đông phương bản sinh thuộc về hạng người hướng nội còn người Tây phương bản sinh thuộc về hạng người hướng ngoại<sup>[12]</sup>. Tôi lấy theo cách phân chia đại cương nhân loại như thế là thể theo cách phân chia của nhà tâm lý học trứ danh Carl G. Jung. Tôi thấy lối phân chia này dễ hiểu hơn cả.

Tư tưởng con người bao giờ cũng chịu ảnh hưởng nặng nề của tánh khí bản nhiên nhiều nhất. Sở dĩ người ta thích trầm ngâm tư tưởng là tại bản sinh thuộc về hạng hướng nội, còn người thích hoạt bát náo động là tại bản sinh thuộc về hạng hướng ngoại. Vì thế tôi còn nhớ có nhà triết học sử Âu châu nào đã bảo: Triết học là một vấn đề tánh khí hơn là một vấn đề thuộc về tư tưởng. Thật vậy, mỗi người sở dĩ có sự ưa thích riêng đối với một hệ thống tư tưởng nào, chẳng phải vì lối tư tưởng ấy đúng với chân lý, mà sự thật chỉ vì lối tư tưởng ấy hợp với tánh khí của mình. Người hướng ngoại, thích hoạt động, rất ghét những tư tưởng siêu hình, có tánh cách vô vi. Trái lại, người hướng nội, thích trầm ngâm, ưa sự im lặng và rất ghét những gì náo động vô ích. Bởi vậy, cãi nhau về tư tưởng rất cuộc không vào đâu cả là vì người hướng ngoại thì dù sao cũng trở về với hệ thống tư tưởng hữu vi, còn người hướng nội cũng trở về với hệ thống tư tưởng vô vi theo tánh khí của mình. Tranh cao thấp, tranh chân giả với nhau về tư tưởng thật ra không thể giải quyết được, nếu ta quên vấn đề tánh khí. Đừng nói đến 2 khối tư tưởng Đông-Tây làm gì, ngay trong xã hội thuần túy Đông phương, kẻ thích Phật Lão, người thích Khổng Mặc cũng chỉ vì một vấn đề tánh khí: Phật Lão thuộc về hạng người hướng nội, Khổng Mặc thuộc về hạng người hướng ngoại. Bởi vậy, như Trang tử đã nói: “Đồng với ta, cho ta là phải; không đồng với ta cho ta là quấy” vấn đề Phải Quấy chỉ là một vấn đề thuận nghịch với tâm tính của mình mà thôi. Tranh chấp về tư tưởng là một vấn đề tranh chấp về tánh khí nên mới thành một vấn đề nan giải vậy.

Hai danh từ hướng nội và hướng ngoại này ta nên chú ý cho kỹ, không phải là một danh từ tuyệt đối vì trong đời không có cái gì tuyệt đối cả. Danh từ hướng nội hướng ngoại là một danh từ tương quan. Cái Chân lý tuyệt đối là cái Chân lý Nhất Nguyên, bao trùm cả những chân lý tương quan. Như Âm Dương là hai cái chân lý tương

đối, mà Thái Cực mới thật là cái chân lý tuyệt đối. Nơi con người cũng một thể. Hướng nội không phải là thuần hướng nội, cũng như hướng ngoại không phải thuần hướng ngoại, cũng như gọi là Dương không phải là thuần Dương, gọi là Âm không phải là thuần Âm. Sự thật, thì sở dĩ gọi là Dương là khi phần Dương lấn phần Âm, mà gọi là Âm khi phần Âm lấn phần Dương. “Âm trung hữu Dương; Dương trung hữu Âm”. Người hướng nội không phải là người thuần trầm ngâm mà không hoạt động, cũng như người hướng ngoại không phải là người thuần hoạt động mà không biết trầm ngâm. Sở dĩ nói hướng nội hay hướng ngoại là nói về khuynh hướng nặng về một chiều nào.

## Chương II: Nội tâm và ngoại tượng

Người Đông phương thuộc về hạng người hướng nội nên rất nhạy cảm về những gì thuộc về tâm linh tư tưởng hơn là về những sự vật xảy ra bên ngoài. Đằng sau những hình thức mà mắt thấy tai nghe được, họ cảm thấy ẩn một *cái gì vô hình*. Cái Đó, họ cho là thiết thực hơn những trạng thái thấy đặng, sờ đặng bên ngoài. Họ không mấy quan trọng đến những sự kiện, những hiện tượng xảy ra bên ngoài, mà họ chỉ chú ý đến những ý nghĩa chứa đựng bên trong. Cho nên đối với người Đông phương, sự kiện lịch sử ít quan trọng bằng ý nghĩa tượng trưng của nó. Bất kỳ là một hiện tượng nào, giá trị cao thấp và thiết thực của nó do nơi cái ý nghĩa sâu cạn, bóng dáng hàm ngụ bên trong của nó. Vì vậy, về phương diện này, những câu chuyện thần kỳ, cổ tích có cái giá trị đầy đủ và ý nhị hơn những sự kiện lịch sử trơ trọi. Ở đây, sự phán đoán ấy của người Đông phương cũng có phần đúng của nó. Thật vậy, lịch sử không bao gồm được ý nghĩa thật và tâm hồn con người của một thời buổi nào, mà nó phân tán từng mảnh vụn vật tinh thần của thế hệ. Trái lại, những câu chuyện truyền kỳ có một sức tượng trưng miêu tả được cái không thể tả ra được bằng lời nói, nhất là cái tình cảm chân thật của con người bị dồn ép vào tiềm thức bởi luân lý, chế độ của đương thời cản ngăn đàn áp không cho thổ lộ.

### Chương III: Vô danh và hữu danh

Và, cũng vì thế mà những cái gì thuộc về cá nhân, không có giá trị bằng những gì có tánh cách bao gồm, tổng quát được cái tâm hồn chung của một lý tưởng, của một thể hệ nghĩa là những gì có cái tánh cách vĩnh viễn đại đồng. Người Đông phương chuộng những gì *vô danh* hơn là *hữu danh*, cho nên bậc người lý tưởng của Đông phương là hạng người có những tánh cách chung *vô lý vô công* và *vô danh*. Hồn dân tộc, hồn quốc gia, hồn gia đình là một cái gì vô hình, nhưng rất duy nhất và thiết thực. Mất nó, tất cả hình thức dân tộc, quốc gia hay gia đình đều tan rã cả, và chỉ còn là một vật hữu danh mà vô thực. Những câu ca dao, những truyện cổ tích là tượng trưng cái hồn duy nhất ấy, nó không phải của riêng một ai, mà nó vừa là của riêng mà cũng là của chung của tất cả mọi người trong một thể hệ.

Đã có cái tinh thần vô kỷ, thì việc gì mà đã thành công không phải vì mình mà làm, cũng không riêng gì công của một người mà cũng là công chung của tất cả mọi người. Cho nên, người Đông phương được thành công không bao giờ vin theo đó mà kể công.

Không vì mình, không vì công riêng của mình, đấy là không hiếu danh. Bởi vậy, những gì có tánh cách cá nhân nghĩa là vị kỷ, vị danh, không phải là tinh thần của người Đông phương vậy. Hễ “công thành” thì “thân thoái” đấy là cái đạo của người quân tử Đông phương. Đấy là cái đặc tính đầu tiên của người Đông phương mà cũng là cái đặc tánh quan trọng nhất. Những đức tánh khác đều do đấy mà suy diễn ra.

## Chương IV: Bản thể và Sắc tướng

Cái tinh thần đặc biệt ấy của Đông phương làm cho ngày nay, khi người hiện thời muốn tìm kiếm lại tài liệu lịch sử để viết sử theo phương pháp tây phương thì thật là cả một vấn đề khó khăn hết sức. Những tác phẩm văn chương của người Đông phương thường là những tác phẩm vô danh. Người Đông phương rất khinh thường những gì có tánh cách hữu danh, vị kỷ, nghĩa là tự nhơn rời rạc, cũng như họ khinh thường những gì có tánh cách *chuệ mô* và vụ lấy *thành công* (technique et succès).

*Chuệ mô*, tức là phân chia hoạt động tổng quát của con người và đưa nó trở về cái hoạt động chuyên môn hạn định của con vật. Người có đầu óc chuyên môn ngày nay là một người ngụy tạo, mất cả cái tính cách thuần nhất tự nhiên.

Đi lên một tầng cao hơn, ta có thể nói: cái văn minh Đông phương là một thứ văn minh sùng thượng cái gì *đy nhấ*, cái *Mộ* mà nhà triết học Đông phương gọi là cái Đạo. Cái học của người Đông phương là cái học siêu hình về Bản thể (l'Etre) chứ không phải thuộc cái học về sắc tướng, hướng về sự trở nên (le Devenir) như của người Tây phương. Người Đông phương tin rằng nơi bản thân của con người có một cái gì Duy nhất gồm nắm tất cả những gì mâu thuẫn của nội tâm như Tình và Lý. Cái đó là cái Bản thể, mà Bản thể thì đồng có nơi cả mọi sự mọi vật trong đời. Họ suốt đời chỉ tìm mà thực hiện lại cái Duy nhất ấy, trở về cái nguồn gốc ấy. Mà cái Bản thể ấy nó có sẵn nơi mỗi một người của chúng ta, bất luận là kẻ ngu hay người trí, kẻ phàm hay người thánh. Sở dĩ người ta có kẻ trí người ngu, kẻ phàm người thánh là tại người ta chưa thực hiện được cái nguồn sống duy nhất ấy tiềm tàng nơi mình. Vì thế, người Đông phương không tìm cách để trở nên cái toàn thiện của bên ngoài, nghĩa là không tìm mà mô phỏng theo cái toàn thiện của kẻ chung quanh, dầu kẻ ấy là bậc thánh nhân cũng vậy<sup>[13]</sup>. Trái lại, họ tìm mà thực hiện cái Bản thể nơi bản thân họ, cho nên cái học của họ là cái học tự giác, tu thân, phản tỉnh trước hết.

## Chương V: Nhu nhược và Cường cường

Cái *Sống Mới*, cái sống duy nhất ấy tự nó đồng với bản thể của Trời Đất, con người là một tiểu thiên địa, một tiểu kiện khôn, tất nhiên toàn mãn, toàn năng, toàn thiện. Bởi vậy, người Đông phương nhờ nơi sự tin tưởng ấy mà dứt được cái lòng đeo bông, mong mỗi chạy theo cái tận mỹ bên ngoài, mô phỏng theo kẻ khác đeo đuổi mãi theo cái học trực vật như Tây phương. Thay vì lo chiến đấu với ngoại vật, họ lo chiến thắng với cái vô minh dục vọng bên trong trước nhất. Và cũng nhân đó, quan niệm về sức mạnh của họ không phải đem cái vũ lực để chinh phục thế giới bên ngoài như Tây phương mà là cái sức mạnh tinh thần, lo chinh phục, chiến thắng mình trước hết. Những câu “thắng hơn giả hữu lực, tự thắng giả cường”<sup>[14]</sup> “tri hơn giả trí, tự tri giả minh”<sup>[15]</sup> của Lão giáo, hoặc “tự giác nhi giác tha”<sup>[16]</sup> của Phật gia, hay là cái học “tu, tề, trị, bình”<sup>[17]</sup>, “dĩ tu thân vi bản”<sup>[18]</sup> của Nho gia đã biểu thị rõ rệt cái khuynh hướng ấy của nền văn minh Đông phương. Bởi vậy, chủ nghĩa đế quốc là cái chủ nghĩa thuần túy của Tây phương. Các nước Đông phương đã hết sức buồn rầu khi thấy nước Nhật tự đề lôi cuốn vào con đường bạo động ấy. Tagore có bảo với thanh niên Nhật: “Các anh đã từ những miền cao quý đáng hãnh diện để tự hạ mình lao đầu vào những tham vọng đế quốc theo lối Tây phương”. Thật vậy, kẻ hướng ngoại thường thích dùng vũ lực bạo động cái đó mình cũng có thể hiểu được một cách dễ dàng. Là vì kẻ hướng ngoại, sống trong tâm cảm thiếu kém nghèo nàn bên trong, cho nên mới có cái tâm cảm yếu đuối, sợ sệt. Mà kẻ có cái tâm cảm thấp kém, sợ sệt thường hay sinh lòng ưa thích dùng bạo lực, vì bạo lực là biểu hiệu của những tâm hồn nhút nhát, dùng bạo động để bù đắp cái kém cỏi bên trong của mình<sup>[19]</sup>. Ta nên nhớ “tự ty mặc cảm” hay “tự tôn mặc cảm” không phải là hai tâm cảm đối địch mà chỉ là hai trạng thái của một chứng bệnh: “nghèo kém bên trong”. Họ sở dĩ tìm cách lấy sức mạnh vũ phu, lấy cái khoa trương hách dịch bên ngoài là cốt để *che đậy* cái hèn kém bên trong của họ.

## Chương VI: Quan niệm về hạnh phúc

Nhìn nhận và nhận chân được cái Bản thể thực tại ấy nơi ta rồi, người Đông phương đã cởi được cái tâm cảm tự ty, vì đã thấy mình toàn mãn. Tự mình đã trừ được cái tâm cảm tự ty thì dục vọng mong mỏi chạy theo ngoại vật cũng nhờ đó mà bớt đi và đi lần đến chỗ “thiếu tư quả dục”. Vậy, con đường đạo học của Đông phương không phải là con đường tiến thủ đến một trạng thái gì ngoài mình, nghĩa là theo kẻ khác, mà là con đường “qui căn phản bộc”, con đường “trở về” cái bản thể của mình. Con đường ấy không phải là con đường hữu vi, con đường thâm trừ ngoại vật mà là con đường vô vi, con đường xả thân vong kỷ, con đường giải thoát. “Vi Đạo nhật tổn, tổn nhi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi”<sup>[2]</sup>. Chủ nghĩa vô vi của Trung Hoa đạo học và chủ nghĩa giải thoát của Phật học Ấn Độ, người Tây phương hướng ngoại hoặc Đông phương hướng ngoại không thể quan niệm đặng nổi.

Cái toàn thiện của mình đã có sẵn, và nếu mỗi người đều lo thực hiện cái toàn thiện ấy của mình chứ không lo tranh đấu để thực hiện cái toàn thiện của kẻ khác thì làm sao trong lòng mình còn dục vọng. Dục vọng phải chăng là khao khát, khao khát cái mà mình không có. Những cái gì mình ao ước là những cái gì mình không có và mong mỏi muốn có. Và đến khi mình có được món ấy rồi, lòng ham muốn của mình đối với vật ấy cũng sẽ tiêu lần. Rồi lần lần đi đến sự thản nhiên, chán nản, không tha thiết gì đến nó nữa cả. Cuộc tuần hoàn lại bắt đầu trở lại với một ngoại vật khác nữa Trái lại, kẻ đã tự mình nhận chân được cái kho tàng bất tận nơi mình rồi, thì người đó ắt không còn khao khát gì về ngoại vật nữa, và cũng nhờ đó mà lòng họ được bình tĩnh thản nhiên hơn đối với những biến cố trong đời. Cho nên, cái quan niệm về *Hạnh phúc* của người Đông phương là “thiếu tư quả dục”, còn người hướng ngoại quan niệm về hạnh phúc của họ là lo chiếm đoạt ngoại vật, thâm trừ cho nhiều, đồng hóa với nó để che đậy cái thiếu kém của mình bên trong và vì thế họ buông cái này, họ bắt cái kia mà không biết bao giờ thỏa mãn. Tìm mà tạo cho nhiều sự kích thích thêm muốn hay nhu cầu bên ngoài rồi tìm mà thỏa mãn những nhu cầu ấy, phải chăng đó là cái mà người Tây phương hay Đông phương hướng ngoại ngày nay gọi là *tiết độ* !

## Chương VII: Bình tĩnh và náo động

Với một tinh thần thuận mạng hay an mạng ấy<sup>[21]</sup>, người Đông phương ngay trước cảnh tử biệt hay sanh ly cũng luôn luôn giữ được vẻ bình tĩnh thản nhiên (sanh ký tử qui). Chữ Qui đây là trở về với Đạo. Họ bình thản được trước cái chết, thì những biến cố bất thường khác của cuộc đời, họ còn xem nghĩa lý gì nữa. Sống hay chết, đối với người Đông phương chỉ là một biến đổi trạng thái tạm thời của một cái gì mà họ gọi là “tử nhi bất vong” (bản thể). Người Đông phương ví bản thể trường tồn của con người như một người đọc sách, còn mỗi trang sách lật qua là mỗi lần biến cố bất thường, mà quyển sách đọc xong là đã xong một kiếp người mà thôi vậy. Người đọc sách (bản thể) vẫn không thay đổi. Ghép lại một quyển sách này, để rồi lần lượt đọc thêm quyển khác. Sống, chết không phải là điều đáng quan tâm thắc mắc.

Với một quan niệm về nhân sinh như thế, họ giữ mãi được vẻ bình thản của tâm hồn đối với tất cả những biến cố xảy ra bên ngoài. Và đây là chỗ mà người Tây phương phải khâm phục người Đông phương. Họ không hiểu nổi vẻ thản nhiên lạnh lùng như vô cảm giác của người Đông phương mà họ gọi là huyền bí. Trái lại, người Tây phương họ chỉ bám vào cái ngoài, họ khó mà tránh khỏi lòng lo âu, áy náy. Và đối với họ, chết là hết, chết là mất. cho nên *thờ gian* đối với họ quý hơn vàng. Còn người Đông phương đối với thời gian dường như họ không mấy gì tha thiết đến Trước cuộc vật lộn tranh thủ thời gian không ngừng của người Tây phương, người Đông phương chậm rãi, thư thả mà làm. Đặng không mừng, mất không buồn bởi người Đông phương tâm trí bao giờ cũng quy vào bản thể trường tồn, vô biên vô tận của mình, nó đồng với cái Bản thể trường tồn của Trời Đất.



## Chương VIII: Trầm mặc và hoạt động

Cũng nhân cái quan niệm về thời gian như thế, nên người Đông phương trọng sự *trầm mặc* (contemplation) hơn là *hoạt động* (action).

Người có tâm hồn hướng ngoại như Tây phương không thể hiểu nổi vẻ bình thản dường như bất động (vô vi) của người Đông phương nên thường trách cứ, khinh bỉ người Đông phương như là hạng người làm biếng, nhu nhược

Kẻ mà có một quan niệm về thời gian như thế, dĩ nhiên không chịu bận mắc vào những hoạt động vô ích để chiếm đoạt ngoại vật, hay muốn nói cho đúng hơn, họ không chịu bận mắc vào những náo động mà họ cho là ngông cuồng, bởi họ đã cởi được những nỗi ưu tư của *dục vọng*, của sự *trở ngại*, của vấn đề *phận sự* thúc đẩy họ nữa. Thật vậy, như ta đã thấy trước đây, phạm hể còn dục vọng là vì còn đeo bòng tham muốn một cái gì mà mình không có, chưa có và mong có. Có dục vọng mới có tạo ra quan niệm *tiến bộ*, tiến bộ<sup>[22]</sup>. Theo họ, mỗi một cái gì bên ngoài kích thích ám ảnh mình mà mình mong ước và mình tìm được phương thế để thỏa mãn được, nghĩa là mình chinh phục hay thâu trữ được, đó gọi là một tiến bộ. Bởi vậy, quan niệm về tiến bộ sở dĩ có là do những tâm hồn hướng ngoại tạo nên. Kẻ nào có nhiều của cải, thế lực, nhà lầu, xe hơi, ruộng đất là người tiến bộ, nghĩa là người nào đã chinh phục được nhiều của cải bên ngoài, đem về thâu trữ cho mình, người ấy là người lý tưởng của xã hội hướng ngoại Tây phương. Người Đông phương mà tâm hồn thiên về hướng ngoại cũng không khác nào những người hướng ngoại Tây phương, có khi còn hơn nữa, vì bị cái nạn dồn ép. Họ sở dĩ cho Tây phương là lý tưởng và thờ chủ nghĩa tiến bộ của Tây phương, lên án cái quan niệm thuần túy hướng nội của Đông phương là lạc hậu, suy nhược, phản tiến hóa v.v cũng là lẽ dĩ nhiên, có gì khó hiểu. Và nếu để họ cảm vận mạng của nhân dân, họ sẽ tây phương hóa Đông phương không sai.

## Chương IX Đạo thành công

Người hướng ngoại thờ chủ nghĩa tiến bộ, vụ lấy sự *thành công* cho nên thời gian của họ rất eo hẹp, rất quý báu “Thời gian là tiền bạc”<sup>[23]</sup>. Họ trở nên bồn chồn, vất vả, lo âu, bận khoản, náo động đến nỗi không kịp có ngày giờ để trầm ngâm suy nghĩ Bởi vậy, tâm tính họ thiếu kiên nhẫn, ưa vụt chạc, rất nóng nảy Còn người Đông phương, trái lại *hè hũa, ung dung*, thản nhiên, bình tĩnh và thích trầm ngâm tư tưởng hơn.

Trong khi người hướng ngoại Tây phương bồn chồn, náo động để chinh phục thiên trử ngoại vật, dĩ nhiên nếu đem quan niệm ấy mà áp dụng vào vấn đề xã hội, họ sẽ lấy nền kinh tế làm sinh mạng cho tất cả hành vi tư tưởng con người. Họ bồn chồn để tranh thủ thời gian, nên họ sanh ra gắt gỏng, thiếu kiên nhẫn họ thích làm cho *mau*, làm cho *lớ*, làm cho *nhiều*. Và nhân đó họ mới đặt ra vấn đề *phệ sự* Họ bắt buộc. Quan niệm về phận sự vì thế mới có sanh ra. Cái quan niệm về luân lý này: “Anh *phải* làm như thế này”<sup>[24]</sup> hoặc: “Anh không được làm như thế kia” của Tây phương hoặc của người Đông phương hướng ngoại, người Đông phương thuần túy không có. Những nhà đạo học thuần túy Đông phương, bất luận là ở Ấn Độ hay Trung Hoa, không bao giờ bảo: “Anh phải làm như thế này hay như thế kia” như một ông Kant ở phương Tây đâu. Có nhiều chế độ hướng ngoại Tây phương hoặc Đông phương hướng ngoại ngày nay, họ lạm dụng vấn đề phận sự để bắt buộc người phải giết người, phải sản xuất kinh tế như một bộ máy sản xuất không ngừng.

Người Tây phương là một người hành động. Họ đánh giá con người theo cái năng lực sản xuất vật chất của người ấy. Con người đặc lực của họ, tựu trung là người thành công về vấn đề tiền bạc, vì tiền bạc là phương tiện để họ sai sử thế giới chung quanh, để nâng cao giá trị bên ngoài của họ, để bù đắp cái nghèo kém tinh thần của họ. Tinh thần cũng chỉ là một tên tô tô để phụng sự một thứ ý chí tổ chức chuyên môn sản xuất. Họ sống trong “bất thường” (instable), không biết nhàn nhã là gì, cuộc đời của họ là một sự lưu chuyển bất tận và tiền định không sao tránh khỏi. Quái trạng của xã hội văn minh này là người Tây phương ngày nay đã đi đến cái mức kỳ quặc: làm để mà làm, không biết để làm gì? Tất cả những giá trị đều quy

về số lượng, tâm hồn con người chỉ cũng là một bộ máy để tạo nên lời lẽ. Đời sống của ta mà quan niệm như thế thì lẽ ra một thứ nhân sinh quan đáng gớm. Thế mà, cái nhân sinh quan ấy đã được người ta say mê tôn thờ. Vậy chứ người mà thành công như ngày nay không phải là người tôn thờ cái chủ nghĩa thành công sao? Thành công, ngày nay, đã thành ra một cái đạo. Bất luận là thủ đoạn nào dầu đề tiện đến đâu, miễn là đem đến sự thành công, cũng được người đời sùng bái.

Những kẻ bảo rằng vụ thành công làm cứu cánh mục đích không phải là bắt buộc phải dùng đến những phương tiện tiểu nhân. Người ta có thể vừa tôn thờ chủ nghĩa thành công vừa giữ được cái đạo của người quân tử liêm sỉ. Ở trong vòng lý thuyết thì nói thế nghe cũng xuôi, nhưng ở trong thực tế, kẻ vụ thành công, chỉ vụ có sự thành công mà thôi, khó mà giữ được thái độ quân tử đến kỳ cùng. Người quân tử ở thời này không bao giờ thành công được cả. Một Quan Vân Trường của Đông phương dầu ở thời nào cũng không thành công, và chỉ có cái hạng người như Tào Mạnh Đức là thành công thôi. Những bậc vĩ nhân anh hùng của Tây phương ngày nay hay của Đông phương bị Tây phương hóa ngày nay phải chăng là những Tào Mạnh Đức.

Quan Vân Trường đánh với Huỳnh Trung suốt ngày bất phân thắng bại, đủ rõ Huỳnh Trung là lợi hại. Thế nhưng, lúc Huỳnh Trung bị ngựa vấp mà lạc mã, thì cũng vừa ngọn đao của Vân Trường đi kề bên cổ Huỳnh Trung Vân Trường vội vàng thu hồi ngọn đao và trở đao mà đỡ Huỳnh Trung lên ngựa để cùng đánh lại. Đối với người chỉ vụ có một sự thành công, thì không sao hiểu nổi Vân Trường. Lúc ấy mà không hạ Huỳnh Trung biết đâu sẽ không vì Huỳnh Trung mà bị hại. Mục đích là thành công, thì giết Huỳnh Trung bất cứ bằng cách nào cũng không cần thắc mắc. Thế mà, Vân Trường ở đây là một người quân tử: ông vụ là vụ gìn giữ tiết tháo của người quân tử chứ không phải vụ lấy sự thành công trong trận giặc, cho nên thà chết, thà thất trận, chứ không chịu thành công một cách tiểu nhân. Thật vậy, ông sở dĩ còn sống sót trong trận đánh với Huỳnh Trung không phải là nhờ cái tài của ông hơn Huỳnh Trung, mà là nhờ vào một trường hợp ngoại lệ, là Huỳnh Trung cảm cái nghĩa tha giết của ông mà tha chết cho ông bằng cách bắn ông một mũi tên trên chót mào thôi. Lại khi Vân Trường phò nhị tẩu quá ngừ

quan gặp Hạ Hầu Đôn chặn lại Hạ Hầu Đôn biết ông là một người quân tử đã có lời hứa: “bắt sát hạ mã chi nhơn”<sup>[25]</sup> nên khi đánh không lại ông, liền nhảy xuống ngựa mà nghỉ sức. Hễ cứ một hồi đánh một hồi nghỉ, chủ ý lợi dụng cái lòng quân tử của Vân Trường để cầm chẹn Vân Trường mà đợi quân tiếp viện. Vân Trường cũng biết thế, nhưng người quân tử đã nói một lời, không bao giờ làm sai lại. Ông bình tĩnh ngồi trên ngựa mà đợi Hầu Đôn, bình tĩnh để cho người lợi dụng Người Quân tử không vụ thành công ấy đối với hạng người Tây phương ngày nay hay người Đông phương hướng ngoại thật không thể quan niệm được. Có người bình phẩm Vân Trường là một người ngu quân tử. Nhưng họ đâu có dè, người quân tử, dầu ở vào thời buổi nào, trong cái xã hội vụ thành công thắng lợi này, mà không phải là một người ngu!

Một anh Régulus hay Coriolan ở thời trung cổ của Tây phương<sup>[26]</sup>, một anh Nhạc Chính tử hay Quan Vân Trường “ăn một đội, nói một lời” của Đông phương thuần túy đều không phải là những kẻ ngu đối với người đời nay hay sao?<sup>[27]</sup> Ở Huê Dung đạo, Vân Trường tha Tào Tháo... là sai xa với đạo thành công. Có kẻ bảo là Vân Trường vì nghĩa riêng mà bỏ nghĩa công, nhưng nào đâu phải đấy là tâm sự của Vân Trường. Vân Trường, như ta đã thấy trước đây, là một người quân tử, không chịu tôn thờ chủ nghĩa thành công Sở dĩ Vân Trường tha Tào Tháo ở Huê Dung đạo là vì trường hợp Tào Tháo ngày nay không khác nào trường hợp lạc mã của Huỳnh Trung thuở trước. Bởi vậy trong những đền thờ Quan Vân Trường có những câu liên đối như thế này:

“Bình chúc mạc tỵ hềm, thử dạ tâm trung hoài hữu Hớn;

“Huê dung phi báo nghĩa, đương niên mục hạ thị vô Tào.”<sup>[28]</sup>

Tào Tháo thành công mà Vân Trường thất bại. Nhưng Vân Trường chịu thua trở về thọ tử hình vì tha giặc, chứ không chịu làm kẻ tiểu nhơn mà thành công. Thế mà người Quân tử Đông phương ấy lại được người Đông phương hình hương sùng bái không biết bao nhiêu thế kỷ, và khi nói đến tên người thì không có một người Đông phương thuần túy nào mà không lòng cảm kích. Còn Tào Tháo thì bị dân tộc Đông phương nguyên rủa không tiếc lời. Thậm chí cái anh chàng Yêu Ly<sup>[29]</sup> vụ thành công mà phải bày mưu cho người giết vợ con để làm khổ nhục kế đặt lừa Khánh Kỵ và giết

Khánh Kỵ sau lưng sở dĩ còn được chút thiện cảm với người Đông phương là nhờ lúc anh ta được việc rồi, không chịu sống sót để hưởng cái việc làm bất nghĩa bất nhân của mình, và chính anh trước khi tự sát tự lên án mình bằng những lý lẽ này: “Ta không thể sống được khi đã làm những điều bất nhân bất nghĩa này. Muốn được việc mình mà đem vợ con hy sinh là bất nhân. Lợi dụng cái lòng tin cậy người ta để lừa người ta vào cạm bẫy mà giết người ta sau lưng là bất nghĩa. Đã là một người trượng phu mà không còn biết cách nào khác để thành công bằng cách dùng những thủ đoạn bất nhân bất nghĩa, thì là người bất trí. Như thế, lại được người ta tha giết cho trong khi mình nằm trong bàn tay sanh sát của người ta, đó thật là một điều bất dũng. Ta còn mặt mũi nào mà dám ngó mặt người”. Cái chết của Yêu Ly bằng cách tự mình đâm cổ mình đã cứu được cái tâm hồn quân tử Đông phương của anh chút nào vậy.

Luân lý của Đông phương bảo: “Hưu tương thành bại luận anh hùng” nghĩa là, không nên đem cái thành bại mà luận kẻ anh hùng. Bởi vì, có cái thành công mà tiểu nhân, cũng có cái thất bại mà anh hùng. Mục đích của người quân tử Đông phương không phải ở nơi sự thành công.

Sở dĩ tôi hơi dông dài về đoạn này là vì nó là vấn đề sanh tử của ngày nay. Vụ lấy thành công và chỉ biết thành công mà thôi đã thành một chứng bệnh của xã hội Tây phương ngày nay và chứng bệnh ấy dường như đã đi đến trình độ cao rồi, và đã truyền nhiễm nặng nề xã hội Đông phương đã bị tây phương hóa<sup>[39]</sup>.

Ông Charles Baudoin, trong quyển *Mythe d'une morale moderne* có nói: “Kẻ nào nói đi nói lại mãi “hoạt động, hoạt động” không bao lâu rồi sẽ nói “bạo động”. Thật là một lời nói sâu sắc vô cùng. Kẻ đề cao hoạt động mà khinh thường sự trầm mặc, dĩ nhiên không thể tha thứ cái gì phải cần đến nhiều thời gian (như sự trầm tư mặc tưởng) đến làm trở ngại cho sự thành công. Họ tranh thủ thời gian, họ đốt giai đoạn, họ mất lòng nhẫn nại. Cho nên họ rất dễ dàng đi đến sự độc tài, dùng bạo lực để bắt buộc người người đốt giai đoạn, cướp thời gian theo họ.

Ông Baudoin lại nói: “Kẻ gấp hành động rất khinh thường tư tưởng, vì tư tưởng không “làm” gì cả. Họ nói: Thà làm một cách mò

mắm, nhưng mà phải làm. Họ quên rằng chính đó là cái đặc quyền của tư tưởng<sup>[31]</sup>. Thật vậy, tư tưởng là một hành động đang tượng hình, còn đang ở trong thời kỳ mò mắm nhưng rất bạo dạn, trước khi đem ra chịu ngọn lửa thử thách của thực tế. Nó lại còn có cái đặc tánh chỉ huy hành động nữa. Người Đông phương bao giờ cũng bảo “Tri nan hành dị”.

Đành rằng, thà tư tưởng sai còn hơn là không tư tưởng gì cả. Nhưng thà là không làm gì cả, còn hơn là làm sai. Những nhà cách mạng Tây phương bảo: “Phải làm làm mà sai, không sao cả. Chỉ có những kẻ nào không làm gì cả là không lầm lỗi mà thôi!”. Nhưng, họ quên rằng đem nhân mạng của cả nhân loại để thí nghiệm thì nguy hiểm biết là chừng nào!

---

Tôi còn nhớ một câu chuyện đàm thoại ngộ nghĩnh giữa một người Trung Hoa và một người Hoa Kỳ về vấn đề Tĩnh và Động rất lý thú và hết sức tượng trưng tinh thần đặc biệt của Đông phương và Tây phương, xin lược thuật sau đây:

Anh Trung Hoa quả quyết rằng, trong xứ anh, người ta bằng lòng với những gì đã có sẵn, hễ sao cứ để vậy. Rồi anh lại trách người Hoa Kỳ sao quá thích sự thay đổi

Anh Hoa Kỳ cải lại: phải có thay đổi, mới có tiến bộ.

Anh Trung Hoa mới nói: “Hễ được phần này thì mất phần kia. Cũng có thể trong một ngày, ở Michigan, nhờ những phát minh mới về khoa mổ xẻ mà người ta cứu được cả chục mạng người. Nhưng sự sáng tạo về xe hơi cũng đã gây số người chết vì nó cũng nhiều. Máy bay giúp cho người ta giao dịch mau lẹ, nhưng nó cũng đã giúp cho chiến tranh tàn phá gớm ghê. Rồi thì việc gì cũng không hơn việc gì Cũng không có một tiến bộ gì mà không có một thói-bộ khác bù vào”<sup>[32]</sup>

Câu chuyện đàm thoại trên đây, rất cuộc, người Hoa Kỳ có lẽ rồi cũng tư tưởng như anh Trung Hoa mặc dù hai người có hai quan niệm nhân sinh khác nhau.

---

Đông phương thì thích trầm lặng; Tây phương thì thích náo động, nghĩa là Đông phương ưa Tĩnh, Tây phương ưa Động. Bên thì sùng



thượng cái Trí. “Nhân giả nhạo sơn; Trí giả nhạo thủy”,<sup>[33]</sup> lý dĩ nhiên nó như thế.

Nhưng ta chớ lẫn lộn sự “Bất biến” (immutabilité) với sự “Bất động” (immobilité). Ta có thể ví sự “bất biến” như Nước, còn sự động của nó như sóng. Sóng chỉ là cái động của nước, nó thay đổi hình thái đến thiên hình vạn trạng, nhưng không làm biến cái Thể của nó. Đông phương nhân vì còn giữ được những nguyên tắc truyền thống bất di bất dịch làm cơ sở cho văn minh học thuật, nên không có những sự mò mẫm không đường lối như Tây phương. Xem như triết học, tôn giáo hay các khoa Y học, Dưỡng sinh, Thiên văn, Địa lý dù có những sự bất đồng chống báng nhau, vẫn cũng có những chỗ đại đồng trong nguyên tắc. Cái học của Khổng tử và Lão tử, không thể gặp nhau ở hình nhi hạ, nhưng tựu trung đều căn cứ vào những nguyên tắc chung của đạo Thái Cực và Âm Dương ở Kinh Dịch. Cả hai đều xuất nơi Dịch Kinh, nhưng khác nhau một đằng đi ra, một đằng trở về. Y học hay Thiên văn cũng có những nguyên tắc truyền thống giống nhau ở Kinh Dịch. Nhờ thế mà Văn minh Đông phương có một cái gì nhất trí, bất di bất dịch mà người Tây phương chê là “bất động”

Trái lại, cái học của Tây phương từ khi ly khai với cái học truyền thống thời trung cổ, mất cả những nguyên tắc truyền thống bất di bất dịch, bị tan rã ra các nẻo đường vô tận, thường gọi là cái học chuyên môn Mỗi học thuyết ra đời là một học thuyết chủ quan của một cá nhân, ly tán vô cùng vì thiếu cơ sở chung của một cái học truyền thống, và người ta gọi cái đó là tiến bộ, nghĩa là đi tới mãi, nhưng không rõ là đi về hướng nào. Rồi, tìm được một cái gì mới lạ bèn gọi đó là một sự tiến bộ mới.

“Cái mà người Tây phương gọi là tiến bộ đối với người Đông phương chỉ sự thay đổi, sự bền vững và sự cần thay đổi, rất đặc sắc của thời buổi hiện thời, dưới con mắt người Đông phương là chứng chỉ hiển nhiên của sự thấp kém: Kẻ nào đã đạt đến cái trạng thái quân bình rồi không còn cảm thấy sự đòi hỏi ấy nữa, cũng như kẻ đã hiểu biết không tìm kiếm làm gì nữa”<sup>[34]</sup>. Người Tây phương lại còn sa vào cái bệnh: tìm kiếm để tìm kiếm, nghĩa là mê say sự tìm kiếm và không hiểu tìm kiếm để làm gì. Đây cũng là một quái trạng đã hãm he vận mạng chung của toàn thể nhân loại ngày nay như

nằm kề hòng núi lửa Người Đông phương trái lại, hạn định hành động của họ Họ hành động để tìm một cái gì và chỉ ở trong vòng mục đích hạn định ấy mà thôi. Bởi vậy, họ rất ghét những náo động vô ích. Chỉ làm khi nào cần thiết mà thôi. Và vì thế mà người Tây phương chê người Đông phương là làm biếng.



## Chương X Đạo học và Khoa học

Một cái học “trở về trong” của người Đông phương hướng nội, một cái học phản tỉnh, tu thân, tự giác làm gốc, gột bỏ những dục vọng đeo bông theo ngoại vật để tìm mà thực hiện cái sống toàn mãn bên trong dĩ nhiên lấy Đạo làm căn bản và khinh thường cái học trực vật chạy đuổi theo sự vật, săn tìm nguồn hứng mới nơi sự vật bên ngoài Đó là chỗ sở trường của Đông phương.

Cho nên, Đông phương sở trường về cái đạo tu thân, cái học làm người, cũng không có gì là lạ. Mà Tây phương hướng ngoại chuyên cái học “trở ra ngoài” chạy theo sự vật, tìm cách chinh phục thiên nhiên, tìm mối kích động bên ngoài và thâu trữ ngoại vật để đồng hóa với nó dĩ nhiên lấy Khoa học làm căn bản, cũng là lẽ dĩ nhiên không có gì là lạ.

Một cái học thuộc về Bản thể, không thể giống với cái học thuộc về Sắc tướng. Mục đích khác nhau, phương pháp cũng khác nhau. Bản thể thì vô hình, nhưng luôn luôn thường tại và thường tồn. Nghiên cứu nó không thể dùng những phương pháp khoa học, phương pháp dùng để nghiên cứu giới hữu hình của vạn vật<sup>[35]</sup>. Người ngày nay vì quá say mê cái học trực vật Tây phương và có lẽ vì “tự ty mặc cảm” lại cố dụng tâm khoa học hóa Đạo học của Đông phương. Sở dĩ Đạo học Đông phương ngày một suy đồi là một phần bị những nhà có sứ mạng gìn giữ Đạo học Đông phương đã vô tình khoa học hóa Đạo học. Đạo học mà bị khoa học hóa sẽ chìm vào vật chất, nghĩa là sắc tướng. Tinh hoa của nó mất cả. Tôi xin đơn cử một ví dụ đặc biệt.

Ta thử lấy ngay nhóm Thông thiên học ngày nay để chứng minh Phong trào Thông thiên học (Théosophie moderne) hiện đại, đầu tiên do một nhóm người Tây phương Nhật nhĩ man (anglo-saxons) tạo ra. Đây là một hiện tượng đặc biệt do sự cố gắng khoa học hóa Đạo học Đông phương. Và, phong trào này sở dĩ được đa số người Đông phương theo, vì nó đã đánh trúng tâm lý của phần đông bị tâm cảm tự ty của Đông phương. Còn người Tây phương mà theo cũng vì tâm trạng khủng hoảng của họ trước khoa học vật chất tây phương đã làm cho họ phải hướng về Đông phương để tìm một sự giải quyết ổn thỏa. Nhưng ở đây, người Tây phương đã chưa thoát hóa được cái học trực vật của mình, nên không dám tin đến một cái

gì mà không có khoa học đảm bảo. Tóm lại, người Đông phương mà theo nó là vì tâm cảm tự ty, còn Tây phương mà theo nó là vì tâm cảm tự tôn. Nghĩa là đối với họ khoa học là bảo đảm của văn minh, và chỉ có những cái gì có về khoa học mới là văn minh thôi. Vì vậy, giáo lý của Thông thiên học vô tình đã xoay về cái học sắc tướng, hay nói một cách khác, thuộc về cái học huyền bí mà người tây phương gọi là “Occultisme”

“Occultisme” là một cái học về những giới vật chất, tuy vô hình đối với cặp mắt thường của ta, nhưng vẫn hữu hình tuy phần vật chất ấy rất tinh. Cũng như vật chất có nhiều trạng thái cao thấp do sự tinh thô mà ra. Chất đặc, chất lỏng, chất hơi v.v là những trạng thái từ thô đến tinh nhưng vẫn cũng thuộc về vật chất Cái học Occultisme là một cái học thuộc về sắc tướng. Cho nên họ rất quan tâm đến thuyết luân hồi và cho đó là một phát minh mới mẻ nhất đối với người Tây phương. Keyserling đại khái cũng nói thế: “Văn hóa Tây phương là vật chất. Nói đến vật chất phải hiểu là nói về sự tin chắc hay là cái cảm tưởng không dám thú thật ra rằng cái quan hệ nhất của bản thể là ở những hình thái đặc biệt của nó. Ngay cái cách mà các nhà thông thiên học trình bày và giải thích đạo học Đông phương là một bằng cứ về sự thiết tha của họ đối với sắc tướng. Tỉ như sự bá-cáo về thuyết luân hồi đối với họ dường như là một “tin mừng”, thì đối với người Ấn, đó là triệu chứng của sự đời đời thống khổ. Thật vậy, người Tây phương, dù say mê đạo học đến đâu, ít khi mong muốn sự thoát ly cái đời sống hình thức của mình, và họ cảm thấy như là một tai họa khi mất hình thái cá nhân của họ. Chính cái lòng ham sống, muốn sống của họ ấy khiến họ hiểu rằng sống là lên bậc trong những kiếp khác; bởi vậy, họ quan niệm sự tiến bộ ấy như một công chức sốt sắng lo lắng cho sự thăng quan tiến tước của mình vậy. Đạo học Ấn Độ vì vậy mà bị biến thể thành một thứ chủ nghĩa vật chất theo dân tộc Nhật nhĩ man mà họ tự hào là lột được tất cả tinh thần đạo học Đông phương, nhưng họ đã đi ngược lại tất cả ý nghĩa”. [\[36\]](#)

Nói thế, Keyserling tỏ ra là người thông suốt tinh thần thuần túy đạo học đông phương đáo để.

Tuy vậy, phong trào Thông thiên học là tượng trưng của một sự phản động với Vật chất chủ nghĩa của Tây phương, cũng đã cảnh

tỉnh được một số đông người bị văn minh vật chất của Tây phương đầu độc Nhưng cảnh tỉnh để rồi đưa họ trở về giấc ngủ triền miên của chủ nghĩa Tiến bộ vật chất trá hình của Tây phương khoa học<sup>[37]</sup>.

René Guénon, một nhà đạo học tây phương rất thâm về đạo học đông phương cũng có phê bình phong trào Thông thiên học ấy như vậy: “những nhà thông thiên học nhật nhĩ man mà những danh từ đông phương của họ dùng chẳng qua là một cái mặt nạ cốt để lừa phỉnh những kẻ thật thà và những người thiếu tài liệu nghiên cứu những danh từ ấy chỉ chứa đựng những tư tưởng thích nhất của Tây phương hiện đại hoàn toàn lạ đối với Đông phương” Trong nhóm người Tây phương giống nhật-nhĩ-man ấy “lại có một vài người Đông phương bị tây phương hóa mà chúng tôi đã nói khi nãy, họ cũng dốt như những nhà tây phương nói trên đây về những tư tưởng thuần túy Đông phương họ cũng không tài gì đem những tư tưởng Đông phương mà truyền bá cho Tây phương Vả lại, mục đích của họ đi ngược lại với lòng mong mỏi của họ, vì chính họ làm hư hoại những tư tưởng ấy ngay ở xã hội Đông phương Họ vừa trình bày cho người Tây phương cái Đông phương âu hóa của họ, họ gói ghém tư tưởng thuần túy Đông phương với những lý thuyết mà họ đã được người Tây phương dạy cho Họ là những tay sai thật sự của sự tuyên truyền tai hại nhất của tây phương Chính họ là một nguy hiểm đối với Đông phương, chứ không phải đối với Tây phương mà họ chỉ là phản ảnh”<sup>[38]</sup>

Lời phê phán ấy của R. Guénon có lẽ có người sẽ cho là quá khắt khe, quá thiên lệch. Nhưng, không phải thế. Chính tác giả tập khảo luận này đã một thời gian bị sa lầy trong những giáo lý ấy Sở dĩ chúng tôi tỉnh ngộ được và trở về với tư tưởng thuần túy của Đông phương là nhờ sự nghiên cứu của chúng tôi về đạo học Đông phương bằng cách đi ngay vào những tác phẩm chính thống không bị sự giải thích hay phiên dịch của những bàn tay thứ nhì xuyên tạc. Ngay trước khi chúng tôi đã được đọc những tác phẩm của Keyserling hay R. Guédon mà chúng tôi trưng dẫn trên đây, chúng tôi đã ly khai với phong trào ấy có trên hai mươi lăm năm dư.

Bình phẩm Thông thiên học chúng tôi không chút ác ý gì cả, chỉ vì lòng liêm khiết về trí thức bắt buộc đấy thôi. Thông thiên học sở dĩ

còn tồn tại hay không, là do nhu cầu của những tâm hồn hướng ngoại tạo nên và nuôi dưỡng. Nó là con đẻ của tâm hồn hoang mang của một thế hệ giao thời, đang tìm một cái thế quân bình giữa hai nền văn hóa Đông phương và Tây phương khủng hoảng. Ngay ở xã hội Đông phương, vài giới Phật học cũng đã bị tây phương hóa thành những phật giáo cải lương. Và chính những nhà Đông phương bị tây phương hóa ấy giết chết tinh thần thuần túy của đạo học đông phương. Thật là một hiểm trạng đáng lo ngại nhất ở thời buổi này.



## Chương X : Quan niệm về bậc vĩ nhân

Giờ đây, nên nhắc lại cái kết quả của cái đặc tính đầu tiên mà cũng là trụ cốt cho tất cả những đặc tính khác của Đông phương và Tây phương.

Thay vì sùng thượng cái thuyết *tiết độ* của người Tây phương, người Đông phương chỉ bàn đến sự *thực hiện bản thân* (realisation de soi). Người Đông phương bảo “minh minh đức” theo Nho gia, “minh tâm kiến tánh” theo Phật gia, và “tu tâm dưỡng tánh” theo Đạo gia, chứ không bao giờ bảo phải bắt chước ai, mô phỏng theo một cái toàn thiện nào ngoài mình cả.

Sự quá dễ dàng bị lôi cuốn theo ngoại vật, ồ ạt chạy theo cái học trực vật là khoa học của Tây phương, thích dùng sức mạnh và bạo động để thủ quyền thế của cái bên ngoài đó là cái tâm bệnh đến trình độ cao hoang của người hướng ngoại Tây phương hay Đông phương bị tây phương hóa: hễ nội thương mà suy nhược thì bị ngoại cảm xâm lăng Sự dĩ nhiên phải như thế.

---

Nhân tiện, cũng nên bàn qua cái quan niệm của người Đông phương về bậc *vĩ nhân* như thế nào.

Có nhiều nhà quan sát Tây phương bảo Đông phương thiếu bậc vĩ nhân. Cái đó có đúng Căn cứ vào quan niệm về Tận thiện và Tiến hóa của Đông phương và Tây phương ta thấy rõ cái mục tiêu dùng để đánh giá bậc vĩ nhân của hai bên không thể giống nhau được. Bậc vĩ nhân anh hùng của Đông phương là kẻ đã thực hiện được bản thân, diệt được tư dục, kẻ “vô kỷ, vô công, vô danh”, những bậc “công thành thân thoái” Hạng người đó, đi qua đường đời không chịu để lại một dấu vết gì của mình cả, không khác nào con chim bay trên khung trời mà không lưu lại một ấn tượng gì trong không gian cả Lý tưởng của họ có thể tóm trong 4 câu thơ này:

Phát phơ bóng trúc ngoài song,  
Mà không một mảy bụi hồng xông vào.  
Lòng sông bóng nguyệt rơi vào,  
Mà không lưu chút vết nào nơi đây

Dù họ có can thiệp đến việc đời, họ cũng can thiệp đến một cách kín đáo, không xen vào việc người một cách trắng trợn như người

Tây phương. Họ làm nhưng làm như kẻ không làm gì cả. Họ không làm mà không có một cái gì mà họ không làm. Nghĩa là, hành vi của họ rất kín đáo, không khoa trương, không vị kỷ không khác nào hành động tự nhiên của mặt trời chiếu sáng muôn hoa, nhờ đó mà muôn hoa đua nở, nhưng không ai nhận thấy được cái tác động hữu vi của nó.

Trái lại, bậc vĩ nhân của Tây phương là những kẻ chiếm đoạt được nhiều thế lực, nhiều của cải, cậy công to, ra mặt thầy đời Toàn dùng những hành động hữu vi Bụng dục của họ phải cho thật to, và được thành công trong sự sát phạt Những bậc như một Alexandre đại đế, hay một Napoléon, một Attila, hoặc một Thành Cát Tư Hãn của Mông Cổ người Đông phương không thể quan niệm được vì đối với họ, bọn người ấy không phải là vĩ nhân mà là những kẻ đại bọm. “Thiết câu giả tru, thiết quốc giả hầu”. Kẻ trộm một cái móc thì bị giết, kẻ trộm nước thì được làm vua chư hầu.

Hai lý tưởng khác nhau thì bảng giá trị về bậc vĩ nhân cũng khác nhau. Người Đông phương định nghĩa một anh hùng như thế này: “Tự tri giả anh, tự thắng giả hùng”. *Ah* là người biết được mình, đã thực hiện được cái người thật của mình rồi, *hàng* là kẻ đã thắng được lòng dục của mình<sup>[39]</sup>.

## Chương X I: Phẩm và Lượng

Sùng thượng lý tưởng Tận thiện (perfection intérieure) người Đông phương trọng cái Phẩm hơn cái Lượng. Hay nói một cách khác, văn minh Đông phương là văn minh phẩm, văn minh Tây phương là văn minh lượng; Phẩm thuộc về tinh thần, Lượng thuộc về vật chất; Phẩm thuộc thể, Lượng thuộc về tướng; Phẩm thuộc về bề sâu, Lượng thuộc về bề rộng.

Theo người Đông phương thì mỗi một sinh vật trên đời, tự nó đều hàm chứa một giá trị tuyệt đối. Nếu thực hiện được cái nguồn sống ấy nơi mình là đã đạt đến cái Toàn thiện của mình, cái mục đích cuối cùng của mình, không phải lo tìm mà thực hiện cái toàn thiện của người khác hay vật khác. Cho nên cái Phẩm đối với người Đông phương là quý nhất, cần thiết nhất. Như ta đã thấy trước đây bức vĩ nhân của Đông phương là người đã thực hiện được đến mức cuối cùng cái Phẩm của cái người của mình. Và cái giá trị của con người cao hay thấp ở nơi sự thực hiện được nhiều hay ít cái Phẩm ấy. Ở xã hội Đông phương, phẩm giá con người được nêu cao đến cực độ.

Theo người Tây phương, tôn thờ chủ nghĩa Tiến bộ, thì giá trị của con người không ở nơi cái phẩm mà phần nhiều ở nơi cái lượng, tức là ở nơi số nhà lầu xe hơi, quyền thế bên ngoài của họ. Nghèo bên trong, dĩ nhiên họ tìm thế lực bên ngoài để bù vào cái thiếu kém bên trong.

Cái bệnh của người Tây phương là cái bệnh của người hướng ngoại, cái bệnh tự ty mặc cảm. Có kẻ cho là người Tây phương mắc cái bệnh tự ty mặc cảm, chứ không phải cái bệnh tự ty. Nói thế là chỉ thấy cái bên ngoài của sự vật mà thôi. Kẻ tự ty và người tự ty không khác nhau. Đây chỉ là hai trạng thái của một chứng bệnh nghèo kém bên trong. Kẻ kiêu ngạo là kẻ thiếu kém bên trong và cố dùng cái khoa trương để che đậy mà thôi. Ta há không nhớ câu tục ngữ “xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ” của người Đông phương và câu: “Thùng không thì tiếng kêu vang” của Tây phương sao? Trái lại, kẻ “đầy đủ bên trong” bao giờ cũng nhũn nhặn, khiêm tốn, làm như kẻ không biết gì. [\[40\]](#)



Bệnh tự ty mặc cảm ấy của người Tây phương có 3 đặc điểm sau này, là thích những cái gì *thật,thật mau,thật nhiều* .

Nói thế không phải bảo là họ không quan niệm đến cái phẩm; sự thật họ đem cái phẩm chạy theo cái lượng.

Cái phẩm của con người cũng do nơi số lượng nên người ta chỉ còn là những con số. Nghĩa là giá trị con người bị đánh giá theo con số. Ngay ở nhà trường, người ta cũng căn cứ vào con số để đánh giá học sinh. Thậm chí với một cái nửa điểm hay một phần tư điểm họ đánh giá cao thấp nhân tài. Quan niệm về phẩm của họ thật là máy móc.

Xem ngay những nước tiền tiến nhất của Tây phương ta thấy họ càng ngày càng quan trọng hóa những gì có thể đánh số được. Và những gì họ không đem con số áp dụng được để đánh giá thì họ làm như không đáng quan tâm tìm hiểu làm gì. Hay nói cho đúng hơn, họ không thể hiểu được những gì không thể dùng đến con số để đánh giá. Khi ta đi thăm một thư viện hay một bệnh viện, hoặc một bảo tàng viện nào điều mà ta bị khổ sở nhất là những tài liệu bằng con số: số chỗ ngồi, số sách báo, số giường bệnh, số thống kê trong đó người ta sắp hạng, nếu không đứng hàng thứ nhất cũng là hàng thứ nhì, thứ ba trong tỉnh mình hay trong vạ quốc

## Chương X II: Bình đẳng và Dân chủ

Con người đã bị đánh giá bằng con số, nên ở Tây phương mới có nảy sinh cái lý thuyết *Bh ếg* và *D chủ* mà họ rất tự hào.

Cái Bình đẳng dân chủ của Tây phương thật ra chỉ là một sự *san ếg nhấ luật* mọi hình thức cá nhân: trí thức hay dốt nát, thông minh hay ngu xuẩn đều được ngang hàng cùng một phẩm giá như nhau. Lá phiếu của nhà bác học ở Tây phương, bị đánh giá ngang bằng một lá phiếu của một bác thợ mộc, thợ hồ quê mùa dốt nát, và “đa số thắng thiểu số” mặc dù đa số này là phần đông người vô học thức mà thiểu số này là thiểu số người trí thức hay bậc vĩ nhân. Ở đây cái Lượng đánh tan cái Phẩm. Một phán đoán của một vĩ nhân như Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử hay một Einstein, một Edison bất quá cũng bằng một phán đoán của một anh nông dân quê dốt. Đó là lối bình đẳng dân chủ của Tây phương, cái bình đẳng hết sức hình thức của một thứ văn minh vật chất thuần lượng. Đối với người Đông phương, cái bình đẳng hình thức ấy không những là một sự vô lý, mà lại là một lẽ bất công nữa. Gandhi có nói: “Một cái chân lý không trở thành sai lầm vì bị thiên hạ phủ nhận hay khinh bỉ. Trái lại, một sai lầm mà được tất cả thiên hạ hoan hô tán thành vẫn là sai lầm”. Cũng như câu nói này của Lão Tử: “Cái hay mà cả thiên hạ đều cho là hay là cái hay dở; cái đẹp mà cả thiên hạ đều cho là đẹp là cái đẹp xấu”. Chung quy người Đông phương đều không cho cái Lượng đứng trên cái Phẩm.

Một thức giả Tây phương cũng nhận thấy như thế: “Trong cái xã hội Tây phương hiện đại kẻ thấp phẩm bình người cao, sự dốt nát đặt để giới hạn suy nghĩ cho sự khôn ngoan, sự lạc lảm lẩn áp chân lý, nhân sự thắng thiên lý, đất lấn trời, cá nhân tự xem làm gương mẫu cho tất cả mọi sự và mong cưỡng bách cả vũ trụ phải thể theo những quy luật theo cái lý tương đối của mình”<sup>[41]</sup>. Thật là một sự hỗn tạp phi thường.

Tất cả mọi người ở trong văn minh Tây phương đều phải theo cái luật “thiểu số phục tùng đa số”, và “toàn thể chỉ huy, cá nhân phụ trách”, nghĩa là rốt cuộc, con người đều suy nghĩ và hành động như nhau cả suy nghĩ và hành động như một đàn cừu của anh Panurge. Họ đã làm lộn sự thống nhất, hay hợp nhất (unification) với sự san bằng nhất luật (uniformisation).

Tất cả sự cố gắng để thực hiện cho kỳ được sự san bằng nhất luật ấy, nhất là trong vấn đề nhân sự, kết quả sẽ làm cho người ta mất cái phẩm giá riêng của mình, và như thế họ sẽ trở thành một bộ máy Muốn được vậy, người ta cho dân chúng sống thành đoàn, và bắt họ hội họp mãi, bất luận là cơ hội nào vì con người mà sống trong đám đông sẽ mất cả năng lực tư tưởng tự do của cá nhân.

Những kẻ mà đời sống có thể dễ bị uốn nắn theo quần đoàn thì thật đã sa xuống rất thấp ngang hàng ong kiến Mà thật vậy, chủ nghĩa bình đẳng và dân chủ mới ngày nay ở xã hội Tây phương phải chăng mục đích là lợi dụng tất cả phương pháp để uốn nắn (dresser) cho hết thảy mọi người đều trở nên “người nào như người nấy” như những loài ong kiến ấy. Một xã hội mà đi đến trình độ ấy thật là một xã hội “phi nhân” (sous-humaine)<sup>[42]</sup>.

Xã hội Tây phương ngày nay, là xã hội của quần đoàn, thời đại của quần đoàn (ère de la masse). Mà quần đoàn thì bao giờ cũng vô tâm. Cho nên sứ mạng lịch sử của nó là để cho người dắt dẫn chỉ huy chứ thật sự không phải để dẫn đạo ai cả, vì, thật sự họ chỉ là một yếu tố tiêu cực, một thứ vật chất tha hồ cho ai muốn uốn nắn cách nào cũng được cả, nếu người ta biết “gậy vào chỗ ngứa” của họ. Ngày nay, người ta chỉ dùng những phương tiện hoàn toàn vật chất của khoa học cơ khí cũng đủ dắt dẫn quần đoàn ấy, miễn là khéo làm cho bọn người đa số ấy không thấy họ bị chỉ huy dắt dẫn, mà tin rằng chính họ tự động và chỉ huy lấy mình. Bởi vậy, gọi là thiểu số phục tùng đa số nhưng sự thật là “thiểu số chỉ huy đa số” mà đa số ấy không dè. Thiểu số chỉ khéo dùng những phương pháp my dân là leo được lên những địa vị cao sang một cách dễ dàng hơn những thời đại phong kiến<sup>[43]</sup>.

Sự bình đẳng nhất luật của tất cả mọi sự mọi vật không thể có được trong đời. Nó chỉ là một ảo tưởng do tình cảm chủ nghĩa (sentimentalisme) tạo nên mà thôi, vì nó chỉ có thể quan niệm được khi nào tất cả con người là những bộ máy không hồn, đã mất cả cái nhân phẩm của mình và chỉ còn là những đơn vị của một con số. Và hiện thời dường như tất cả sự cố gắng của Tây phương và nhất là những nước trong Đông phương tây phương hóa là để đi đến cho

kỳ được sự san bằng nhất luật ấy, san bằng theo cái mẫu người hạ đẳng, vô trách nhiệm.

Những quan niệm về dân chủ và bình đẳng chung quy là để biến thành con người trở thành những bộ máy, vì máy móc phải chăng là tượng trưng đặc biệt của cái Lượng đứng trên cái Phẩm.

Sự bình đẳng hình thức của Tây phương phủ nhận cái luật bất bình đẳng tự nhiên của mọi sự mọi vật trên đời. Bởi vậy, họ cố gắng để san bằng xã hội giai cấp và ban bố một lối giáo dục nhất trí cho tất cả mọi người, họ lại đem quần chúng tầm thường đặt lên trên trí thức Quan niệm về Bình đẳng và Dân chủ này làm cho cá nhân của con người mất cả cá tánh và biến thành một vật hoàn toàn vô danh<sup>[44]</sup>, chìm mất trong đám quần đoàn, một con vật không có ý gì riêng của mình nữa cả, và trong công cuộc hoạt động hằng ngày chỉ còn là một đơn vị mà người ta có thể thay thế vào bằng một đơn vị nào khác cũng được.

Người Đông phương cũng có thuyết bình đẳng, nhưng bình đẳng của Đông phương căn cứ vào cái phẩm tinh thần, không như bình đẳng của Tây phương căn cứ vào cái lượng vật chất. Bình đẳng của Đông phương căn cứ trên sự bất bình đẳng tự nhiên, cho rằng con người sanh ra không ai bình đẳng cả về phẩm chất: có kẻ hiền người ngu, kẻ mạnh người yếu Tuy nhiên, người Đông phương rất quý trọng cá nhân; mỗi cá nhân đều có một giá trị tuyệt đối nếu họ biết thực hiện đến mức cùng cực cái thực thể của bản thân họ. Cái khả năng tuy có hạn định mà phẩm giá thì ngang nhau, không gì quý hơn cái gì, không gì cao hơn cái gì Cũng như cái tận thiện của hoa hường là một hoa hường đã đạt đến cái tận thiện của nó, chứ không phải là cái tận thiện của hoa lan. Để đạt đến cái tận thiện của mình là đã đạt đến mục đích cao nhất và cuối cùng của mình, thì phẩm giá đều đồng với nhau cả. Và muốn cho mỗi vật được đạt đến mục đích cuối cùng của nó thì mỗi vật phải được tự do phát triển cái bản tánh của nó. Sự tự do phát triển của mỗi cá nhân là điều kiện tất yếu của sự phát triển tự do của tất cả mọi người trong xã hội. Bởi vậy, Đông phương rất trọng tự do cá nhân và không có thói tuyên truyền cổ động dụ dỗ ai cả để họ cùng theo một lý thuyết với mình. Thuyết lo đời của Tây phương là lo đem người người cùng về theo cùng một tư tưởng hoạt động như mình. Cho nên lo đời của họ có tánh

cách đàn áp kẻ khác hơn là soi sáng cho mỗi người tìm lấy con đường chính của riêng từng người. Đế quốc chủ nghĩa của Tây phương phải chăng một phần do cái lý tưởng lo đời ấy, lo đi chinh phục người để văn minh hóa họ theo mình mà họ thường khoe khoang là đi văn minh cho nhân loại. Họ đâu có dè mỗi dân tộc đều có một văn minh theo trình độ của họ, mà sự lo văn minh khoa học hóa Đông phương ngày nay của họ dưới hình thức cưỡng bách bằng vũ lực đã bị thất bại nặng nề. Và mai mả thay chính thức-giả họ đã phải có người bảo: “Yến sáng do từ Đông phương đến” (La lumière vient de l’Orient). Và Michelet đã than thở: “Ở đây Tây phương eo hẹp quá! Xứ Hy Lạp nhỏ bé quá, tôi nghẹt thở. Xứ Judée khô khan quá, tôi thở dốc. Hãy để tôi nhìn một chút bên chân trời xa thẳm Đông phương kia Nơi đây, là cả một bài thơ mệnh mông, rộng như Ấn độ dương, hòa nhã đầy yến sáng mặt trời. Một cảnh thái bình êm ái, ngay giữa cuộc xô xát chiến đấu cũng có một cái gì dịu dàng vô tận, một sự yêu đương không bờ bến đối với tất cả mọi sinh vật trong đời, một cái biển Từ Ái, khoan hồng, đầy trắc ẩn vô biên vô tận. Tôi đã tìm thấy được cái mà tôi muốn tìm: quyền thánh kinh của lòng Nhân đạo.”

Như thế, thật là mỉa mai. Cái Đông phương đã man nầy dưới con mắt của người Tây phương tự nó cũng đã có một cái gì đáng quý và nó đâu có cần phải có người dùng vũ lực đến để mà văn minh nó. Bài học mỉa mai sâu sắc này, chưa rõ những người Tây phương đã hiểu được chưa, và nhất là những người Đông phương bị tây phương “khoa học hóa” họ đã tỉnh ngộ được chưa? Hay họ vẫn đui mù lôi kéo cả dân tộc cùng theo con đường vong bản của họ. Vấn đề này tôi sẽ trở lại sau này rõ ràng hơn.

## Chương K V: Quan niệm về Giáo dục

Thuyết lo đời của Tây phương là một lý thuyết do quan niệm bình đẳng của họ tạo nên. Còn thuyết bình đẳng của Đông phương không còn phải là thứ bình đẳng hình thức hoàn toàn thuộc về lượng như của Tây phương mà thật ra là căn cứ nơi sự bất bình đẳng tự nhiên. Cái bất bình đẳng tự nhiên ấy không khác nào sự bất bình đẳng các nhạc sĩ trong một giàn đàn: cái tận thiện của một nhạc sĩ đàn vĩ cầm không giống cái tận thiện của một nhạc sĩ đàn dương cầm. Nhưng nếu mỗi nhạc sĩ đều biết thực hiện được cả cái tài năng đặc biệt của mình, thì thấy đều quan trọng như nhau về phẩm cả, không ai đèo bòng mong bắt chước điệu chơi của những nhạc sĩ khác và cho cái tận thiện của kẻ khác là tận thiện mẫu, hoặc tận thiện hơn cái tận thiện của mình. Vì vậy mà họ được bình đẳng về phẩm. Cái xã hội lý tưởng của Tây phương là một giàn đàn, trong đó tất cả nhạc sĩ đều chơi cùng một thứ đàn, ăn rập nhau một ly cũng không sai chạy. Còn xã hội lý tưởng của Đông phương cũng là một giàn đàn, nhưng trong đó mỗi nhạc sĩ đều tùy theo sở năng sở thủ của mình chơi một nhạc khí khác nhau nhưng vẫn không sai với âm điệu chung của khúc nhạc. Lối bình đẳng hình thức của Tây phương và bình đẳng tinh thần của Đông phương sở dĩ khác nhau là do những quan niệm khác nhau về *lạc* và *phản* mà ra vậy. Cái xã hội tượng trưng lối bình đẳng hình thức vật chất cực độ<sup>[45]</sup> của Tây phương ngày nay là xã hội cộng sản. Kẻ nào bảo Cộng Sản là lý thuyết đông phương là nói sai. Xã hội cộng sản mới thật là xã hội vật chất cực độ của Tây phương. Và theo luật Âm Dương mà người tây phương gọi là “loi de polarité” cái gì đến cực độ sẽ tự tiêu hủy để biến thành một trạng thái đối địch của nó. Hay nói một cách khác: hễ “vật cực tất phản”, “vật cùng tất biến”, nghĩa là “âm cực sinh dương” mà “dương cực sinh âm”, cái dở nằm trong cái hay, cái đẹp nằm trong cái xấu, cái phải nằm trong cái quấy. Cái xã hội cực độ của Tây phương kia biết đâu đó là nguồn gốc sanh ra văn minh tinh thần của thế kỷ vị lai sau này nếu nó biết thuận theo lẽ Trời mà biến đổi một cách hòa bình, không chịu để tự diệt bằng một cách bạo tàn

Xét cho kỹ, xã hội Tây phương, bất cứ trong ngành hoạt động nào cũng đều quan trọng đến phần Lượng, còn xã hội Đông phương thì

quan trọng đến phần Phẩm.

Lấy ngay sự giáo dục của một vị tôn sư người Đông phương, cũng thấy họ không thiết gì có nhiều đệ tử mà họ chỉ cố gắng tuyển chọn một số ít có đủ tư cách để họ truyền thụ tâm pháp. Họ trọng cái Phẩm hơn cái Lượng. Họ cá nhân hóa giáo dục, nghĩa là căn cứ vào luật bất bình đẳng tự nhiên, tùy theo căn cơ trình độ của học sinh mà dạy. Trái lại lối dạy dỗ của người Tây phương là lối dạy chung (enseignement collectif) theo một khuôn mẫu chung, theo một chương trình chung. Lối giáo dục mới (éducation nouvelle) ngày nay là một phong trào phản động chống lại lối giáo dục nhồi sọ cũ của Tây phương đàn áp cá nhân theo thuyết bình đẳng hình thức của họ, để đem cái Phẩm lên trên cái Lượng<sup>[46]</sup>, lấy sự phát triển tự do cá nhân làm mục đích.

Tóm lại, lý thuyết bình đẳng hình thức của Tây phương đối với người Đông phương là một lý thuyết vu vơ và chính nó đã gây ra sự hỗn loạn hiện thời.

Trong đời làm gì có hai người giống nhau đủ mọi phương diện. Thế mà người ta đã nhân danh thuyết vu vơ bình đẳng ấy để bắt buộc tất cả mọi người cùng sống chung trong một chế độ nhất luật như nhau, dường như tất cả con người đều có thể hiểu được tất cả mọi sự như nhau, và dạy họ cũng đều phải dùng một phương pháp như nhau. Lối dạy dỗ hiện thời của Tây phương không thiết gì đến trình độ cùng cá tánh của học sinh và chúng ta tự hỏi không biết mục đích họ là cố đào luyện sự thông minh hay trí nhớ, vì ở đây, họ chỉ cố nhồi cho thật nhiều, cho thật mau những mớ trí thức sơ đẳng và sai thời trong một thời gian rất ngắn. Tất nhiên, lối giáo dục ấy đem cái “phẩm” mà hy sinh cho cái “lượng”.

---

Cái Phẩm vụ về bề sâu, còn cái Lượng vụ về bề cạn và rộng. Bởi vậy, cái học ở Đông phương bất luận là cái học gì, cũng vụ bề sâu hơn bề rộng. Biết ít mà thật biết, còn hơn là biết nhiều mà không có cái gì thật biết. “Học quý hồ tinh, bất quý hồ đa”. Muốn được một cái học về bề sâu phải cần có nhiều cố gắng cá nhân, biết đợi chờ và biết quý trọng thời gian. Người đệ tử đến học với thầy, sẽ được thầy dạy rất ít và phải biết đợi chờ. Mình đợi ông thầy, mà ông thầy cũng đợi mình đợi cho mình vừa đến lúc mùi rồi mới giúp cho mình nấy



nở. Sự học thấm về bề sâu phải biết đi từ từ, không thể chấp thời gian được. Một thùng nước mà đổ vào gốc cây sẽ thấm được một ít, còn phần nhiều sẽ chảy đi chỗ khác. Muốn tưới cây cũng tưới từ từ, đợi cho nó thấm dần.

Quan niệm về sự hiểu biết của người Đông phương cũng khác của người Tây phương<sup>[47]</sup>. Theo người Đông phương, một sự hiểu biết gì mà không phải tự mình tìm ra, không phải là một sự hiểu biết, mà là một cái biết nhồi sọ, một thứ biết ngoài da. Đọc một quyển sách hoặc một bài văn mà mình biết thích và cho là hay là vì nó đồng với chỗ thích của mình và nhờ nó kêu gọi lên và làm vang dội tâm hồn mình. Đó là chỗ mà người Đông phương gọi “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Cho nên, đọc sách<sup>[48]</sup> theo người Đông phương không phải là để học thêm của người mà là để tìm hiểu cái sâu thẳm của lòng mình, khai phát cái mà lòng ấp ủ hoặc đã có sẵn nơi mình mà mình không đề. Vì vậy cũng thời câu văn mà có kẻ nghe qua không thấy chút gì rung cảm, còn có kẻ nghe qua lại thấy cả một cái gì rung chuyển lạ thường

Sự hiểu biết theo người Đông phương là sự hiểu biết do mình tìm ra, hoặc nhờ bên ngoài kêu gọi mà khai phát lên và chính sự hiểu biết ấy mới thật là hiểu biết. Còn cái hiểu biết do bên ngoài đem đến mà tự lòng mình không thấy rung chuyển chút nào, cái hiểu biết ấy không phải thật là hiểu biết. Bởi vậy, ta phải dùng đến trí nhớ cố gắng gìn giữ nó nơi mình một cách sống sượng miễn cưỡng như mình khoác một cái áo vào mình vậy.

Sách vở kinh điển của Đông phương vì thế phần nhiều dùng một lối hành văn rất vắn tắt, không lý luận, không minh chứng dài dòng cốt để cho kẻ học hỏi phải dụng công suy nghĩ mà lắng nghe cái tiếng dội nơi thâm tâm của mình. Họ chỉ kêu gọi thôi, chứ không phải cốt để truyền bá tư tưởng của họ. Cho nên điều đáng quan trọng nhất trong những sách của người Đông phương viết ra “*không phải cái mà họ muốn nói với mình, mà là những gì trong đó họ gợi dậy lòng mình*”.

Xem như trí thức của các hiền giả Đông phương đâu phải kém gì về lý luận như người Tây phương, nhưng tại sao sách vở họ viết ra lại dùng ròng một lối văn vắn tắt, không mạch lạc, không lý luận, không chịu dài dòng minh chứng<sup>[49]</sup>? Như ta đã thấy trên đây, đó là



dụng ý của họ để tạo *cấ họ ồ sâ* , kêu gọi và khai phát cái tiềm lực thiêng liêng tàng ẩn trong tận đáy lòng của người đệ tử hay người đọc sách. Sự tối tăm của câu văn nó có cái hấp dẫn của nó là kích thích óc tò mò, sự tìm hiểu cái ẩn ý của người viết, và nhân đó giải phóng những tiềm lực thiêng liêng trong cái người thâm sâu của mình.

Như tôi vừa mới nói trên đây, thâm ý của người Đông phương trong khi “trước thư lập ngôn” không cốt nơi sự tuyên truyền dụ dẫn ai theo mình cả mà cốt kêu gọi và giúp cho mỗi người tìm ra cái người thật của mình. Không khác nào yến sáng mặt trời giúp cho trăm hoa đua nở, nhưng hoa nào trở hoa nấy. Đó là cái hành động “vô vi” của Đông phương vậy. Người Tây phương, nhất là người Đông phương bị tây phương hóa trách cứ hoặc chê bai sách vở của Đông phương là tối tăm, mơ màng không bằng sách vở của Tây phương rõ ràng minh xác hơn. Đó là họ chưa rõ lập trường triết lý của đôi bên vậy.<sup>[5]</sup>

Và vì thế người Tây phương trọng lý trí, còn người Đông phương trọng trực giác.

## Chương X : Quan niệm về Học hỏi

Người Đông phương rất quý trọng tự do tư tưởng cá nhân.

Nhà giáo dục Đông phương giống như người trồng cây, họ tùy mỗi thứ hoa mà cho phân tưới nước, cốt giúp cho mỗi thứ cây đâm bông trổ trái của nó, nghĩa là làm cho cây hường trổ hoa hường, chứ không cố biến cây hường phải trổ hoa lan hay hoa lý.

Sự trầm ngâm suy nghĩ một câu cách ngôn giúp cho ta đi sâu vào tâm khảm ta hơn là những lý luận dài dòng. Bởi vậy, những minh chứng dài dòng đối với cái học bề sâu về phẩm của người Đông phương đã không có ích mà lại nguy hại nhiều là vì nó làm cho tiêu ma sự cố gắng của cá nhân đi, tinh thần của ta không bao giờ khai phát được.

Còn như khi ta nghe một bài văn lý luận đanh thép, ta đâu có cần tập trung tư tưởng làm gì: mình cứ để tự nhiên nó lần lượt đưa tâm trí mình đi từng bước một cho tới nơi kết luận một cách hết sức tự nhiên. Bởi vậy, các nhà đạo học Đông phương mới cho cách hành văn của Tây phương là nông nổi, vì hễ muốn minh chứng tất cả là làm tiêu ma sức cố gắng của con người và nhân đó làm mất luôn cái sống sâu sắc của tâm hồn, làm mất cái khả năng sáng tạo của con người.

Mục đích của hai bên khác nhau, thì phương tiện giáo dục đôi bên cũng khác nhau. Tóm lại, “nhà giáo dục Đông phương có thể ví như một người trồng vườn, còn nhà giáo dục Tây phương như một người thợ gốm”. Nhà trồng vườn thì chiều theo từng loại cây mà cho phân lựa đất, cốt giúp cho mỗi thứ cây phát triển đến cùng cực sở năng sở đắc của nó; còn anh thợ gốm thì phận sự họ là lo uốn nắn vật liệu thành những món đồ theo một kiểu mẫu chung nào theo nhu cầu của một lý tưởng hiện hành.

---

Trái lại, quan niệm về sự hiểu biết của người Tây phương thuộc về phần *log* nên vụ về bề rộng. Họ tin rằng mình sở dĩ hiểu biết được là nhờ những người hiểu biết bên ngoài đem đến. Và biết được nhiều bao nhiêu, càng hay bấy nhiêu. Người Đông phương cho cái học ấy là cái học về “cặn bã” của thánh nhân mà thôi. Xem ngay chương trình giáo dục của người Tây phương đủ thấy họ vụ

bề rộng mà không thiết đến bề sâu. Trong một thời gian rất ngắn, họ bắt buộc học sinh phải học một chương trình khổng lồ, cốt chông chất nhiều bao nhiêu hay bấy nhiêu Bộ óc con người, đối với họ, là một cái bao tử để mà tiêu hóa. Vì vậy, kết quả của họ đã thành công được là tạo ra một người ngụy trí thức, bác học nửa mùa cái gì cũng biết mà không có một cái gì thật biết cả.

Ngay lối dạy vụ lấy thành công, người Tây phương có thói hay dạy tắt Bởi vậy mới có những loại sách “bách nhật thông”<sup>[51]</sup>, sự học vì đó chỉ dừng nơi đại cương, tất nhiên là ở ngoài mặt, nông nổi phù phiếm Họ dạy tắt, vì không dạy tắt làm gì cho hết chương trình. Trong sự dạy tắt, cố nhiên họ phải tránh cho học sinh sự cố gắng cá nhân (effort personnel): cái gì cũng có bài mẫu, cố học thuộc lòng để khi gặp thi cử, rón nhór mà chép lại. Thầy dạy cố giảng giải nghĩa lý rạch ròi trước, học sinh chỉ lo nhớ và lặp lại cho đúng với những gì thầy mình đã dạy đúng theo chương trình. Đứa trẻ học trò chỉ còn là một bộ máy thu thanh, một cái kho để chứa đựng, cái gì cũng được người ta dọn sẵn, sắp đặt trước sẵn, gói ghém sẵn cho và chỉ còn có công việc là gìn giữ nguyên vẹn, sắp lại cho có thứ lớp những mớ trí thức do người ngoài đưa đến.

---

Với một quan niệm về sự hiểu biết như thế, người Tây phương vụ bề rộng, thí bề sâu nghĩa là trọng cái lượng mà xem thường cái phẩm. Và cũng vì tin nơi cái thuyết bình đẳng hình thức là ai ai cũng có thể hiểu được bất cứ là món gì nếu mình đem ra dạy họ, người Tây phương mới có bày ra cái “học cưỡng bách” và cái “học phổ thông” mà ta đã thấy tràn lan khắp thế giới bất cứ chỗ nào có vết chân họ bước đến.

Phổ thông phải chăng là mong mỗi truyền bá cho tất cả mọi người những sự hiểu biết chỉ dành riêng cho những bộ óc có những khả năng thông hiểu đặc biệt, nghĩa là mong mỗi cho mọi người đều hiểu biết được tất cả những hiểu biết của một nhà thông thái.

Với cái ý phổ thông, dĩ nhiên người ta cũng lại hàm chứa cái thâm ý cưỡng bách, muốn chia xẻ sự hiểu biết của mình cho tất cả mọi người và không ai được quyền dửng dưng. Sự tuyên truyền và phổ thông chỉ có thể quan niệm được đối với những người nào tin tưởng đến cái thuyết bình đẳng hình thức của Tây phương. Đối với những

vấn đề này, Đông phương rất hoài nghi và cho đó là biểu hiện của sự dốt nát. Họ không tin loài người đều có một trình độ hiểu biết như nhau. Huống chi đem một cái chân lý mà phổ biến đồng đều cho tất cả mọi người trí, cũng như ngu, và làm cho bất cứ ai cũng đều hiểu biết được như mình đã hiểu mà không phải dung dị hóa nó, biến hình biến dạng nó, thí bỏ bề sâu mà trình bày bề cạn của nó, thì phải làm thế nào cho được chứ! Mong rằng với một tiếng nói ra, mỗi người đều hiểu giống như nhau thì thật là khinh thường sự thật ở đời biết chừng nào. Đứng trên phương diện tình cảm mà nói thì cái thuyết “phổ thông không hạ thấp” và “không biến thể” có thể quan niệm được; nhưng, nếu đứng trên phương diện thực tế và hợp lý mà xét thì cái học phổ thông là cái học làm sai cả bản sắc.

Người Tây phương ngày nay với cái học phổ thông và cưỡng bách đã tạo ra một hạng người dốt nát mà hiểu thắng tự phụ, đừng đâu nói đó và tự hào là có quyền phê bình tất cả, vì không có cái gì là họ không biết. Và với cái quyền tự do ngôn luận dân chủ, họ được tự do phô bày cái dốt nát và ngu xuẩn của họ với cái học nửa mùa của họ Rồi họ lại còn có cao vọng đem cái học thức nửa mùa của họ để bắt buộc hàng trí thức phải nghe theo. Hễ nhiều người cùng hoan hô, phụ họa thì dù đó là một dốt nát sai lầm bậc nào cũng được xem như là một chân lý của đại đa số, vì “thiểu số phải phục tùng đa số”. Cái học lưng chừng (demi-science) do đọc những sách phổ thông thật tai hại hơn là sự dốt nát hoàn toàn dốt. Kẻ dốt thì biết rõ là mình dốt nên không dám liều lĩnh nói bậy cái dốt của mình ra, cũng không dám tự phụ hiểu thắng tuyên truyền bắt buộc kẻ khác phải cùng nghe theo. Kẻ dốt mà biết mình là dốt, đâu có dám liều lĩnh và bướng bỉnh trong hành vi họ. Ắt ra họ còn có cái lương tri của họ để dè dặt họ và tránh cho họ nhiều điều đại dột của kẻ ngu dốt mà tự phụ kia vì đã bị đầu độc trong cái học lưng chừng. Ngay trong xã hội đông phương những kẻ có một cái học nho “lỡ làng” rất là nguy hiểm, khó chịu và đáng ghét Chỉ có những bậc chân nho túc học là đứng đắn mà thôi.

Người Đông phương với cái học vụ về bề sâu nên tránh được cái nạn dốt nát và tự phụ của cái “học nửa mùa” Tây phương; bởi vậy, hễ cái gì biết thì biết chắc là mình biết, và cái gì không biết thì cũng biết chắc là mình không biết. Câu tục ngữ: “biết thì thốt, không biết thì dựa cột mà nghe”, chứng chỉ tư cách của người Đông phương

rất khác xa người Tây phương hay Đông phương bị tây phương hóa và có một cái học phổ thông. Cái bịnh của người Tây phương hoặc Đông phương bị tây phương hóa ngày nay mà có một cái học phổ thông là biết thì nói, mà không biết cũng nói càn nói bướng, nhứt là họ còn nói nhiều hơn kẻ biết nữa.

## Chương XI : Óc khuyến dụ

Giờ đây xin nói riêng về óc *khuyến dụ* của người Tây phương. Cũng vì trọng cái Phẩm hơn cái Lượng, nghĩa là trọng tự do tư tưởng cá nhân nên người Đông phương không có tánh khuyến dụ người về cùng một tư tưởng với mình. Chỉ lo giúp cho mỗi người tìm lấy cái chân lý của mình, chứ không phải để khuyến dụ, bắt buộc người theo mình, cho nên Đông phương ít có xảy ra giặc tôn giáo, không có tôn giáo này nói xấu tôn giáo kia. H. de Glasenapp trong quyển “Les Cinq Grandes religions du Monde”<sup>[52]</sup> (Năm tôn giáo lớn của thế giới) cũng nhận thấy như thế. Ông bảo: “Trong những tín đồ của 5 đại tôn giáo trong thế gian, thì không phải nghi ngờ gì cả, chính người của Phật giáo đã đem thực hành cái nguyên tắc khoan dung độ lượng hơn tất cả”.

Câu chuyện “5 anh mù sờ voi” của Phật giáo đủ chứng tỏ tinh thần rộng rãi ấy<sup>[53]</sup>. Để trả lời nhà tu thiên chúa giáo Rubruk theo khuyến dụ mình vào đạo Thiên chúa, Monke (tức là Mangu), cháu nội của Thành Cát Tư Hãn có nói câu bất hủ này: “Cũng như Thượng đế đã cho bàn tay của ta có 5 ngón khác nhau, thì Người cũng cho con người nhiều con đường khác nhau để đi tìm chân lý”<sup>[54]</sup>. Sở dĩ người Đông phương có được cái tâm hồn đại lượng ấy, rất trọng tự do cá nhân trong việc để tự mỗi người lựa chọn lấy một phương pháp luận thích hợp với mình, và có khi còn nhận cả một hệ thống có nhiều quan niệm luân lý mâu thuẫn nhau, là vì người Đông phương không tin nơi cái thuyết bình đẳng hình thức như Tây phương. Và cũng nhờ người Đông phương có được một cái học tổng quan, không nhận có một lý lẽ riêng nào là tuyệt đối cả.

Người Tây phương hiếu thắng, cuồng tín, hẹp hòi, tin rằng:

Đời đục cả, một mình ta trong,

Đời say cả, một mình ta tỉnh<sup>[55]</sup>

nên ham khuyến dụ, bắt buộc kẻ khác cùng theo, và tự ban cho việc làm ấy những danh từ to tát như “phổ độ”, “cứu thế”, v.v. Sự thật, đó chỉ là “óc đảng phái” của người hướng ngoại, muốn cho ai ai cũng phải cùng theo mình, cùng nghĩ như mình. Cái tánh ấy là một trong những trạng thái đặc biệt của chứng bệnh tự ty mặc cảm, cái bệnh của người không tin mình, muốn tìm sự an ủi nơi lòng tin

ngưỡng của những người cùng chia xẻ một ý tưởng như mình. Cái số đông người theo cùng một khuynh hướng, một tin tưởng như mình làm cho mình vững lòng với cái khuynh hướng, với cái tin tưởng của mình đang theo. Tại sao người hướng ngoại lại có cái tâm cảm ấy? cái tâm cảm tự ty ấy? Là vì, như ta đã thấy trước đây, người hướng ngoại không sống theo mình mà lo sống theo người khác, nghĩa là không suy nghĩ, không cảm giác theo cái người thật của mình mà là suy nghĩ, cảm giác theo kẻ khác mà họ tìm cách mô phỏng theo. Người mà biết sống theo cái người thật của mình, biết rõ mình không phải kẻ khác, kẻ khác không phải mình thì có bao giờ lại mong mỗi kẻ khác phải cùng sống như mình. Mình là cây hường thì lo nở hoa hường, sống cái đời sống cây hường của mình, có bao giờ mong cho các thứ hoa khác cùng phải sống cái đời sống như mình làm gì để phải mang tiếng là người không thông đạt.

Bởi vậy, óc khuyến dụ đến cường bách người khác cùng theo một đạo với mình là cái thông bệnh của người hướng ngoại.

Óc khuyến dụ, óc bè đảng xui người hướng ngoại Tây phương thích đi truyền bá, cổ võ cái văn minh của mình, đem khí giới, dụng bạo tàn tuyên truyền bắt buộc kẻ khác đồng theo. Xem như ngày nay, ở đâu có dấu chân người Tây phương là có sự tuyên truyền cổ võ. Như tôi đã nói trước đây, theo tâm phân học ngày nay, sự thích dạy đời, thích độ đời là một trong những triệu chứng của cái bịnh tự ty mặc cảm. [\[56\]](#)

Theo Phật giáo, một tôn giáo thuần túy Đông phương, họ không bao giờ khuyến dụ ai theo họ cả. Có đến cầu họ chỉ bảo cho thì họ cũng không buồn nói. Chẳng phải họ ích kỷ, nhưng vì họ không chịu giúp những ai tự mình chưa thật “thành” trong ý nguyện của mình. Họ không giảng giải dài dòng, họ chỉ kêu gọi kích thích óc phán đoán suy nghĩ của mình hơn là dạy mình bằng những cử chỉ đột ngột hoặc ngôn ngữ vắn tắt để cho mình ngộ lấy cái chân lý nơi mình thôi.

Tôi nói tinh thần Phật giáo ở đây là muốn nói đến tinh thần của Phật giáo đại thừa. Ta nên biết sở dĩ Phật giáo bị chia ra làm 2 phái Tiểu thừa và Đại thừa là do tánh khí của người học Phật bày ra. Tiểu thừa là do người học Phật bản sinh hướng ngoại tạo ra, vụ bề ngoài, nặng về phần sắc tướng. Đạo Phật của họ có những tánh

cách hướng ngoại của người Tây phương, thích kinh kệ cùng nghi tiết sắc phục và ưa truyền đạo, khuyến dụ, cổ võ. Trái lại hạng người hướng nội mà học Phật thì theo Đại thừa, vụ bề trong, nghiên cứu về tinh thần, không câu nệ hình thức hay câu văn kinh sách Phái Đại thừa Phật giáo mới là biểu thị tinh thần Đạo học thuần túy của Đông phương. Còn phái Tiểu thừa Phật giáo thì biểu thị tinh thần hướng ngoại. Bởi vậy, René Guénon sở dĩ có chỗ chê Phật giáo không phải là thuần túy Đạo học Đông phương và rất cận với cái học Tây phương có lẽ vì ông không thích lối tuyên truyền cổ động của phái Tiểu thừa hướng ngoại của Phật giáo.

Nói cho công bình thì không có phái nào phải hơn phái nào, sở dĩ có chỗ chịu hay không chịu là do nó thuận cùng không thuận với tánh khí bản nhiên của người theo đạo mà thôi. Tuy nhiên, sự tiến triển đến chỗ toàn thiện bao giờ cũng đi từ hướng ngoại đến hướng nội, như tuổi trẻ thuộc về hướng ngoại mà tuổi lớn thì thiên lần về hướng nội. Những dân tộc trẻ và những dân tộc già cũng như những văn minh trẻ và những văn minh già sở dĩ khác nhau cũng do những đặc tánh khác nhau đó.



## Chương XI I: Óc phê bình và biện bác

Vì không có óc khuyến dụ, tuyên truyền người Đông phương cũng không thích *pê bh*. Một nhà Đạo học Đông phương có nói: “Phê bình kẻ khác là phủ nhận cái quyền tự do sống cái sống của mỗi người. Óc phê bình, ham biện bác rất trở ngại cho cái học về bề sâu, cái học tầm chân lý”.

Người Tây phương trái lại, thích biện bác, phê bình và cho đó là tượng trưng tinh thần tự do tư tưởng.

Sở dĩ có những đặc tánh trái ngược thế cũng vì như ta đã thấy trước đây, tinh thần trọng cái Phẩm và cái Lượng của đôi bên khác nhau mà ra vậy.

Thật vậy, phê bình là gì? Và phê bình có giúp ta tìm thấy được chân lý hay không?

Phê bình phải chăng, theo người Tây phương hiểu, là xem xét coi một tác phẩm hay một nhân vật có đúng theo lẽ lối, khuôn mẫu của một lý thuyết nào không, của một giáo lý hay một lý tưởng nào không? (Và nhứt là xem nó có hợp, có đúng với lý thuyết hay giáo lý nào mình ưa thích). Mà sự “Sống” không thể chứa đựng trong khuôn khổ của một lý thuyết hay giáo lý nào được cả. Trừ ra khi nào, mình có thể quan niệm được một thứ bình đẳng hình thức như Tây phương mới có thể lấy một thể thức chung mà suy đoán cho tất cả mọi sự mọi vật trên đời được.

Óc phê bình, biện bác dùng để mà mình chứng cho cái lẽ phải của mình hay bài bác cái lẽ phải của kẻ khác không giống với cái lẽ phải của mình. “Đồng với ta, cho ta là phải; không đồng với ta, cho ta là quấy. Cái Phải Quấy của con người, chỉ có bấy nhiêu thôi”<sup>[57]</sup>. Cho nên, phê bình, biện bác tức là nhận cái lẽ phải của mình là tuyệt đối, nghĩa là phủ nhận cái quyền sống tự do của con người. Như thế, phê bình, biện bác không giúp ta tìm thấy chân lý chút nào cả, nó chỉ giúp ta minh chứng và bình vực cái lẽ phải của mình mà thôi.

Người Đông phương trọng cái Phẩm hơn cái Lượng, nên khinh cái học biện luận của Tây phương và cũng vì thế họ như kẻ khờ khạo, quá thật thà, không ưa biện bác. Muốn đi vào cái học bề sâu, tìm hiểu người, người Đông phương mở rộng lòng mình, để tìm mà hiểu bằng sự thông cảm trước hết, chứ không lấy mình mà phê

phán người. Muốn tìm chân lý, trước hết phải bỏ cái óc phê bình hay biện bác đi mới được. Cho nên người Đông phương mới có bảo, như ta đã thấy trước đây, “óc phê bình, ham biện bác rất trở ngại cho cái học về bề sâu, cái học tâm chân lý”.

Những ai đã nghiên cứu về nguồn máy lý luận của Tây phương đều thấy rõ nó chỉ là một bộ máy để khuyến dụ kẻ khác, bằng cách bênh vực, minh chứng cái lẽ phải của mình và bắt buộc kẻ khác phải ngã lẽ theo mình như Duy vật biện chứng pháp là một vậy. Phép luận này mà người Tây phương cho là cao nhất, căn cứ vào lý thuyết duy vật và lấy đó làm khuôn mẫu để phê bình tất cả mọi sự vật: cái gì ăn khớp với nó là phải, không ăn khớp với nó là quấy. Có khi người ta cố tình mà bóp tròn uốn méo những sự kiện đã xảy ra để cho nó ăn khớp vào khuôn khổ Cái óc đó là cái óc của anh chàng Procuste<sup>[58]</sup>.

Người Tây phương quan trọng hóa những sự kiện (les faits) đến mê tín nó, nghĩa là quá tin tưởng nó, cho rằng tự nó có đủ uy quyền để bảo đảm sự thật.

Nhưng, tại sao người ta không chịu để ý đến điều quan trọng này: cũng thời những sự kiện ấy mà người ta cũng có thể đem mà giải thích rất hợp lý những lý thuyết nghịch nhau, như những sự kiện lịch sử là một vậy. Thế thì, những sự kiện, *tự nó* không thể bảo đảm được cái chân lý của một ức thuyết hay lý thuyết nào cả. Tin rằng một lý thuyết có thể chứng minh bằng những sự kiện vật chất, thật là một ảo vọng to tát của Tây phương.

---

Người Đông phương vụ cái học về bề sâu nên ít quan tâm đến sự phê bình biện bác. Dĩ nhiên là họ vụ cái học “hồi quang phản chiếu”, đẹp cả lòng tư duy, đẹp cả thành kiến, lý thuyết để lòng phẳng lặng lắng sâu vào nội tâm để tìm cái yển sáng thật của lòng mình. Trước hết, họ lo trừ khử cái khuynh hướng thích phê bình biện bác với kẻ khác. Họ nghe nhiều hơn là cãi vã. Họ tìm mà thông cảm với mình một cách khách quan chứ không đối chọi lại với mình bằng những lẽ phải riêng thích của họ. Bởi vậy cái Đạo học Đông phương đã giúp cho người Đông phương sống chung với nhau, ít xô xát, ít chiến tranh vì lý tưởng.

## Chương XI II: Óc tổng quan

Người Đông phương lấy Đạo học làm căn bản, cho nên vụ lấy cái học Tổng Quan và Duy Nhất, không bao giờ quan niệm có sự chia phân khu vực giữa vũ trụ và con người. Người Tây phương gọi là vũ trụ đạo.

Ngay cái học thực nghiệm về nghề thuốc, người Đông phương cũng có một quan niệm tổng quát, không chịu hạn chế trong cái học chuyên môn. Họ nói: “Thượng bất tri thiên văn, trung bất tri nhân sự, hạ bất tri địa lý, bất khả dĩ ngôn y”. Trên không rõ thiên văn, giữa không thông nhân sự, dưới không biết địa lý, không thể đem y học mà nói. Người Tây phương với cái học chuyên môn đã vô tình hay hữu ý chia phân sự vật, bỏ sự dính líu chằng chịt của nó với vạn vật trong vũ trụ. Với người Đông phương, tất cả là Một: không có một giới hạn nào chia phân Trời, Người và Vũ trụ.

Người Tây phương bị ám ảnh trong cái Lượng, có cái xu hướng chia phân sự vật thành khu vực (compartmentation). Cái học của họ là cái học nhị nguyên, chia phân Ta và Người, Người và Vũ trụ, Phải và Quấy, Sinh và Tử, cá nhân và xã hội, v.v Vì vậy, cơ năng suy nghĩ cũng chỉ dừng nơi lý trí, và phương pháp suy nghĩ cũng chỉ dừng nơi phương pháp phân tích.

Đành rằng phải biết phân tích để đi vào bề sâu, nhưng nếu sau khi phân tích mà không biết tổng hợp lại, thì sự phân tích sẽ đưa ta đi sai lạc mịt mù. Sự vật mình nghiên cứu bằng phép phân tích mà thiếu tổng hợp không khác một cái cây bứng khỏi đất, mất cả sự liên lạc cần thiết của đất và cây.

Con người mà để riêng ngoài Vũ trụ, đối với người Đông phương là một vật vô sinh khí, một vật nhân tạo, một vật chết, không thể quan niệm được. Con người là một cái lẽ duy nhất, một cái toàn thể đầy đủ, tất cả mọi yếu tố về vật chất, tình cảm, ý chí v.v chỉ quan hệ khi nào nó công cộng vào một cái gì duy nhất là cái sống chung của toàn thể con người ấy. Con người đã thực hiện được cái tận thiện của mình khi nào mình đã thực hiện được mối điều hòa giữa bản thân và vũ trụ vạn vật. Dưới một hình thức đầy thi vị, văn hào Mohamed Iqbal đã bàn đến triết học Đông phương như vậy: “Lẽ duy nhất của tất cả mọi sự vật trên đời quá rõ ràng, đến nỗi tôi tin chắc

rằng, nếu mình biết lấy một mũi kim chích vào cánh hoa hường, cánh hoa ấy sẽ tiết ra một giọt máu người”<sup>[59]</sup>.

Nói tóm lại, văn minh Tây phương là một thứ *văn minh thuần lý*, và tất cả những sản phẩm của văn minh cơ giới tây phương ngày nay dường như đều phụ họa vào để chặn đứng cái văn minh thuần lượng ấy không cho nó đi sâu vào cái phẩm.

Thật vậy, cái văn minh Tây phương, mặc dù lộng lẫy phong phú không biết chừng nào, nhưng dường như chỉ có một mục đích cốt làm cho phần tinh thần con người càng ngày càng thêm sa sút hơn mà thôi. Máy móc càng ngày càng tinh tế, nó làm thế cho ta tất cả những công việc về phần óc của ta. Ngay đến sự tính toán, máy móc cũng tính toán thế cho ta. Không có máy móc, người ta phải tự nghĩ lấy cách mà tiêu khiển về mỹ thuật. Kẻ nào thích âm nhạc thì tự mình đàn ca lấy. Muốn lưu lại hình ảnh một người hay một cảnh mà mình ưa thích thì phải cầm bút mà vẽ lại, vận dụng thần trí và tất cả khả năng thẩm mỹ của mình. Nhờ vậy, nhờ sự bắt buộc nên quan năng mỹ thuật của ta có cơ hội dùng đến mà phát triển thêm lên. Với văn minh tây phương cơ giới ngày nay thì có khác. Hễ muốn gì được nấy, mau chóng dễ dàng. Muốn nghe đàn, nghe ca thì cứ vặn ngay cái máy hát hay máy thu thanh là sẽ có liền những giọng véo von, tiếng đàn lãnh lót nó làm hộ cho mình. Cái máy nó làm thế cho mình, thì cái thần trí của mình cũng không cần phải tác dụng đến nữa. Không hoạt động, không dùng đến, thì tất nó phải ngu lờ đi, óc sáng tạo về mỹ thuật ắt cũng vì đó mà tiêu lờ đi vậy<sup>[60]</sup>. Thật vậy đọc một quyển sách, dù là một quyển sách rất mỏng và rất hấp dẫn, mình cũng phải dụng công gắng sức và nhờ vậy mà thần trí mình được dùng đến và cường kiện thêm lên. Trái lại, ở trong phòng chớp bóng hoạt động về thần trí của người xem hát giảm bớt đi nhiều. Tự tưởng dường như cũng không cần dùng đến bao nhiêu. Người ta có thể hoàn toàn thụ động bất cứ trước một cuốn “phim” nào, và đó cũng là nguyên nhân chánh làm cho công nghệ chớp bóng được phú cường nhất thời đại. Dường như văn minh cơ giới Tây phương đã dùng đủ phương thế để cơ giới hóa tất cả các ngành văn hóa, người ta vì đó càng ngày càng kém quan năng tinh thần, thỏa mãn được cái tính lười biếng chung của loài người. Cái Phẩm ngày nay, ngày ở Đông phương bị tây phương hóa, cũng đã sút kém rất xa

hơn ngày xưa rồi vậy. Thảo nào hiền giả Đông phương nhiều người đã lên án văn minh cơ giới Tây phương vì đã thấy trước cái hiểm tượng của nền văn minh tinh thần cố hữu của Đông phương gần đến ngày tiêu diệt. Mà các thức giả Tây phương cũng đã lên tiếng kêu gào, để cảnh tỉnh chút nào cái cuồng loạn của loài người đang xuống dốc của cái hố diệt vong, nhưng dường như cũng không thấm vào đâu cái ngông của bọn người hướng ngoại hiếu thắng đang mắc cái chứng bệnh tự ty.

Đông phương ngày xưa, bậc trí giả không phải là không có óc khoa học cơ giới, nhưng họ sáng suốt cho rằng cơ khí dễ sanh ra cơ tâm mà không chịu phổ thông bành trướng đầy thôi<sup>[61]</sup>. Dùng máy móc riết, tâm trí người ta rồi cũng biến thành cơ khí nốt. Người theo văn minh Tây phương ngày nay thật không còn khác nào một bộ máy.

---

Còn không biết bao nhiêu bằng cứ không thể kể hết Chỉ nên nhớ rằng: cái nghèo nàn bên trong của người hướng ngoại xui họ lo chiếm đoạt thâu trữ ngoại vật để bù vào cái thiếu kém bên trong. Họ lại còn đồng hóa với cái thô bạo của máy móc, họ thành máy móc và tệ hơn nữa họ trở thành nô lệ cho máy móc, vì không có máy móc không đủ sức tự mình làm được một việc gì cả. Ngồi trên một chiếc xe máy dầu, một chiếc xe hơi, một chiếc máy bay người ta cảm thấy mình là bộ máy ấy, sung sướng cảm thấy mình mạnh bạo, mình mau lẹ như cái máy mà mình đang cỡi trên đó. Kể nào trách cứ người ngồi xe hơi sao thích chạy mau, là không hiểu tâm lý của người đã bị cơ giới hóa ấy. Cái học trực vật, cái khoa học lo chiến thắng vũ trụ bên ngoài dùng làm lợi khí cho Tây phương đã thỏa mãn được cái lòng khao khát vô bờ bến ấy được chút nào chưa, hay chỉ đưa con người của Tây phương đi vào ngõ bí và kết cuộc có giữ gìn nhân loại khỏi hố diệt vong không?

Để kết thúc đoạn này, tôi xin kể một câu chuyện ngụ ngôn rất ngộ nghĩnh này, đã tả rõ tâm sự và thân thế của người Tây phương hiện thời.

“Có một vị thần tiên kia hứa với một người nọ: “Ta cho người được quyền làm chủ tất cả những khoảnh đất nào mà nhà người bước qua, kể từ giờ nầy đến lúc sụp mặt trời”. Được lời, anh ta sung

sương quá, liền phóng mình chạy như tên bắn. Anh ta chạy rút một hơi không ngó lại Anh ta chạy mãi bất kể chông gai Mồ hôi ướt đầm mình, cũng không kịp lau Khát, cũng không chịu dừng để uống; đói, cũng không chịu nghỉ để ăn. Thời gian có hạn, quả đất mênh mông, lòng tham không đáy Muốn tranh thủ với thời gian anh ta chạy mãi không kịp thở. Mặt trời đã gần lặn. Anh ta lại càng phóng mình chạy mau hơn nữa Hơi thở đã mòn lặn, nhưng anh cứ gào đầu chạy riết. Mặt trời đã đỏ rực ở chân trời Anh chỉ còn là một bộ máy đau thương đang ôm ấp một hy vọng tràn trề. Dưới chân máu chảy đầm đề Hơi thở anh cấp bách như muôn vàn lưỡi nhọn đâm thủng lồng ngực của anh. Trong mạch máu của anh như có ngàn muôn cây kim châm chích Quả tim cơ hồ tan vỡ Không khí cơ hồ không đủ cho anh thở nữa Còn năm phút nữa Còn một phút nữa Còn một ly nữa là mặt trời sụp xuống chân trời. Gắng gượng thêm lên, anh chuyển cả thần lực gần tàn để tranh thủ từng tấc đất với bóng quang âm Mau lên Mau lên hơn nữa Anh chỉ còn là một bó xương thịt chao động dưới bóng mặt trời, một bùm mồ hôi, một nhúm hơi thở phì phò Ồ anh chỉ còn là hiện thân của đau khổ đang vắt vẻo giữa khoảng mênh mông của Trời Đất mà thôi.

Thôi rồi! Mặt trời đã vừa khuất dạng thì anh cũng vừa ngã lăn bất tỉnh và trút hơi thở cuối cùng!

Nói cho đúng, anh chỉ tranh được vừa đủ ba tấc đất để chôn anh mà thôi. Than ôi! cái mộng chiếm đoạt vũ trụ của con người chung quy rồi cũng chỉ được có bấy nhiêu là cùng

## PHẦN THỨ HAI

### Chương I: Tổng hợp

Như ta đã thấy, Văn minh Đông phương và Văn minh Tây phương là hai thứ văn minh cực đoan của hai khuynh hướng cực đoan, do hai tính khí cực đoan: hướng nội và hướng ngoại gây nên. Rõ ràng Đông phương là Đông phương mà Tây phương là Tây phương, cả hai đều có những đặc tính thuần Phẩm và thuần Lượng khác nhau, hướng nội và hướng ngoại khác nhau.

Sự xung đột của hai nền văn minh ấy hiện là một tối đại vấn đề của nhân loại. Theo phần đông trí giả thì trong 2 nền văn minh phải có một cái thắng một cái bại và dường như hiện thời đa số cũng nhìn nhận là Văn minh Đông phương phải nhường bước cho Văn minh Tây phương lên cầm quyền bá chủ.

Trước sự phong phú huy hoàng về vật chất của Văn minh Tây phương cận đại, nhứt là trước sự hùng cường vật chất và khí giới tàn khốc của Tây phương đế quốc, phần đông người Đông phương đâm ra rụt rè ngơ vạc lấy cái văn minh tinh thần của mình và sanh ra cái bệnh “tự ty mặc cảm”. Một phần thiếu nghị lực, thiếu thể thống đã hàng đầu vô điều kiện một cách run sợ khủng khiếp. Một phần phản động lại, nhưng dùng cái giải pháp “dĩ độc khử độc”, lấy bạo lực trừ bạo lực chịu tây phương hóa để trừ cái nạn đế quốc của Tây phương. Kết quả của giải pháp ấy đã đem lại cho người Đông phương những gì? Đông phương bị tây phương hóa lại biến thành nô lệ tinh thần tây phương và tự mình mất cả bản sắc tinh thần và cũng không sao tây phương hóa được. Trang tử, một nhà đạo học Đông phương, có nói: “Con khỉ mà cho mặc áo ông Châu, cũng không biến thành ông Châu được”. Sự thật sau khi người Đông phương dùng khoa học của Tây phương để đuổi người Tây phương ra khỏi đất đai của mình, cướp lại được quyền độc lập về quân sự, nhưng tinh thần lẫn vật chất, từ tư tưởng đến cách ăn, mặc, ở đều đồ hết theo Tây phương như khuôn tượng chừng như chỉ có văn minh khoa học Tây phương ngày nay mới thật là văn minh mà thôi. Các nước Đông phương bị vũ lực Tây phương xâm chiếm như Trung Hoa, Ấn Độ và Nhật bản ngày nay đã chạy theo con đường tây phương hóa gần như đến cực độ, bao nhiêu cái gì truyền thống



đã gần như bị khinh rẻ đến cực điểm<sup>[62]</sup>. Như thế, thực sự, chủ nghĩa đế quốc của Tây phương đã thành công mỹ mãn. Người Tây phương cũng nên lấy đó làm tự hào!

---

Nhưng con đường tây phương hóa của Đông phương có cứu vãn được tình thế hỗn loạn Đông phương ngày nay không? Tây phương với cái đà ấy tự mình có đi làm đường không? và nó sẽ dẫn dắt Tây phương đến đâu? Ở đây, tôi xin nhường lời cho Tây phương họ trả lời.

R. Guénon có nói: “Trong Thánh kinh có nói: “Kẻ nào chém giết người bằng gươm bén sẽ chết về gươm bén; kẻ nào tung ra những lực lượng tàn bạo của vật chất sẽ chết bị nghiền nát dưới những lực lượng tàn bạo của vật chất ấy.”

Romain Rolland, như ta đã thấy trước đây, đã quả quyết một cách rõ ràng: “Sau cuộc tai biến thảm khốc của cái trận thế giới chiến tranh nhục nhã này, cuộc chiến tranh đã đánh dấu *sự phá sản của nền văn minh Châu Âu*. Châu Âu hiển nhiên không còn đủ sức để tự cứu chữa mình được nữa “

Và Einstein cũng bảo: “Xem ngay sự tiến bộ quá mau chóng của nền văn minh khoa học tây phương, tôi cảm thấy một nỗi lo âu: sự tiến bộ về khoa học có đem lại cho loài người hạnh phúc mà họ đã đòi hỏi không? Tôi chỉ thấy khoa học ngày nay chỉ giúp cho sự tàn phá tiêu hủy những cái gì tốt đẹp do văn minh tinh thần con người tạo nên. Khoa học mà đem phụng sự cho cái bụng dục vô bờ bến của con người thì nhân loại âu cũng đã gần đến cái thời kỳ tiêu diệt vậy. Là vì, người Tây phương của chúng ta đã quá thiên về cái học trực vật mà xao lãng cái giá trị nòng cốt của văn minh loài người, cái học tu thân và bồi dưỡng tâm linh của chúng ta ở thời kỳ trung cổ. Chúng ta, về nhân phẩm, chưa có tiến bộ gì cả “

---

Như thế, ta thấy văn minh Tây phương tự nó không phải là cái văn minh kiểu mẫu hoàn toàn. Cố gắng đem nó làm cái mẫu chung cho tất cả là sai lầm. Gác ngoài các lý thuyết, ta chỉ nhìn vào thực tế cũng thấy rõ trong đời không có một thực sự nào mà không hàm chứa mâu thuẫn bên trong. Không có một cái gì thuần Dương hay thuần Âm, cũng như không có một tánh khí nào thuần hướng ngoại



hay thuần hướng nội. Nói là thuộc Dương là muốn nói tách cách khuynh về Dương nhiều hơn Âm, cũng như khi phân tích con người ra làm hai hạng và bảo người này thuộc về hạng hướng nội hay hướng ngoại là muốn bảo người ấy có khuynh hướng hướng nội hay hướng ngoại nhiều hơn khuynh hướng kia mà thôi.

Hermann de Keyserling có dùng một hình ảnh rất chính xác này để ám chỉ văn minh của hai khối Đông Tây: “Người Đông phương không khác nào một cái Hồn mà không Xác; còn người Tây phương thì không khác nào một cái Xác mà không Hồn”.

Xác và Hồn là hai khối không thể lìa nhau. Thiên triệt để về một bên là cả một sự điên đảo cho con người. Văn minh Đông phương và văn minh Tây phương mà đi đến cực độ đều sai lầm cả. Câu tục ngữ: “Một tâm hồn trong sạch trong một thân thể tráng kiện” là điều kiện của một sự quân bình và lành mạnh. Văn minh của hai khối này cần phải điều hòa với nhau trong một thể quân bình thì mới mong tồn tại đặng và đem lại Hòa bình và Hạnh phúc thực sự cho con người.

Romain Rolland đã có nói: “Tư tưởng của Tây phương phải cần đến tư tưởng của Đông phương, cũng như tư tưởng của Đông phương có lợi mà tựa vào tư tưởng của Tây phương. Đây là hai bộ phận của một khối óc chung của Nhân loại. Nếu một bộ phận mà tê liệt thì toàn thể bộ óc cũng suy đồi. Vậy, phải cố gắng lập lại sự hỗn hợp và sự phát triển lành mạnh của hai bộ phận ấy”. Đại khái phần đông thức giả Tây phương đều mong mỗi sự hợp nhất ấy.

Để cụ thể hóa ý tưởng trên đây, tôi xin thuật lại một bài ngụ ngôn ngộ nghĩnh này, câu chuyện “Anh mù và anh què” của nhà ngụ ngôn Florian tượng trưng được sự liên lạc giữa sự hành động mà mù quáng và sự trầm ngâm mà bất động, tức là tượng trưng được sự liên lạc giữa hai khối văn minh Tây phương và Đông phương.

Anh mù có đôi chân rất khỏe, nhưng cứ va chạm sụp lổ sụp hang, đi mãi mà không rõ phương hướng. Anh què có được cặp mắt sáng thấy rõ được mọi sự mọi vật, nhưng rất tiếc không đi đâu được. Thờ may, họ lại gặp gỡ nhau, rồi mới bàn đến sự cộng tác để đem cái hay của người này bù vào cái dở của người kia. Anh mù cồng anh què. Từ đó, anh mù với đôi chân rất khỏe nghe theo mạng lệnh của anh què lại biến thành như một người sáng mắt có đôi chân

khỏe mạnh đầy đủ hoàn toàn, không còn ai than vãn đến sự tàn tật của mình nữa.

Anh mù là hình ảnh của Tây phương với khả năng hành động về vật chất của anh nhưng thiếu phương hướng; anh què là hình ảnh của Đông phương sáng suốt với cặp mắt sáng tỏ của anh nhưng kém phương tiện hành động Sự hợp nhất của hai người là một sự cần thiết cho mỗi người: Tây phương và Đông phương cần phải hợp tác với nhau vì lợi chung cho mỗi bên, nghĩa là lợi chung cho nhân loại.

## Chương II: Tổng hợp thế nào?

Nhưng, phải hợp nhất như thế nào? Đông phương đâu phải cố gắng thi đua với Tây phương trên con đường khoa học hóa như phần đông các nước Đông phương ngày nay đã làm. Tăng cường quân lực cùng vũ khí tối tân để cho bằng nhau, chỉ để dẫn nhau vào tử địa một cách chắc chắn và mau lẹ mà thôi. Theo luật tự nhiên, hề có sự phát triển triệt để về mặt nào, dĩ nhiên mặt bên kia bị kém sút<sup>[63]</sup>. Vật chất mà tiến triển quá mạnh, thì tinh thần dĩ nhiên sút kém. Văn minh vật chất của Tây phương mà phát triển đến cực độ thì phần tâm linh kém sút. Xem như ngày nay, trong những trận chiến tranh tàn khốc đã xảy ra lúc sau này đủ thấy con người đã không còn thiết gì đến giá trị của con người nữa: sự tàn bạo dã man còn hơn loài cầm thú dã man. Và chiến tranh tương lai sẽ còn dã man tàn khốc không thể kể với những chiến cụ tối tân mà ta đã thấy qua khả năng giết người của nó. Ở trong những trận giặc ngày xưa, người ta còn thấy cái thái độ quân tử của con người. Ngày nay, thì chắc chắn kẻ thắng trận phải là kẻ tối dã man dùng những chiến cụ tối văn minh của văn minh máy móc.

---

Hợp nhất cũng không có nghĩa là hỗn hợp nhau. Người lý tưởng tương lai đâu bắt buộc phải là một người Huê Kỳ với một tâm hồn người Ấn Độ. Mỗi văn minh đều có cái giá trị riêng của nó, thích ứng với những hoàn cảnh thiên nhiên và tánh khí của mỗi dân tộc. Thái quá cũng như bất cập đều là sự mất quân bình. *Tìm mắhợhiệ là cấ thế qâ bình cấ mìn* đó là tất cả bí quyết để thực hiện được đầy đủ cái sống của mình, tạo nên hạnh phúc cho mình và cho người vậy.

Thật vậy, Tây phương và Đông phương có gặp gỡ nhau không là gặp gỡ trong địa phận nguyên tắc truyền thống. Tây phương hãy trở về với cái học truyền thống của mình hồi trung cổ, cái học ấy phản phát với đạo học Đông phương, thì Tây và Đông sẽ gặp nhau, gặp nhau trên nguyên tắc đồng nhất. Đâu có cần gì phải đông phương hóa, cũng như Đông phương có cần gì phải tây phương hóa. Tôi đã nói vấn đề xung đột Đông phương và Tây phương chính là vấn đề xung đột về tánh khí hướng nội và hướng ngoại. Mà hướng nội và hướng ngoại nào đâu phải là hai tánh khí mâu thuẫn mà không thể

hòa hợp nhau đặng. Mỗi một người của chúng ta đều có hai tánh khí tương phản ấy nơi lòng: dương trung hữu âm, âm trung hữu dương. Đây là một sự thực không thể phủ nhận được. Nhà văn sĩ Maurice Maeterlinck có ví như vậy: “Bộ óc người ta có 2 khối, một khối Đông và một khối Tây, thời thường phản trái nhau luôn”. Thật là ngộ nghĩnh và rõ ràng hết sức.

Đâu phải riêng gì chỉ có Tây phương phản đối Đông phương, mà thực sự ngay ở Tây phương, cũng đã có hai khối Tây phương: Tây phương Âu châu và Tây phương Mỹ châu. Ở ngay Đông phương cũng có hai khối Đông phương: Đông phương Trung Hoa và Đông phương Ấn độ, thường công kích lẫn nhau. [\[64\]](#)

Hai lẽ âm dương ấy tuy mâu thuẫn mà điều hòa vẫn nằm ngay trong các sự vật. “Người Tây phương hễ đã có chút học thức thì tựa hồ như trong mình có hai con người khác nhau, một người Tây phương và một người Đông phương”. [\[65\]](#)

Bởi vậy, lúc sau này, sau cuộc đại chiến lần thứ nhất, một cuộc khủng hoảng to tát đã làm chấn động cả Tây phương, người ta đâm ra nghi ngờ văn minh Tây phương và sợ cho nó đã đến thời kỳ phá sản.

Người Tây phương xô nhau đọc sách Đông phương: các sách thần bí và triết học Đông phương được người Tây phương đọc mê say. Những sách về Đông phương như của Lâm ngữ Đường, Phùng hữu Lan, Hồ Thích, Cô Hồng Minh cùng sách về những truyện ký Đông phương có khi bán chạy hơn nhiều quyển tiểu thuyết danh tiếng nữa. Đạo nào Tagore, nhà đại thi sĩ Ấn độ, qua viếng Âu châu, được dân chúng Ý hoan nghênh đến nỗi nhà cầm quyền đâm ra sợ hoảng cấm dân chúng thành Milan tiếp đón ông. Có người thấy thế lại lo sợ rồi đây Tây phương sắp bị Đông phương xâm chiếm tinh thần như nhà văn sĩ H. de Massis đã lên tiếng trong quyển Défense de l'Occident của ông. Cũng có nhiều người Đông phương thấy thế cũng vội tưởng lầm là Đông phương sẽ được Tây phương hâm mộ và sẽ được lên cầm quyền bá chủ về tinh thần. Cũng có nhiều nhà quan sát thấy thế lại cho đó là triệu chứng của một cuộc phục hưng tinh thần của Tây phương. Họ đều nhận lầm cả.

---

Không, Tây phương sở dĩ ham mê đọc sách Đông phương, đầu tiên là vì tính hiếu kỳ và sâu hơn nữa là vì lòng hoài niệm một của báu tinh thần mà ngày nay mình đã mất.

Tánh người Tây phương là tánh hiếu kỳ. Họ “đói sách”, hễ trông thấy sách lạ thì ham. Nhưng cái ham ấy cũng bất thường: họ muốn cho món ăn phải đổi luôn và đồ ăn phải lạ lùng, nhất là tự phương xa đem lại. Các sách về Đông phương hay đạo học về Đông phương ngày nay, chính là những món đồ ăn lạ và cũng chỉ có thể thôi, không ảnh hưởng gì đến họ cả. Vả Tây phương đọc sách có tánh vụ về *lạc* hơn về *phần*, nên bất cứ là sách gì cũng được họ đọc ngấu đọc nghiền. Nhưng đọc sách mà đọc nhiều quá thì không có kết quả gì về phần tinh thần. Họ không thể đồng hóa gì được cả. Phàm một quyển sách muốn cho cảm hóa được người ta sâu nặng, phải có một địa vị độc tôn như sách Thánh kinh của Thiên Chúa giáo, hay một Tứ thư, Ngũ Kinh của Khổng giáo. Đọc và học Tứ thư và Ngũ kinh mà phải dày công “thập niên đẳng hỏa” như các cụ Nho ngày xưa của ta thật là một sự đáng buồn cười đối với người Tây phương ngày nay. Thế mà, chính cái học nghiền ngẫm, đem Tâm lẫn Trí để tiêu hóa nó và đồng hóa với nó đã làm cho các cụ Nho ta ngày xưa đã được xưng danh gọi là một nhà Nho như cụ Phan thanh Giản kia là một vậy. Ngày nay sách vở in rất nhiều, bỏ cả đời sống ta để đọc nó cũng không đủ thời giờ, thì bảo nó cảm hóa được ai mà hòng sợ, nhất là đối với những kẻ “đói sách” hay “ghiền sách” như người Tây phương ngày nay. Ngày nay chính cái sức mạnh của phong trào nó lôi cuốn ta đi, chứ đâu phải vì sự cảm thông ham mê nghĩa lý. Cho nên, sách mà đọc rất nhiều có khi nó chế lẫn nhau mà thành ra vô hiệu.

Nhưng người Tây phương mà ham mê đọc sách và nghiền cứu Đông phương có khi cũng thật vì lòng cảm mến. Bá tước Hermann de Keyserling nói: “Tôi ưa Đông phương hơn Tây phương là vì tôi ưa thích sự tuyệt phẩm tuyệt đích về mọi đường, hơn là sự kết quả hay thành công thực tiễn ở nhân tiền”. Thật ra, họ cảm mến Đông phương là họ hoài cảm một cái gì quý báu mà họ đã mất ngày nay.

Người Tây phương nào, như ta đã thấy trước đây, đều có mang nơi mình hai khối óc Đông phương và Tây phương, duy tâm và duy vật, duy tình và duy lý, nghĩa là hướng nội và hướng ngoại. Cái văn

minh trung cổ của Tây phương là một thứ văn minh phẩm gần giống với cái văn minh thuần túy của Đông phương. Từ thế kỷ thứ 18 kỹ nghệ phát sinh thì cái văn minh ấy lại điêu tàn, và nó cũng đã bắt đầu điêu tàn hồi thời kỳ Phục Hưng. Đến thế kỷ thứ 19 và nhất là 20 này thì văn minh truyền thống ấy đã chấm dứt. Các nhà nghiên cứu sử học của Tây phương như Guglielmo Ferrero, René Guénon, René Grousset đều cùng nhìn nhận như thế. [\[66\]](#)

Ngày nay, người Tây phương vì hằng ngày trì trệ về con đường công lợi, làm cho tuyệt mất cả cái phong vị thuần túy cổ truyền của mình nên hề thấy đâu còn sót lại cái phong vị ấy thì nhớ tiếc mà trân trọng đấy thôi. Ông Guglielmo Ferrero bảo: “Cái thảm kịch của thế giới ngày nay là thế: cái văn minh cổ là cái văn minh thuần túy vụ sự tận mỹ chứ không vụ lấy sự giàu mạnh. Nếu ta để cho mai một rồi, khác nào đã đánh mất hòn ngọc báu trên tay. Mất mà không làm sao tìm thấy lại được nữa, cho nên dù đã có được không biết bao nhiêu của cải tích tụ tự một thế kỷ nay do văn minh vật chất dâng nạp cho mình mà lòng tiếc uổng một của quý vô giá không làm sao nguôi được. Cho nên hề thấy cái gì còn phảng phất cái phong vị ấy thì ta trân trọng vô cùng. Đông phương là nơi những di tích văn minh cổ còn nhiều hơn ở Châu Âu, nên ta có lòng trân trọng như thế. Tuy những đền đài cổ tích ở Đông phương không được bảo tồn được trọn vẹn như ở Châu Âu, nhưng cái tinh thần nền nếp cũ vẫn còn giữ được nhiều hơn ở Châu Âu, như phong tục, chế độ, giáo dục, đạo đức, mỹ thuật v.v Người Tây phương đối với Đông phương cũng cốt tìm lấy cái ký vãng, chứ không phải tìm lấy tương lai: cái ký vãng ấy chính mình đã đang tay phá hoại đi nên lòng vẫn còn luyến tiếc”. [\[67\]](#)

Nhà đại văn hào Đức Hermann de Keyserling trong bài trả lời của ông về một cuộc điều tra về vấn đề đông phương và Tây phương cũng đã nói rõ ràng và sâu sắc như vậy: “Người Âu Châu ngày nay đem Đông và Tây đối lập với nhau, thực ra nào đâu phải đem lý tưởng Đông phương mà đối lại với lý tưởng Tây phương, mà chính là họ muốn đem cái lý tưởng của cổ điển và lý tưởng của trung cổ để đối lại với cái lý tưởng của ngày nay. Nghĩa là họ đem đối chiếu hai cái lý tưởng về tuyệt phẩm với cái lý tưởng về tiến bộ”.

Như thế, ta thấy rõ, sự xung đột Đông phương và Tây phương không phải là một sự xung đột của hai khối văn minh biệt lập mà là sự xung đột ngay bản thân của mỗi một người của chúng ta vậy.

Và Tây phương đâu cần gì phải đông phương hóa, mà chỉ nên trở về với cái học truyền thống của mình, tìm lấy cái thể quân bình của mình giữa hai khối Đông và Tây của mình thì ngày đó Tây phương và Đông phương sẽ lại gặp nhau.

Người Đông phương của ta nên xem bài học ấy của Tây phương mà tìm lối thoát cho mình. Cái khối Tây phương của ta trong mình ta ở Đông phương đây phải chăng nó tượng trưng trong cái văn minh Trung quốc, trong cái học của Khổng Mạnh “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Cái khối Đông phương của ta trong mình ta phải chăng nó đã tượng trưng ở cái học của Lão Trang và Phật giáo đại thừa.

Ta còn phải kiếm tìm đâu nữa. Nhà triết học H. de Keyserling có nói: “Chính cái văn minh quá khứ của Ấn độ và Trung hoa là hình dung được cái thứ văn minh mà chúng ta đang tìm kiếm. Văn minh Ấn độ cho ta cái gương của sự gồm nắm được tâm linh, còn văn minh Trung hoa cho ta cái gương của sự biết thích ứng hoàn toàn đời sống tâm linh với đời sống xã hội”.

Người Đông phương cũng như người Tây phương cần phải tìm cách thực hiện cái thể quân bình của một con người đầy đủ toàn diện của mình, nghĩa là một con người đã thực hiện sự điều hòa của *Tâm* và *Trí*. Thượng Trí mà khinh Tâm, cũng như thượng Tâm mà khinh Trí; thượng Động mà ghét Tĩnh cũng như thượng Tĩnh mà ghét Động là gây một sự điên đảo hỗn loạn nguy hiểm cho cái lẽ sinh tồn cho cá nhân cũng như cho toàn thể nhơn loại. Đông phương mà phụ họa với Tây phương để triệt để chạy vào con đường vật chất thì sớm muộn gì cũng phải theo luật tự nhiên “vật cùng tắc biến” mà bị tiêu diệt. Văn minh ngày nay đã hoàn toàn bị tây phương hóa, nếu không sớm tỉnh ngộ mà quay về với cái học tâm linh thì chắc chắn sẽ biến thành một cái xác mà không hồn, đi đến con đường tự sát. Nhân loại không khác nào một cơ thể. Nếu âm dương huyết khí điều hòa là sống lành mạnh; nếu âm dương huyết khí bất điều hòa là bệnh hoạn liên miên dẫn đến. Nhưng nếu

âm cô dương tuyệt hay là dương cô âm tuyệt thì sự tử vong sẽ thấy liền trước mắt.

Văn minh ngày nay dường như đã đi lần đến tình trạng dương cô âm tuyệt, thật nguy hiểm đã đến nơi rồi. Vậy muốn cứu văn minh thế, không phải người Tây phương mà làm được. Dĩ nhiên là Đông phương cũng phải nhận thức rõ ràng sức mạnh của mình trong sự lập lại thể quân bình cho cả nhân loại ngày nay vậy.

Văn minh máy móc của Tây phương ngày nay với sự chế tạo vô cùng dường như đã đi làm đường rồi. Có kẻ lại bảo: Ủ, thì cái nguy hiểm của sự phát triển vô độ của văn minh cơ giới mà thiếu kém sự phát triển về tâm linh đã rõ ràng không chối cãi, nhưng giờ đây bảo văn minh ấy dừng lại, thì là cả một sự không thể được. Vậy thì chỉ còn một cách này là ổn thỏa để lập thể quân bình: cứ để phát triển triệt để con đường tiến bộ của khoa học như cũ, mặt khác ta lo bồi đắp tâm linh tinh thần cho theo kịp cái đà tiến hóa vật chất thì có gì là nguy nữa mà sợ. Vật chất và tinh thần cùng đi đôi nhau thì văn minh sau này sẽ hay biết đường nào.

Nói thế, mới nghe qua dường như có lý, nhưng thực sự nó là một lầm lạc, một mâu thuẫn khổng lồ, không thể nào có thể thực hiện được. André Duboseq trong quyển “Đông Á và Tây Âu” (L’Extrême-Orient et l’Occident) có nói: “Cái lý tưởng tiến bộ càng ngày càng dấy lên, thì cái lý tưởng tuyệt phẩm (la perfection) càng ngày càng sút kém”. Hễ vật chất lên cao thì tinh thần xuống thấp, làm sao mà đi đôi với nhau được. Ngay như lời phê bình này của Frédéric Saisset về khoa học, cũng đủ giúp ta thấy lẽ ấy: “Khoa học dường như đã làm đường, theo chỗ nhận thấy của nhiều nhà đại thông thái. Trong khi khoa học tin tưởng đã đem lại được hạnh phúc vật chất cho con người bằng cách chế tạo máy móc, những phương tiện chuyên chở rất mau lẹ cả ngàn phát minh mới mẽ cốt làm cho con người càng mềm yếu, càng nhu nhược, càng làm mất sức cố gắng, một trong những điều kiện cốt yếu của sự sinh tồn Bà Gina Lombroso trong quyển “La Rancon du machinisme” đã chứng minh một cách rất tinh tường ảnh hưởng tai hại của văn minh cơ giới đối với óc thông minh và lòng đạo đức của con người, quả quyết: “Tôi chắc chắn rằng sự phát triển cực độ của kỹ nghệ là nền tảng của tất cả những vấn đề quan trọng của hiện thời và nếu người ta muốn làm bớt nỗi đau khổ



của thời đại thì đừng có thiết tha đến những chi tiết mà phải quyết tâm chiến đấu với kẻ thù chung nơi sinh mạng yếu điểm của nó: cơ giới chủ nghĩa”.

Như thế, thì sự phát triển của cơ giới văn minh không thể làm cho đạo đức tinh thần phát triển, trái lại, nó làm cho kém sút rất xa. Tinh thần đạo đức của người Tây phương cơ giới hóa ngày nay theo chỗ nhận biết của bất cứ là ai biết để ý quan sát, thật đã kém sút rất xa con người quân tử thời xưa lúc chưa bị văn minh cơ giới chi phối. Cho nên có lạ gì, khi nhà bác học Branly, người đã phát minh vô tuyến điện thoại, than: “Tôi lắm khi ngơ ngác, kinh ngạc nữa, về những phát minh chuyên môn do sự tìm tòi của khoa học tạo nên, là bởi tôi nhận thấy có một sự dang xa khủng khiếp giữa sự tiến bộ vật chất và sự tiến bộ tinh thần đạo đức mà hiện thời đang lùi xa ghê gớm”.

Có gì lạ: hễ vật chất mà lên cao, thì tinh thần phải sút kém. Nhà văn sĩ kiêm sử học G. Ferrero cũng nói: “Tại sao trong cái thời đại tiến bộ này mà ai ai cũng than rằng thế giới đã suy đồi, đạo đức suy vi. Người thợ thuyền, người làm công, người lính tráng, người học trò, người làm cha, người làm mẹ, người tôi tớ, nhất là bọn người tôi tớ ngày nay, đều không bằng phẩm giá người ngày xưa; đồ ăn ngon, câu văn hay, đồ chơi đẹp, mỹ nghệ, mỹ tục, mỗi ngày một mất dần Tại làm sao mà trong cái thời đại tiến bộ này lại thấy sự vật gì cũng suy bại đi thế? Thế thì ta có tiến bộ không? Ta lấy làm tự hào với sự tiến bộ của ta như thế, mỗi ngày ta mất ăn mất ngủ, liều cả tính mạng ta cho sự tiến bộ ấy, vậy nó có thực hay không, hay nó chỉ là một cái hư tưởng mà thôi?”

Vậy mong như ai kia, cứ một mặt tiếp tục mà phát triển cơ giới văn minh, một mặt lo bồi đắp đạo đức tinh thần phải chăng là một ảo vọng hay một mê lầm không thể nói.

Hễ vật chất mà lên cao thì đạo đức tinh thần phải xuống thấp. Sự phú quý và xa hoa không bao giờ có thể đi đôi với tâm hồn đạo đức, trừ những bậc siêu phàm đã hoàn toàn làm chủ được sự vật. Bởi vậy, dường như chỉ có những nhà đạo đức Đông phương là hiểu được lẽ ấy với cách sống “an bản lạc đạo” của họ. Ngay những nhà đạo đức thời xưa của Tây phương như Diogen, Epictète cũng lấy sự thanh bần làm bảo đảm cho đạo đức. Nhưng hạng người ấy đã

thành những ký ức xa xôi không còn ảnh hưởng gì đến thế hệ ngày nay nữa.

### Chương III: Thay lời kết luận

Việt Nam ở trong cái khối văn minh Đông phương cũng có cái sứ mạng lịch sử của nó. Sự giải phóng của dân tộc Việt nam ra khỏi gông cùm của Tây phương đế quốc về mặt chánh trị và quân sự chỉ mới là một giai đoạn đầu. Địa thế đặc biệt của nó, bắt buộc nó phải có một sứ mạng đặc biệt trong sự lập lại thể quân bình cho nó và cho cả vùng Đại Đông Á này.

Cái đề nghị của nhà đại tư tưởng Âu châu H. de Keyserling mà ta đã thấy trước đây: “ Chính cái văn minh quá khứ của Ấn độ và Trung hoa hình dung được cái thứ văn minh mà chúng ta đang tìm kiếm” đủ làm cho ta suy gẫm.

Nước Việt Nam chúng ta vì một tình cờ lịch sử và vị trí địa dư đặc biệt, chịu ảnh hưởng trực tiếp của hai nền văn minh đặc sắc ấy, há không biết nhận chân được cái may mắn ấy của mình, lại vô tâm chạy theo đuôi một thứ văn minh mà chính người thừa hưởng chánh thức của nó không muốn thừa hưởng nữa, thì thật không có gì mỉa mai cay đắng bằng.

---

Có người đã bảo: Xã hội ngày nay là xã hội của thời đại hắc ám (“âge sombre”). Luồng gió vật chất của Tây phương thổi vào đã thay đổi tâm trạng của những người Đông phương bị tây phương ngày nay. Và dường như hai chữ văn minh, hiện thời người ta cũng chỉ hiểu ngầm là thứ văn minh Tây phương hiện đại mà thôi.

Không có hình ảnh nào biểu diễn một cách giản dị và dễ hiểu cái sự thay đổi tâm trạng ấy bằng câu chuyện ngụ ngôn sau này của Ấn độ:

“Một người kia có mua của một người láng giềng một miếng đất. Bữa đó lại nhằm ngày chót của thời đại hoàng kim (âge d’or) và đến sáng hôm sau là chuyển sang thời kỳ hắc ám (âge noir)<sup>[68]</sup>. Chính bữa đó anh ta về miếng đất mới, và lúc đào đất để dựng cột nhà, anh đào trúng một hũ vàng. Anh bèn lật đất qua nhà láng giềng, chủ cũ của miếng đất, và nói: “Tôi vừa đào miếng đất tôi vừa mua của anh đó, tôi đụng phải hũ vàng. Trước kia tôi chỉ mua đất chứ đâu có mua hũ vàng. Vậy, vàng ấy là sở hữu của anh, tôi xin mang trả lại anh”.

Người kia trả lại: “Tôi mừng giùm anh được của quý, nhưng tôi có quyền gì nhận lấy nó. Trước kia, khi tôi bán miếng đất ấy cho anh là tôi đã bán nguyên miếng đất ấy rồi, không chứa lại gì cả và thế thì những gì có chứa trong đó đều thuộc về phần anh”.

Hai bên cứ nhường nhau mãi cho đến khi trời sắp tối mà cũng không ai chịu nhận hũ vàng. Hai bên đều nghĩ rằng nên để qua một đêm cho bên kia suy nghĩ chín chắn rồi đến mai ắt đối phương sẽ nhìn nhận quan điểm mình là chánh đáng.

Đêm đó, không dè đến lúc chuyển sang thời kỳ hắc ám, ngọn gió vật chất thổi lấp tràn ngập cả thế gian, tâm hồn đạo đức của hai bên đều chịu ảnh hưởng hắc ám ấy mà không một ai hay biết cả.

Sáng đến, hai người lại gặp nhau như lời hẹn trước.

Người mua đất liền nói: “Tôi đã suy xét lại thì thấy rõ lời anh bày giải hôm qua là phải. Tôi đã mua miếng đất của anh thì tất nhiên những gì chứa trong đó là của tôi tất cả”. Người kia trả lời: “Không phải vậy. Bữa nay tôi xét lại thấy rằng lời bày giải của anh ngày hôm qua là đúng. Anh không thể nào mua một của quý mà chính anh không cố tâm mua nó, chính anh không biết là có”.

Hai người cãi nhau, không ai chịu nhường lại cho ai hũ vàng cả? Họ trở nên thù địch và kéo nhau ra tòa, dùng tất cả biện pháp theo thủ tục để thắng bên kia cho kỳ được, không chút nương tay, bên nào cũng chắc chắn là mình giữ phần phải và vì Công lý mà tranh đấu”.

---

Tâm hồn của hai người trên đây lúc chưa bị ảnh hưởng của “thời đại hắc ám”, không lấy “hũ vàng” làm mục đích đời người, nên gìn giữ được một tâm hồn liêm khiết Đến khi tâm hồn bị ảnh hưởng hắc ám của vật chất, hũ vàng ấy lại trở thành mục đích của đời mình: sự tranh đấu bắt đầu sanh ra, lòng liêm sỉ lần lần tắt hẳn Chỉ có một sự khác nhau về cách cư xử, mà con người có thể tạo ra thời đại hoàng kim hay thời kỳ hắc ám

Người Đông phương mà bị tây phương vật chất hóa ngày nay chắc chắn không thể hiểu nổi tâm trạng của hai người này lúc chưa bị ảnh hưởng của thời kỳ hắc ám. Và biết đâu họ lại không cho đó là tâm hồn của những người lạc hậu, si mê, ngu dốt, chưa giác ngộ quyền lợi của mình

## PHỤ LỤC

### 1. Luật Âm Dương hướng nội hướng ngoại trong nhân loại

Luật Âm Dương (loi de polarité) là một huyền bí trong tất cả những huyền bí của vũ trụ. Ấy là luật mâu thuẫn mà bổ túc nhau, chứ không phải hoàn toàn xung đột và tiêu hủy nhau.

Trong sách Kybalion có nói: “Thầy đều có hai cực đoan; giống nhau và khác nhau đồng có một ý nghĩa như nhau; những cực đoan nghịch nhau đồng có một bản thể như nhau, nhưng khác độ; những cái cực đoan lại gặp nhau; tất cả những chân lý chỉ là những bán chân lý; tất cả những nghịch thuyết đều có thể dung hòa”. [\[69\]](#)

Chân lý này cũng đã được nêu ra trong Dịch kinh: “Nhất âm nhất dương chi vị Đạo” và Lão tử trong Đạo đức kinh: “Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ, giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ”.

Đông Tây Đạo học cổ đại đều đã bàn đến cái luật này rất rõ ràng rồi. Nó là một chân lý mà hiện thời khoa học đã cùng gặp gỡ nhau nơi khoa nguyên tử học. Carl Jung, nhà tâm lý học trứ danh ngày nay, trong quyển “L’Homme à la recherche de son âme” có khuyên ta nắm giữ mãi nguyên tắc này khi nghiên cứu đến những hiện tượng của tâm hồn: “Đừng bao giờ nghiên cứu một sự kiện tâm lý nào dưới một phương diện mà luôn luôn phải để ý đến phương diện tiêu cực của nó “

Người ta, theo C. Jung, cũng có thể chia ra làm hai hạng: hạng hướng nội (introverti) và hướng ngoại (extraverti). Hạng hướng nội thuộc Âm, hạng hướng ngoại thuộc Dương. Âm thì thu vào, Dương thì duỗi ra. Hai tánh khí ấy tuy chia ra mà nói là chiếu theo khuynh hướng thiên nhiều về bên nào, sự thật thì không có tánh khí nào thuần hướng nội, cũng không có tánh khí nào thuần hướng ngoại.

Luật Âm Dương mà đem áp dụng vào sự nghiên cứu tánh khí rất tiện cho ta thấy được dễ dàng đại quan của con người trong nhân loại. Và thể theo đấy, với cái luật âm dương hướng nội hướng ngoại này ta cũng có thể tạm chia các dân tộc trong nhân loại làm hai khối là khối Đông và Tây. Đông là thuộc Âm hướng nội, Tây là thuộc Dương hướng ngoại. Một bên thì háo Tĩnh, một bên thì háo Động.

Nhưng theo luật mâu thuẫn Âm Dương, thì “Âm trung hữu Dương; Dương trung hữu Âm”, tức cái Dương trong cái Âm và cái Âm trong cái Dương. Con người theo thần thuyết bán âm bán dương (le mythe d'androgynie) cho rằng con người nguyên thủy là bán âm bán dương, bị Thượng đế chia rẽ, nên dưới trần gian Âm và Dương vẫn tìm để phối hiệp nhau, là một giả thuyết để trình bày luật âm dương.

Bởi vậy, Đông phương tự nó cũng có chứa mâu thuẫn của nó, tức là có Đông phương hướng ngoại và Đông phương hướng nội. Đông phương hướng ngoại là Dương trong Âm,, dĩ nhiên cái Dương đó có tánh cách Âm nhiều hơn cái Dương trong cái Dương. Đông phương hướng nội, đây là Âm trong Âm, là thuần Âm (dĩ nhiên chữ thuần này chỉ có cái nghĩa tương đối chứ không bao giờ có cái nghĩa tuyệt đối).

Tây phương tự nó cũng có Tây phương hướng ngoại và Tây phương hướng nội. Tây phương hướng ngoại là thuần Dương, còn Tây phương hướng nội là Âm trong Dương. Cái Âm này là cái Âm của Dương, không thật giống với cái Âm của Âm. Bởi vậy, người Đông phương hướng ngoại tuy bản tính hướng ngoại như người Tây phương hướng ngoại nhưng vẫn có chất Âm của Đông phương, nghĩa là dù sao người Đông phương hướng ngoại cũng vẫn có bản chất âm tính của dân tộc Đông phương, bởi vì nó bị nằm trong cái hồn chung của dân tộc.

Tỉ như trong khối Đông phương, thì Ấn Độ là khối Âm trong Âm, nghĩa là thuần Âm, cho nên nó đại diện cho tinh thần thuần túy Đông Phương. Còn khối Trung Hoa là khối Dương trong Âm. Nó là Đông phương hướng ngoại, tương đối với Đông phương hướng nội là Ấn Độ. Bởi vậy, Ấn độ thiên về cái học của tâm linh còn Trung hoa thiên về cái học xã hội bên ngoài.

Tuy nhiên, theo luật “Âm trung hữu Dương” thì Ấn độ đạo học cũng tự chia ra làm 2 phái, phái Ấn độ giáo và phái Phật giáo. Ấn độ giáo thuộc Âm còn Phật giáo thuộc Dương. Phật giáo tự nó cũng chia làm hai, là Phật giáo đại thừa và Phật giáo tiểu thừa. Phật đại thừa là phần Âm của Phật giáo, Phật tiểu thừa là phần Dương của Phật giáo và bởi thế Phật tiểu thừa thiên về hướng ngoại, vụ bề ngoài, còn Phật đại thừa thì vụ về bề trong, không câu nệ vì hình thức hay nghi thức.

Cũng như khối đạo học Trung hoa, tự nó cũng tự chia làm hai phái: phái Khổng học và phái Lão học. Phái Khổng học thuộc về phần dương, có thể đại diện cho Trung hoa hướng ngoại. Phái Lão học thuộc về phần âm, nên chỉ hợp với một thiểu số người Trung hoa hướng nội mà thôi, còn Khổng học thì thuộc về phần dương nên rất hợp với đa số dân chúng Trung hoa hơn. Và cũng bởi thế mà Lão học và Phật học Ấn độ phản phát gần nhau. Người Tây phương mà nghiên cứu Đông phương, họ thích nghiên cứu và thông cảm với Khổng học hơn Lão học, thật là một lẽ dĩ nhiên vậy: đồng tinh tương ứng, đồng khí tương cầu.

Phật Đại thừa của Ấn độ vào đất Trung hoa, dĩ nhiên là gặp Lão học là miếng đất thuận tiện nhất cho sự phát triển của nó. Và nhân sự phối hợp của hai nền Đạo học ấy mới cấu thành được cái học của Thiền tông, tinh hoa của Đạo học thuần túy Đông phương.

Lấy Tây phương mà xét theo nguyên tắc Âm Dương trên đây ta cũng có thể chia Tây phương ra làm hai khối: hướng nội và hướng ngoại. Tây phương hướng nội là giống La tinh; Tây phương hướng ngoại là giống Nhật nhĩ man.

Chỉ căn cứ vào đặc tính của mỗi thứ văn minh ta có thể phân loại như trên một cách dễ dàng.

Lại nữa luật âm dương theo chiều ngang thì lấy Đông làm Âm, Tây làm Dương, mà lấy theo chiều dọc thì lại lấy Nam làm Âm mà Bắc làm Dương. Lấy đại khối mà tính cũng thế, mà lấy tiểu khối mà tính cũng thế. Luật âm dương của đại khối và tiểu khối có thể cắt nghĩa được chiếu theo luật từ khí của khoa vật lý. Tỉ như một miếng đá nam châm để nguyên vẹn thì có 2 cực: âm cực và dương cực. Nếu lại bẻ nó ra làm 2 khúc, thì mỗi khúc cũng lại có âm cực và dương cực của nó nữa như khi còn ở trong đại khối vậy. Nếu lại bẻ ra làm tư, thì mỗi khúc nhỏ ấy cũng đều có âm cực và dương cực như khi còn là đại khối. Đây là một huyền bí trong các huyền bí của sự vật trên đời.

Một xứ nào hay nước nào cũng thế, đều có một Đông một Tây, một Nam một Bắc. Miền Đông thuộc Âm, miền Tây thuộc Dương, miền Nam thuộc Âm miền Bắc thuộc Dương. Nếu chiều ngang rộng hơn chiều dài, thì kể, Đông và Tây làm Âm Dương, nếu chiều dọc dài hơn chiều ngang thì lấy Nam làm Âm, Bắc làm Dương. Nếu

chiều ngang và chiều dọc tương đương thì lấy cả Đông, Tây, Nam, Bắc mà định Âm Dương.

Như ở Việt Nam, chiều dọc dài, chiều ngang nhỏ thì kể Nam Bắc mà định Âm Dương. Miền Nam thuộc Âm, miền Bắc thuộc Dương. Đặc tính dân chúng miền Nam là thuộc về Âm tính, thích trầm lặng, ít hoạt động, thuộc về hướng nội, nhu tính, còn đặc tính dân chúng miền Bắc thuộc về dương tính, thích ồn ạt, ưa hoạt động, thuộc về hướng ngoại, cương tính. Cái dưỡng khí của người phương Bắc thích dùng cương đạo, bộc lộ; cái dưỡng khí của người phương Nam thích dùng nhu đạo, thâm kín.

Nghiên cứu về những hiện tượng của Văn minh, nhà sử học Léo Frobenius trong quyển *Le Destin des Civilisations* khuyên ta nên lấy cái luật ấy làm vấn đề quan trọng: “Giống đực, biểu hiệu của sự Động, giống cái, biểu hiệu của sự Tĩnh, quyết định lẽ thuần nhất và sự thực hiện của luật âm dương vậy. Đây chẳng phải chỉ là một cái “Luật” mà là cả “cái hệ thống tự nhiên của cái Sống”. Chính nó là cái hiện tượng duy nhất của sự Sống.”<sup>[7]</sup>



## 2. Tư tưởng của các danh sĩ quốc tế đối với vấn đề Đông phương và Tây phương

**Victor Durkheim**

Livré à lui-même, l'Occident se déchirera sauvagement au mépris de toute morale et de toute fraternité car le progrès mécanique est une machine de guerre qui ne peut être abandonnée à la direction des fous

L'homme doit conduire la machine et ne pas se laisser conduire par elle.

Connaissance et sagesse sont également désirables et se complètent.

*Als et l'Orient* (p.245-346)

Để nó một mình thì Tây phương sẽ chia xé nhau một cách dã man tàn nhẫn bất chấp luân thường cốt nhục: sự tiến bộ về cơ giới là một bộ máy chiến tranh không thể giao phó cho bọn điên rồ chỉ đạo.

Con người phải chỉ huy máy móc chứ không nên để nó chỉ huy sai sử mình.

Hiểu biết và khôn ngoan đều là những điều đáng cho ta mong ước cả và nó phải bồi bổ cho nhau.

**Paul Masson – Orsè**

Notre honte d'Occidentaux qui nous vaut l'aversion, souvent le mépris de nos frères d'Asie est l'idolâtrie de la force et l'oubli des valeurs spirituelles. Nous avons sacrifié non seulement la foi mais l'intuition et la méditation à la raison. Rachetons-nous en pacifiant le monde dans une raison de tolérance et de justice.

*Als et l'Orient* (p.300)

Cái nhục của người Tây phương của chúng ta khiến cho các anh em Đông phương của chúng ta khinh khi và nhòm ghét là ở chỗ chúng ta thờ phụng bạo lực và quên lãng những giá trị thiêng liêng. Chúng ta đã chẳng những hy sinh đức tin mà thôi, chúng ta cũng đã hy sinh cả trực giác và trầm mặc cho lý trí. Chúng ta hãy chuộc lại lỗi của chúng ta và làm êm dịu lòng nhân loại bằng lòng khoan dung và đức công bình.

**Chauvinisme**

L'Orient a sur l'Occident de considérables supériorités sauf en ce qui concerne la centralisation. C'est par la centralisation et par la toute puissance d'une organisation rayonnante que l'Occident semble avoir sur l'Orient une supériorité d'ailleurs fragile.

*Als d l'Orient* (p.27)

Đông phương có nhiều chỗ cao hơn Tây phương nhiều lắm, trừ vấn đề tập trung lực lượng của họ. Chính nhờ sự tập trung lực lượng và sự tổ chức rạch ròi của họ mà Tây phương đối với Đông phương dường như cao hơn được mà thôi, nhưng dễ bị đổ nát.

### **RéGibuin**

Au point de vue scientifique, il me paraît incontestable que si l'Occident est beaucoup plus avancé que l'Orient dans la connaissance et la maîtrise de l'univers matériel, l'Orient est beaucoup plus avancé que l'Occident dans la connaissance et la maîtrise de l'univers spirituel.

*Als d l'Orient.* (p. 275-76)

Đứng về phương diện khoa học, đối với tôi không còn chối cãi gì nữa được, Tây phương tiến hơn Đông phương nhiều về sự hiểu biết và làm chủ thế giới vật chất, còn Đông phương thì tiến hơn Tây phương nhiều về sự hiểu biết và làm chủ thế giới tâm linh.

### **EnandDior e**

Dans quel domaine l'influence orientale pourrait s'exercer avec quelque résultat? Un seul, le domain philosophique. Quant à comparer les mérites de l'Occident et de l'Orient; c'est je crois une question de choix. Aimez-vous mieux passer à 120 à l'heure, sur une route, ou être assis au bord de cette route regardant le ciel? Car telles sont les 2 attitudes générales de l'Est et de l'Ouest.

(p.270 – Appels de l'Orient)

Trong giới nào, ảnh hưởng của Đông phương có thể có kết quả nhiều đối với Tây phương? Chỉ có một thôi, là giới triết học. Còn việc so sánh những công linh của 2 bên Đông và Tây, thì theo tôi, chỉ là vấn đề ưa thích. Anh có thích chạy mau 120 cây số 1 giờ trên một con đường hay anh thích ngồi bên lề đường ấy để ngắm cảnh trời? Vì đó là hai thái độ tổng quát của Đông phương và Tây phương.

## **Heann Kselng**

Plus je pénètre les choses de l'Orient, plus type de l'Occidental moderne me paraît insignifiant: c'est qu'il a abdiqué sa vie au profit de ce qui n'est qu'un moyen de vivre.

Journal d'un philosophe (p.292)

Tôi càng đi sâu vào sự vật của Đông phương bao nhiêu, tôi càng cảm thấy cái kiểu người Tây phương hiện đại đối với tôi, không có ý vị gì cả: chính vì họ đã từ bỏ cái lẽ sống của họ cho cái mà ta có thể gọi là một sinh kế mà thôi.

## **Baunsich**

Les diverses civilisations, qui jusqu'à présent ont régné sur la terre, n'ont réussi chacune qu'une portion d'être humain. Il est temps qu'une civilisation nouvelle, synthèse de toutes les civilisations précédentes réalise enfin la plénitude de l'homme.

(La Vie Américaine et ses leçons, p.372)

Những thứ văn minh khác nhau, hiện đang ngự trị thế giới, mỗi bên chỉ thành công thực hiện được có một phần con người thôi. Đã tới lúc phải có một cái văn minh mới mẻ, tổng hợp tất cả những văn minh trước đây để thực hiện một con người đầy đủ.

## **dn Bhot**

Depuis plusieurs siècles l'Occident a toujours fait figure d'agresseur. Notre religion, pire que si elle n'existait pas, est la complice de tous nos crimes; ses bonnes oeuvres ne suffisent pas à écarter le soupçon d'hypocrisie. Il n'est pas surprenant que l'Occident soit méprisé pour son idéal, détesté pour ses actes, et envié pour sa puissance matérielle.

(p.244. Les appels de l'Orient)

Đã bao nhiêu thế kỷ rồi, Tây phương luôn luôn mang mặt là người xâm lăng. Tôn giáo của chúng ta, tệ hơn là thù không có nó, vẫn đồng lõa với tất cả những tội ác của chúng ta, những công việc từ thiện của nó không đủ để gạt bỏ lòng ngờ vực của thiên hạ cho là dối trá. Có gì lạ khi Tây phương bị khinh bỉ vì lý tưởng của nó, bị ghét bỏ vì hành động của nó, nhưng được người ta thêm thương vì sức mạnh vật chất của nó.

## **Đánh t hiểnh, nhượ nghê a đ**

Eurybiade, tổng tư lệnh hải quân, muốn bỏ cù lao Salamine mà kéo hết hải quân sang vùng eo đất Corinthe Thémistocle ngăn cản lại

Cuộc tranh luận rất kịch liệt, nhưng Thémistocle vẫn giữ thái độ khoan hòa điềm đạm.

Trong lúc tranh luận sôi nổi, có một lúc Eurybiade giận quá, giọng lên như muốn đánh ông. Nhưng ông vẫn bình tĩnh bảo: “Đánh thì đánh nhưng nghe ta nói đã!”

Eurybiade thấy người vững dạ như thế mà dậm ra ghê sợ, bèn cho ông nói tiếp Ông biện bạch thế nào mà ông tổng tư lệnh sau cùng cũng chịu cho ông là nói phải.

Thuật theo “Sử ký thanh hoa”

(Le parfum des humanités của E. Vayrac)

---

[1] Chaque médaille a son revers.

[2] Và đề cao cái này không phải là có ý phủ nhận cái kia. Vì “Chân lý có hai mặt đối địch, nhưng không phải đề cao cái này để phủ nhận cái kia” (La vérité est la systhèse des 2 pôles, mais non pas l’affirmation de l’un au détriment de l’autres)

[3] Xem Phụ lục, chương “Sự cao thấp của 2 nền văn minh Đông phương và Tây phương” theo cuộc điều tra các danh sĩ Tây phương của báo Cahiers du Mois

[4] Quant à c'est simple. J'ai l'Occident en abomination. Cela représente pour moi la brume, le froid, le gris, la mécanique, la science meurtrière, les usines avec tous les vices, le triomphe du bruit, de la bousculade, de la laideur. C'est le matérialisme, l'utilitarisme, l'agitation stérile, etc etc j'en passe et des meilleurs. L'Orient est le calme, la paix, la beauté, la couleur, le mystère, le charme, le soleil, la vie, la vie douce et le rêve; enfin tout le contraire de la civilisation haïssable et grotesque () Si j'étais libre, je ferais bâtir une muraille de Chine entre l'Orient et l'Occident pour empêcher celui-ci d'empoisonner celui-là; je ferais couper le cou de tous les gâours et j'irais vivre là où l'on voit clair et où il n'y a pas d'Européens. Voilà!

Les Appels de l'Orient (p. 246)

Les Cahiers du Mois n. 9-10 (Fév. – Mars 1925) Emile Paul éditeurs Paris.



[5] Mais voici qu'il (l'Orient) nous observe, car nous avons abusé de notre force: il étudie à notre école. Les jeunes générations d'Asie nous imitent. Avec l'excès du néophyte, elles prêchent la brutalité, et quelque fois le culte de la matière.  
Les Appels de l'Orient, p.262.

[6] La Psychologie de C. Jung par Jolan Jacobi (Delachaux et Niestlé), p.41. "Certaines périodes de la vie de l'homme, de la vie des peuples mêmes sont caractérisées par une prépondérance de l'extraversion ou de l'introversion. La puberté, par exemple, est d'ordinaire plutôt une phase d'extraversion"

[7] Si jeunesse savait, si vieillesse poursit!

[8] Les Forces spirituelles de l'Orient par Claude Farrère (p.167)

Flammarion:

- Nous avons adopté les armes de l'Europe. Nous avons adopté la tactique de l'Europe. Nous avons adopté les mœurs même en de l'Europe. Et nous voici sur un change de bataille. Demain, si nous sommes vaincus, que dira le monde?
- Si nous sommes vaincus, le monde dira que nous sommes des singes"

[9] Après la catastrophe de cette honteuse guerre mondiale, qui a marqué la faillite de l'Europe, il est devenu évident que l'Europe ne suffit plus à se sauver soi-même. Sa pensée a besoin de la pensée d'Asie, comme celle-ci a profité à s'appuyer sur la pensée d'Europe. Ce sont les 2 hémisphères du cerveau de l'Humanité. Si l'un est paralysé, le corps dégénère. Il faut tâcher de rétablir leur union et leur sain développement.

L'Inde p.14 par R. Rolland

**[10]** La synthèse Orient. Occident, base de l'unité humaine, est une nécessité vitale, probablement la plus immédiatement nécessaire à notre époque.

Le choix de l'Asie par G. Monod-Herzen (France-Asie n.100).

[11] Ông René Grousset cũng có nói: “La leçon de l’Orientalisme est de nous permettre de mieux comprendre l’Occident. La leçon de l’histoire occidentale est de nous aider à mieux comprendre l’Orient” – R. Grousset – (Confluences Orient – Occident – France-Asie n.100)

[\[12\]](#) Xem Phụ lục: Hướng nội và hướng ngoại.



[13] Phật giáo đại thừa như phái Thiên tông, sư Không Hải bảo với đệ tử: “Nếu ta gặp đức Phật đứng trên con đường của ta, ta phải giết ông đi. Đừng mang cái đầu của ai mà suy nghĩ cả, đừng mang quả tim ai mà cảm cả”

[14] Thắng được người là người có sức; thắng được mình là người mạnh.

[15] Biết người là người trí, biết mình là người sáng.

**[16]** Trước làm cho mình được sáng, rồi sau làm sáng cho người.

[\[17\]](#) Tu thân để mà tề gia, tề gia để mà trị quốc, trị quốc để bình thiên hạ.

[\[18\]](#) Lấy sự tu thân làm gốc.

[\[19\]](#) Xem quyển “Cái dũng của Thánh nhân” và “Thuật xử thế” cùng một tác giả, trong loại sách Học làm người của nhà xuất bản Phạm văn Tươi.

[\[20\]](#) “Theo Đạo, thì càng ngày càng bớt, bớt và bớt mãi đến vô vi” – Đạo Đức Kinh.



[\[21\]](#) Chữ Mạng đây, đồng một nghĩa với chữ Đạo, hay là Bản thể mà Trời Đất khi sanh ta, đã phú sẵn nơi mỗi người.

[22] Thuyết tiến bộ là thuyết thuần túy Tây phương. Hai chữ *tiến bộ* chỉ mới bày ra trong khoảng cuối thế kỷ thứ 18, và được những nhà xã hội chủ nghĩa đem truyền bá phổ thông đầu thế kỷ thứ 19.

[\[23\]](#) Le temps c'est l'argent.

[24] Tu dois agit ainsi.

[\[25\]](#) Không giết kẻ dưới ngựa.

[26] Nên nhớ rằng Tây phương thời Trung Cổ tinh thần rất gần Đông phương thuần túy. Ở đây, khi bàn đến Văn minh Tây phương là muốn bàn đến cái Văn minh Tây phương cận đại và hiện đại, cái văn minh Tây phương từ Phục Hưng đến nay.

[27] Trong quyển *l'importance d'être vivant* của Lâm ngữ Đường có nói “Lão tử là một kẻ chí ngu” (Lao Tseu est un sacré idiot).

[28] “Cầm đuốc chẳng phải là tỵ hiềm, đem đó lòng chỉ nhớ nhưng có nhà Hớn”.

Trận Huê Dung (mà tha Tào Tháo) không phải là báo đáp ân nghĩa (tư riêng gì), (mà vì) trong lúc ấy dưới con mắt không thấy có anh Tào Tháo (mà chỉ thấy có một người “hạ mã” mà thôi.



[\[29\]](#) Người thời Chiến Quốc.

[39] Chủ nghĩa “thành công” ngày nay đã nhập vào giới giáo dục và đã gây tai hại không biết chừng nào. Học sinh chỉ vụ thành công mà không ngần ngại gì trong sự gian lận để giựt được cấp bằng. Rồi người ta cũng chỉ vụ vào đó, vào cái cấp bằng đó để dùng người, không kể gì đến việc bằng cách nào họ đã đoạt được cấp bằng ấy. Một vấn đề mà tôi sẽ bàn đến một nơi khác.

[31] Ceux qui brûlent d'agir méprisent la pensée parce qu'elle ne "fait" rien. Mieux vaut agir à tâtons, disent-ils, mais agir. Ils oublient que c'est justement le privilège de la pensée de (p.72) *Mythe d'un monde moderne* .

[32] *Mythe d monde moderne* par Ch. Baudoin (Action et Pensée)

[33] Người Trí thích Nước, người Nhân thích Núi (Nước tượng trưng cái Động, vì nước chảy; Núi tượng trưng cái Tĩnh, núi tro tro đứng một chỗ.)

[34] “Ce que les Occidentaux appellent Progrès, ce n’est pour les Orientaux que changement et instabilité; et ce besoin de changement, si caractéristique de l’époque moderne, est à leurs yeux une marque d’intériorité manifeste: Celui qui est parvenu à un état d’équilibre n’éprouve plus ce besoin, de même que celui qui sait ne cherche plus”. R. Guénon (Orient et Occident, p.41).

[35] Chính người Tây phương cũng bảo thế: “Malheureusement on a fait de là science une idole; on a voulu l’appliquer dans des régions où elle s’est plus applicable; on a oublié qu’il y a une loi pour l’homme aussi biens qu’une loi pour les choses; on est tombé aussi dans le pseudo-science, une des grandes plaies de l’Occident d’aujourd’hui.”

Irving Babbitt, prof. à l’Université d’Harvard.

Les Appels de l’Orient – (p.243)

[36] La culture occidentale est matérialiste. Par matérialisme il faut entendre la conviction ou le sentiment inavoué que l'essentiel de l'être réside dans ses formes particulières. Même la manière dont les théosophes présentent et interprètent le spiritualisme oriental est une preuve de leur attachement aux phénomènes. L'annonce de la migration des âmes, par exemple, leur semble une "bonne nouvelle", tandis que pour l'Indou elle est le signe de l'éternité de la douleur. En effet, l'Occidental, si épris de spiritualité qu'il soit, n'a que rarement le désir de dépouiller son existence informée et il ressent comme un malheur la perte de sa forme individuelle. C'est en affirmant son vouloir vivre qu'il entend s'élever à d'autres existences, et il conçoit cette progression comme un fonctionnaire zélé songe à son avancement. Le spiritualisme indou se transforme alors en cette sorte de matérialisme anglo-saxon qui prétend en être l'expression exacte, mais qui place tous les accents à contre-sens".

La Philosophie de Keyserling. (M. Boucher, p.63) – Ed. Rieder (1927)

Keyserling là một nhà tư tưởng nước Đức đã từng du lịch đến tận Adyar (Ấn độ) và nghiên cứu tận tường khoa Thông Thiên học. Ông là người có một tâm hồn rất sâu sắc, thông cảm được với tất cả tư tưởng Đông, Tây. Quyển *Journal d'un voyage en philosophe* của ông có danh tiếng nhưt hoàn cầu. Chính trong quyển này ta thấy sự phê phán của ông về phái Thông Thiên học thật là chính đính công bình.



[37] Edmond Jaloux ở Hàn lâm viện Pháp cũng có nói: “Le divorce entre l’Hindou et l’Européen est particulièrement visible dans *les dctrines théosophiques q i ont éformé toutes les théories et toutes les pnsées d l’ExtrêmeOrient* au bénéfice de l’individualisme anglo-saxon.

La lumière vient-elle de l’Orient – p.20 in Les Appels de l’Orient n.9/10

[38] “les théosophistes angle-saxons don’t la terminologie orientale n’est qu’un masque destiné à en imposer aux naifs et aux gens mal informés, et qui ne recouvre que des idées aussi étrangères à l’Orient que chères à l’Occident moderne... Quant au second groupe, nous y trouvons quelques-uns de ces Orientaux occidentalisés don’t nous parlions tout à l’heure, et qui, tout aussi ignorants que les précédents des véritables idées orientales, seraient fort incapables de les répandre en Occident Du reste, le but qu’ils se proposent est tout contraire à celui-là, puisqu’il est de détruire ces mêmes idées en Orient, et de présenter en même temps aux Occidentaux leur Orient modernisé, accomodé aux théories qui leur ont été enseignées en Europe ou en Amérique; véritables agents de la plus néfaste de toutes les propagandes occidentales C’est pour l’Orient qu’ils sont un danger, et non pour l’Occident dont ils ne sont que le reflet.”

(p.212-213 Crise du Monde Moderne – Ed. Bossard 1927)

Sự thật có đúng như vậy. Chính chúng tôi khi đọc xong quyển “Trung Quốc Triết học sử đại cương” của một Hồ Thích bị “tây phương hóa”, cũng có cái cảm tưởng khó chịu ấy. Đó là “dòi trong xương dòi ra” (Lời chua của tác giả).

[\[39\]](#) Văn trung Tử.

[40] Ông R. Guénon trong quyển “Orient et Occident” cũng nói: “L’Orgue, en réalité est chose bien occidentale” (p.76).

[41] “Dans le monde occidental moderne, l’inférieur prend le pas sur la vérité, l’humain se substitue au divin, la terre l’emposte sur le ciel, l’individu se fait la mesure de toute chose et prétend dicter à l’univers des lois tirées de sa raison relative”

R. Guénon (cité par J. Marciseau dans R. Guénon et son œuvre). p. 66.

[\[42\]](#) “Faire comme tout le monde” engendre l’atrophie intellectuelle  
(Làm như mọi người gây ra sự tàn phế trí thức) – R.Guénon (p.66  
Morcireau)

[\[43\]](#) L'ère de la masse et le déclin de la civilisation.  
Par II. De Mann (Au Portulan c/o Flammarion).

[44] “Vô danh” ở đây có nghĩa là vô giá trị về phẩm giá của một cá nhân, một cá nhân không có một tánh cách gì, ai nghĩ sao mình nghĩ vậy, ai nói sao mình nói vậy.



[45] Học trò bao giờ cũng nhiệt hứng hơn thầy. Đông phương tây phương hóa bao giờ cũng sùng bái khoa học vật chất hơn thầy. Đó là lẽ dĩ nhiên vậy.

[\[46\]](#) Đón xem quyển “Giáo dục” cùng một tác giả, sẽ xuất bản. Quyển này bàn về lối giáo dục chân chánh của thế hệ ngày nay. Một cuộc tổng soát bằng giá trị của tất cả hai nền giáo dục Đông phương và Tây phương cận đại.

[\[47\]](#) Đây chúng tôi muốn bàn đến sự “hiểu biết” về cái học tâm linh.

[\[48\]](#) Đọc sách về loại tâm linh, chứ không phải nói về sách khoa học chuyên môn.

[49] Họ không tin nơi những thực kiện (les faits), vì đối với người Đông phương, “thực kiện” không minh chứng được gì cả (les faits ne prouvent rien). Người Tây phương thích minh chứng và tin rằng tự nó những sự kiện có đủ điều kiện để đảm bảo một chân lý nào. Sự thật thì không phải vậy: cũng thời những việc xảy ra mà kẻ thì đem minh chứng cho lý thuyết này, người lại đem minh chứng cho lý thuyết khác, thấy đều nghe “hợp lý” và “thuận tai” được cả. Cho nên phần đông người ta dùng những sự kiện đã xảy ra để minh chứng những ước thuyết của mình mà thôi Người Đông phương hiểu rõ như thế, nên ít chịu minh chứng, cứ nói thẳng ra, rồi tự nhiên người đọc cảm thông và hiểu biết.

[5] Nên xem quyển “Trang Tử tinh hoa” cùng một tác giả. Nhà xuất bản Phạm văn Tươi trong loại sách “Học và Hiểu” Chương Lý trí và Trực giác.

[51] “Trăm ngày thì thông hiểu”. Như loại “Pháp ngữ bách nhật thông”, “Y học bách nhật thông” hoặc “Cours de Francais en 3 mois”, “Cours d’Anglais en 1 mois” v.v Rồi lại còn có những loại sách như “Sélection”, “Reader’s Digest” của Mỹ.

[\[52\]](#) Payot. Editeur



[\[53\]](#) Les Cinq Grandes Religions du Monde (H. de Glasenapp)

[54] Đọc quyền “*Thuậ ử thế cả ngườ ử*” cùng một tác giả (nhà xuất bản Phạm văn Tươi), chương I.

[55] Xem quyển “*Thuật ở thế cả ngườ*” cùng một tác giả, ở trang Phụ lục: Tâm sự của Khuất Nguyên.

Khuất Nguyên ở đây, là đại diện hạng người hướng ngoại, còn lão đánh cá là đại diện hạng người hướng nội Đông phương.

[56] Xem quyển “*Complexité*” của J. de Courbeville.

[57] Tề Vật Luận (Trang Tử). Ở đây Trang tử đã lên án cái lối phê bình biện bác của người đời (Xem quyển *Trang Tử tinh hoa*, cùng một tác giả).

[58] Procuste: một tên cướp hễ bắt được ai, thì đem lên một cái giường mà đo. Hễ dư thì chặt bớt chân, còn thiếu thì kéo dài thêm cho đúng cái giường của anh ta.

[59] “L’unité de tout ce qui existe est tellement évidente que, j’en suis sûr, si l’on piquait d’une aiguille un pétale de rose, il en coulerait une goutte de sang humain.”

[\[6\]](#) Xem quyển “Văn minh cơ giới” cùng một tác giả sắp xuất bản. Nghiên cứu rất đầy đủ về ảnh hưởng hay dở của nền văn minh đang làm bá chủ trên thế gian này.



[\[61\]](#) Xem quyển “La Raison du Machinisme” của bà Gina Lombroso.

[62] Văn học Việt Nam sau này cũng bị Tây phương xâm chiếm mất, đến đổi nhiều nhà văn trong nước đặt ra một lối văn học vụng lấy sự thành công xui theo tây phương 100% và đặt tên là văn học lành mạnh, dĩ nhiên những gì có vẻ Đông phương thuần túy đều bị liệt vào lối văn học bệnh hoạn, văn học phản tiến hóa, phản khoa học, v.v

[\[63\]](#) Xem quyển “Văn minh Cơ giới” cùng một tác giả. Sách sắp xuất bản.

[\[64\]](#) Xem Phụ lục trong quyển *Lưu án đg trong nhà loạ*

[\[65\]](#) *Orient et Occident* của Gulglielmo Ferrero.

[66] Đọc những sách *Orient et Occident* của R. Guénon, *Orient et Occident* của G. Ferrero và *l'Homme et son histoire* của R. Grousset.

[\[67\]](#) *Entre le Passé et l'A venir* của Guglielmo Ferrero. Nhà xuất bản “Aux Editions du Sagittaire”, 1956 (trang 139)

[68] Thời đại hoàng kim (âge d'or) là tượng trưng thời đại tinh thần đạo đức hưng thịnh, thế giới thái bình. Thời đại hắc ám (âge noir) là tượng trưng thời đại vật chất, đạo đức suy vi, thế gian hỗn loạn.



[69] Tout est Double; toute chose passède des pôles; tout a deux extrêmes; semblable et dissemblable ont la même signification; les pôles opposés ont une nature identique mais des degrés différents; les extrêmes se touchent; toutes les vérités ne sont que des demi-vérités; tous les paradoxes peuvent être conciliés”

Le Kybalion (H. Durville, 23, Rue St Merri – Paris Ivè), trang 29.

Quyển sách Huyền học của Cổ Ai Cập và Cổ Hy Lạp có giá trị tương đương với Dịch Kinh của Cổ Trung Hoa.

[79] “Le masculin comme expression du mouvement, le féminin comme expression du repos déterminent l’unité et l’accomplissement de la polarité. Ceci est plus qu’une “loi”; c’est “l’ordre naturel de la vie”. C’est le phénomène de la Vie”

*Le destin des Civilisations* par Leo Frobenius (Gallimard, 1940, p.191-192).